



NGUYỄN KHẮC NHO

PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung:	ThS. CÙ THỊ THÚY LAN ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
Trình bày bìa:	ThS. VŨ THỊ MAI LIÊN BÙI BỘI THU
Chế bản vi tính:	NGUYỄN MẠNH HÙNG LÊ MINH ĐỨC
Đọc sách mẫu:	VŨ THỊ MAI LIÊN VIỆT HÀ

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4139-2020/CXBIPH/12-337/CTQG.
Số quyết định xuất bản: 5363-QĐ/NXBCTQG, ngày 15/10/2020.
Nộp lưu chiểu: tháng 10 năm 2020.
Mã số ISBN: 978-604-57-6107-6.

**PHONG CÁCH
HỒ CHÍ MINH**

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Nguyễn Khắc Nho

Phong cách Hồ Chí Minh / Nguyễn Khắc Nho. - H. : Chính trị
Quốc gia, 2020. - 172tr. ; 21cm

ISBN 9786045754498

1. Hồ Chí Minh, 1890-1969, Lãnh tụ Cách mạng, chính trị gia,
Việt Nam 2. Phong cách

959.704092 - dc23

CTK0229p-CIP

NGUYỄN KHẮC NHO

PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Phong cách Hồ Chí Minh là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ di sản vô giá mà Người để lại cho dân tộc và nhân loại. Phong cách của Bác là một hệ thống chỉnh thể, gắn bó chặt chẽ với nhau, phát triển theo lôgich từ suy nghĩ (*phong cách tư duy*) đến nói, viết (*phong cách diễn đạt*) và biểu hiện qua *phong cách làm việc*, *phong cách ứng xử*, *phong cách sinh hoạt* hằng ngày. Đó là phong cách của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là phong cách của một người chân chính, bình thường, gần gũi, ai cũng có thể học để làm theo và trở thành công dân tốt trong xã hội.

Nhằm giúp bạn đọc có thêm tư liệu hiểu rõ hơn về phong cách của Người, góp phần thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Phong cách Hồ Chí Minh*** của tác giả Nguyễn Khắc Nho. Nội dung cuốn sách tập trung nghiên cứu sáu phong cách sau: (1) Phong cách suy nghĩ và học tập độc lập, sáng tạo; (2) Phong cách làm việc dân chủ, khoa học, kỹ lưỡng, cụ thể, tối nơi, tối chốn; (3) Phong cách ứng xử văn hóa, tinh tế, đầy tính nhân văn, thấm đậm tinh thần yêu dân, trọng dân; vì dân;



(4) Phong cách nói đi đôi với làm, nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm; (5) Phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương, sống thanh cao, giản dị, lạc quan; (6) Phong cách kiên trì và nhẫn耐, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, sống ở đâu cũng được nhiều người yêu quý, giúp đỡ và làm theo.

Bằng sự tổng hợp, chắt lọc, đúc kết cùng tâm huyết nhiều năm nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, tác giả đã gợi mở hướng tìm hiểu mới về phong cách của Người, một phong cách sống có sức cảm hóa kỳ diệu, tạo niềm tin yêu và sức sống mãnh liệt. Từ đó chúng ta càng cảm nhận rõ hơn niềm tự hào vì dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Chủ tịch Hồ Chí Minh - người Việt Nam đẹp nhất.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 01 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



I. PHONG CÁCH SUY NGHĨ VÀ HỌC TẬP: SUY NGHĨ KỸ, ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ, SÁNG TẠO, LUÔN GẮN CHẶT LÝ LUẬN VỚI THỰC TẾ. HỌC TẬP ĐỂ TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC, ĐỂ LÀM NGƯỜI CÁCH MẠNG MẪU MỰC, HỌC ĐI ĐỒI VỚI HÀNH

Bác Hồ sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, rất thương người và hiếu học, ở miền quê Nghệ An giàu truyền thống yêu nước chống ngoại xâm. Nguyễn Sinh Cung - tên thời thơ ấu của Bác - là cậu bé ham hiểu biết và hay hỏi những điều mới lạ. Khi trời mưa có tiếng sấm, cậu hỏi người lớn sấm ở đâu, khi biết sấm ở trên trời, cậu lại hỏi: “Thế ở trên trời còn có gì nữa không, có người ta không?”.¹

Khi học ở trường tiểu học, Nguyễn Sinh Cung lần đầu tiên được biết đến khẩu hiệu nổi tiếng của Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1789: “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, “Đây là điều hoàn toàn mới lạ và rất tự nhiên cậu Cung nảy ra ý muốn “tìm hiểu những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy”¹.

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An: *Bác Hồ thời niên thiếu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 54.



Cụ Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của chủ tịch Hồ Chí Minh, từ khi đỗ phó bảng thì được dân làng thường gọi là “Quan phó bảng”. Cụ đã viết lên xà nhà: Không lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình. Vì cụ không muốn con mình trở thành cậu áim¹.

Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị nô lệ, đau thương, biết bao cuộc khởi nghĩa và đấu tranh chống thực dân Pháp đều bị đàn áp tàn bạo và thất bại, tình hình tăm tối như không có đường ra, do đó mặc dù rất khâm phục tinh thần yêu nước của các bậc chú bác, nhưng Nguyễn Tất Thành không hoàn toàn tán thành cách làm của một người nào. Đau lòng trước cảnh nước mắt nhà tan, anh Thành suy nghĩ rất nhiều. Như chyện nhớ lại trong sách *Tứ thư* đã dạy: muốn tu thân thì trước hết phải “cách vật”, “trí tri”², nghĩa là phải nghiên cứu kỹ để hiểu thấu đáo, hiểu đến tận cùng cái lý của sự vật nên cuối cùng anh quyết định ra đi tìm đường cứu nước.

Anh Thành đến huyện đường Bình Khê thăm cha, sau đó ra đi. Cụ Nguyễn Sinh Sắc đã khuyên nhủ con trai: Con phải tự tìm ra cho mình một hướng đi, một con đường. Đời cha không có con đường, đành chịu phận: chí đoán hận trường - chí nhỏ hận dài. Lúc ta còn thơ ấu thì thuộc quyền cha mẹ, lúc ta lớn lên thuộc về đất nước, lúc về già lại phải dành cho lớp người sau là quan trọng

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An: *Bác Hồ thời niên thiếu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 45.

2. Xem *Tứ thư*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 14.



nhất. Cứu nước là có hiếu với cha rồi đấy... Anh Thành rất thương cha!...¹

Anh Thành vào Sài Gòn, thấy ở đây có điều kiện để thực hiện ước mơ của mình. “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”². Anh muốn rủ một người bạn cùng đi. Người bạn ngạc nhiên hỏi: “Chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?”. Anh Thành giơ hai bàn tay lên và nói: “Đây, tiền đây. Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi”³. Nhưng sau đó anh bạn không có đủ can đảm để cùng đi với anh Thành.

Anh Thành đã lên tàu xin việc làm. Chủ tàu thấy anh có dáng vẻ một học trò hơn là một người lao động nên đã hỏi: “Anh có thể làm việc gì?”. Anh Thành trả lời: “Tôi có thể làm bất cứ việc gì”⁴. Chủ tàu nói: “Được, ta sẽ lấy anh làm phụ bếp”.

Ngày 05/6/1911, tàu Amiral Latouche - Tréville rời bến cảng Sài Gòn đi Mâcxây (Marseille, Pháp), mang theo một thanh niên Việt Nam tên là Văn Ba, 21 tuổi, tràn đầy lòng nhiệt huyết yêu nước, thương dân, quyết tâm ra đi để tìm hiểu, học hỏi nền văn minh của thế giới, rồi trở về giúp đồng bào mình.

1. Xem Sơn Tùng: *Búp sen xanh*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 2008, tr. 240.

2, 3, 4. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr. 16, 18.



Cuộc hành trình tìm đường cứu nước ấy đã kéo dài 30 năm, qua ba đại dương, bốn châu lục và khoảng 40 nước. Người đã sống và hoạt động ở các trung tâm nghèo khổ nhất, giàu có nhất và cách mạng nhất của thế giới lúc bấy giờ. Đó là cuộc hành trình vĩ đại, mở đầu cho tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo và thật sự là trường đại học lớn trong cuộc sống.

Làm phụ bếp trên tàu, mọi việc với anh Ba đều mới lạ nên phải học tất cả. Suốt ngày, từ 4 giờ sáng đến 9 giờ tối, người anh Ba dầm nước, mồ hôi bụi than, làm việc mệt lử, nhưng anh vẫn thức tối nửa đêm để đọc hay viết.

Anh Ba làm quen và kết thân với hai hành khách là người lính trẻ tuổi giải ngũ về Pháp. Họ cho anh mượn những quyển sách nhỏ, dạy cho anh đọc và viết. Anh Ba lại dạy họ học quốc ngữ. Qua đó, anh ngạc nhiên nhận thấy: “Cũng có những người Pháp tốt”¹.

Tàu đến Mácxây, anh Ba càng ngạc nhiên: “Ô! Ô Pháp cũng có người nghèo như bên ta!”². Trông thấy những gái điếm đến làm tiền trên tàu, anh Ba tự hỏi: “Tại sao người Pháp không “khai hóa” đồng bào của họ trước khi đi “khai hóa” chúng ta”³. Lần đầu tiên vào tiệm cà phê, được người Pháp gọi anh bằng “ông”, anh Ba suy nghĩ: “Người Pháp ở Pháp tốt, lẽ phép hơn người Pháp ở Đông Dương”⁴.

1, 2, 3, 4. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 21, 22.



Tàu đến đâu anh Ba cũng để ý xem xét. Mỗi lần tàu cập bến anh đều tìm cách đi thăm thành phố. Đến Đaca, biển nổi sóng dữ dội, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra liên lạc với tàu, họ bị sóng cuốn đi. Cảnh tượng đó làm cho anh Ba rất cảm động, anh đã khóc và nhớ lại cảnh ấy cũng đã từng xảy ra ở Phan Rang nước ta. Bọn Pháp cưới sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Anh suy nghĩ: “Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo... Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu”¹.

Anh Ba theo con tàu đi vòng quanh châu Phi, rồi qua Trung Mỹ, Nam Mỹ và dừng chân ở nước Mỹ vào cuối năm 1912. Anh đi làm thuê để kiếm sống với lương tháng 40 đôla Mỹ. Anh có dịp tìm hiểu về cuộc đấu tranh giành độc lập của Nhân dân Mỹ với bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng, ngắm tượng Nữ thần Tự do, đi qua các khu phố hoa lệ có những ngôi nhà cao chọc trời ở Niu Oóc (New York) và cả những căn nhà ổ chuột của người da đen ở khu Háclem (Harlem).

Tại Niu Oóc, ngày 15/12/1912, anh Thành viết thư cho Khâm sứ Trung Kỳ nhờ cho biết tình hình và địa chỉ của cha. Trong thư anh nói đã gửi cho cha ba ngân phiếu nhưng mới chỉ nhận được một lần trả lời.

1. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 30.



Năm 1913, anh Thành đến nước Anh để học tiếng Anh - một công cụ giao tiếp rất quan trọng lúc bấy giờ. Để có tiền học, anh nhận việc cào tuyết trong một trường học, rồi chuyển sang đốt lò trong hầm. Công việc quá vất vả, mệt và đòi thường xuyên, lại không có đủ quần áo ấm nên anh bị cảm, phải nghỉ việc liền hai tuần lễ. Với số tiền để dành, sau khi trả tiền phòng, tiền bơ, bánh mì và sáu bài học tiếng Anh, anh chỉ còn lại 6 hào rưỡi.

Sinh thời, các lãnh tụ của giai cấp vô sản đều là tấm gương lớn về học ngoại ngữ, công cụ giao tiếp quan trọng nhất của nhân loại. Mác biết thành thạo 10 ngoại ngữ và “đã đọc hầu hết các sách quan trọng của thời đại mình”. Ăngghen biết đến 21 ngoại ngữ. Mác và Ăngghen khi trên 50 tuổi, do yêu cầu phải nghiên cứu mà hai ông đã học thêm tiếng Nga. Lê nin biết thành thạo tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Pháp, đọc được tiếng Ba Lan và tiếng Italia¹.

Anh Thành phải đến sở tìm việc và được giới thiệu đến làm ở khách sạn Cacloton (Carlton Hotel) ở Luân Đôn (London). Câu chuyện anh thu dọn những miếng ăn thừa còn ngon lành, không vứt đi mà để cho những người nghèo đã khiến ông vua đầu bếp Étcôpphe cảm mến. Ông không để anh phải rửa bát nữa mà sắp xếp anh vào chỗ làm bánh, với mức lương cao hơn. Nhờ đó, anh Thành có thêm nhiều thời gian để học tiếng Anh.

1. Xem *Kể chuyện Bác Hồ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2003, t. 2, tr. 216.



Anh Thành là người rất giàu tình cảm. Có lần khi đọc một bài viết trên báo, anh đã chảy nước mắt vì biết tin về cái chết dũng cảm của thị trưởng Coóc - một nhà đại ái quốc Ái Nhĩ Lan¹. Anh lại nhớ tới cái chết của cụ Tống Duy Tân ở nước ta và khẳng định: “Cái chết của họ làm cho Tổ quốc họ sống lại, lòng can đảm của họ bất diệt”².

Từ nước Anh xa xôi, anh Thành vừa lao động, học tập, vừa tham gia Hội những người lao động hải ngoại Luân Đôn. Anh được gặp gỡ, trao đổi với luật sư Phan Văn Trường và thường viết thư qua lại với cụ Phan Châu Trinh đang ở Pari (Paris), đồng thời gửi thư về nước thăm hỏi cha.

Khoảng cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại nước Pháp. Khi gặp lại những người Việt Nam, anh nói với họ: “Trong khi vua Duy Tân nổi dậy ở Huế, Nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghĩa, thì chúng ta phải làm gì chứ”³. Những ngày đầu ở Pari, anh đã nhận được sự giúp đỡ của cụ Phan Châu Trinh. Cụ Phan dạy cho anh nghề làm ảnh. Sau đó cụ Phan và anh cùng ở chung với luật sư Phan Văn Trường, nơi đây trở thành điểm hội tụ của nhiều người Việt Nam sinh sống trên đất Pháp. Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực các dân tộc thuộc địa và theo đuổi lý tưởng cao quý: “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”.

1. Ái Nhĩ Lan: Aixølen (BT).

2, 3. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd*, tr. 39, 40.



Ngày 18/6/1919, nhân Hội nghị các nước đế quốc họp ở Vécxây, những người Việt Nam yêu nước ở Pháp đã cùng thảo ra một bản yêu sách gửi tới Hội nghị, thay mặt nhóm ký tên vào bản yêu sách là Nguyễn Ái Quốc. Đây là lần đầu tiên tên gọi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện. Cùng ngày, báo *Nhân đạo* cho đăng toàn văn bản yêu sách. Nguyễn Ái Quốc bỏ tiền ra in thành 6.000 tờ truyền đơn và tự tay viết yêu sách bằng chữ quốc ngữ, chữ Hán, rồi đem phân phát trong các cuộc họp, mít tinh, sinh hoạt câu lạc bộ và gửi về nước qua đường bưu điện hay nhờ các thủy thủ.

Bản yêu sách gửi tới Hội nghị Vécxây mặc dù không được các nước đế quốc hồi âm, dù chỉ là những yêu cầu khiêm nhường, tối thiểu như tự do báo chí, tự do lập hội,... song lại tác động mạnh mẽ đến người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Đây là lần đầu tiên một người Việt Nam - tên gọi Nguyễn Ái Quốc - đã dũng cảm đưa vấn đề chính trị của Việt Nam ra quốc tế. Còn thực dân Pháp vừa lo sợ, vừa căm tức nên đã ra lệnh khám xét, tịch thu các bản in yêu sách, đe dọa và theo dõi Nguyễn Ái Quốc. Bản yêu sách là quả bom chính trị giữa Pari. Từ thực tế đó, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy: “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình”¹.

1. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 43.



Sau này khi muốn đăng tin trên báo, do không đủ vốn tiếng Pháp nên anh Nguyễn phải khẩn khoản nhờ luật sư Phan Văn Trường viết thay. Luật sư Trường viết giỏi nhưng không muốn ký tên và không viết tất cả những điều anh Nguyễn muốn nói. Do vậy, anh Nguyễn đã bắt tay vào việc học làm báo.

Anh Nguyễn đến ở ngõ Côngpoanh vì tại đây có nhà rửa ảnh mà anh làm công cho họ. Anh sống rất cực khổ. Vào mùa đông lạnh, mỗi buổi sáng trước khi đi làm, anh đẽ một viên gạch vào lò bếp của khách sạn, chiêu về lấy viên gạch ra, bọc nó vào trong những tờ báo cũ rồi đẽ xuống nệm cho đỡ rét¹. Từ đây, anh tự lập về kinh tế, tích cực học viết văn Pháp, giao thiệp rộng với các nhà cách mạng, nhất là với anh em châu Phi. Côngpoanh là bước ngoặt kinh tế, chính trị trong đời anh².

Khi anh Nguyễn đến tòa báo *Dân chúng* - cơ quan của Đảng Xã hội Pháp và là tờ báo duy nhất ở Pháp cho in những lời yêu cầu của Việt Nam, Chủ nhiệm báo là Giăng Lôngghê (Jean Longuet) - cháu ngoại Các Mác, nghị viên của Quốc hội Pháp - đã tiếp đón anh rất thân mật và khuyến khích anh viết bài. Anh bắt đầu viết rất khó khăn vì thiếu vốn ngữ văn Pháp. Thế rồi anh hết sức vui sướng khi thấy bài viết đầu tiên được đăng báo.

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd*, tr. 51.

2. Xem *Bác Hồ sống mãi với chúng ta (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 2, tr. 1085.



Anh đã đọc lại bài báo đã in, kiên nhẫn so sánh và sửa những chỗ viết sai. Ông chủ bút yêu cầu bây giờ anh viết dài hơn một tí, khoảng 7 - 8 dòng. Dần dần anh Nguyễn có thể viết cả một cột báo. Sau đó ông chủ bút lại bảo anh: “Bây giờ anh viết ngắn lại, viết từng này dòng thôi”. Anh Nguyễn hết sức cố gắng và đã thành công.

Về văn học, anh Nguyễn thích đọc Sêchxpia (Shakespeare) và Đíchken (Dickens) bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Quốc và Huygô (Hugo), Dôla (Zola) bằng tiếng Pháp. Truyện ngắn đầu tiên của anh Nguyễn được đăng trên báo *Nhân đạo* làm hai kỳ. Tòa báo đã trả nhuận bút một trăm quan - một số tiền lớn lúc bấy giờ và là một thành công lớn về hai mặt: văn chương và tài chính¹.

Sống ở nước ngoài nhưng anh Nguyễn không một giây phút nào quên Tổ quốc mình, sau nhiều năm suy nghĩ, trăn trở về vấn đề thuộc địa, khi được tiếp nhận *Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lenin*, anh Nguyễn ví mình như người đi đường đang đói mà có cơm ăn, đang khát mà có nước uống. Sau này Người đã kể lại giờ phút lịch sử ấy: “Luận cương của V.I. Lenin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đồng đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 47-48.



là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!””¹.

Nguyễn Ái Quốc là người bản xứ duy nhất có mặt tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp tháng 12/1920. Trong lời phát biểu tại Đại hội, Nguyễn Ái Quốc kêu gọi: “Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi !”² cả Đại hội vô tay tán thành.

Như vậy chính chủ nghĩa yêu nước đã đưa Nguyễn Ái Quốc tin theo Lênin, trở thành người cộng sản. Tinh hoa của dân tộc đã gặp gỡ tư tưởng tiên phong của thời đại, trở thành một “cẩm nang” thần kỳ, là kim chỉ nam, mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thăng lợi cuối cùng.

Sau Đại hội lần thứ I của Đảng Cộng sản Pháp năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã đề nghị Ban lãnh đạo của Đảng thành lập một ban nghiên cứu thuộc địa, ý kiến đã được Đảng chấp nhận và chỉ định anh tham gia ban nghiên cứu đó. Anh đã sử dụng chính báo chí Pháp để tấn công chủ nghĩa thực dân. Tiếp đó, được sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với đại biểu các thuộc địa của Pháp có mặt ở Pari tham gia sáng lập Hội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 12, tr. 562.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 35.



liên hiệp các dân tộc thuộc địa Pháp ngày 20/7/2021. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử xuất hiện tổ chức liên minh của các dân tộc bị áp bức cùng đấu tranh giải phóng. Hội cho xuất bản tờ báo *Le Paria* (*Người cùng khổ*) làm cơ quan ngôn luận. Ngày 01/4/1922, trên trang nhất số báo đầu tiên đã đăng trang trọng lời kêu gọi:

“*Le Paria* đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, mục đích của báo chắc chắn sẽ đạt được: đó là giải phóng loài người”¹.

Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm, chủ bút, giữ quỹ, kiêm cả việc phát hành, đôi khi còn trực tiếp đi bán báo, đồng thời là cây bút chính của báo.

Sáu năm sống ở Pháp là thời kỳ hoạt động xuất sắc và sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc. Các nhà hoạt động chính trị ở các thuộc địa của Pháp thừa nhận anh là người đồng chí thân thiết, tin cậy, “là người đã dẫn đầu cuộc đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa”. Đảng Cộng sản Pháp coi anh là một thành viên sáng lập, “đã góp phần hoàn chỉnh để cương về vấn đề thuộc địa để hình thành truyền thống chống thực dân, làm vinh quang cho Đảng Cộng sản Pháp”².

Năm 1923, Quốc tế Cộng sản chính thức mời Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô tham dự và phát biểu về vấn đề

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 491.

2. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr. 103-108.



thuộc địa tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản. Đảng Cộng sản Pháp đã bí mật chuẩn bị cho chuyến đi này.

Lần đầu tiên đến đất nước Liên Xô, trải qua hơn một năm hoạt động ở trung tâm phong trào cộng sản quốc tế (7/1923 - 10/1924), Nguyễn Ái Quốc được sống chan hòa trong tình đoàn kết quốc tế vô sản. Anh đã phát biểu ở Hội đồng Quốc tế nông dân và được bầu vào Đoàn chủ tịch gồm 11 ủy viên, Nguyễn Ái Quốc là người Việt Nam đầu tiên theo học trường Đại học Phương Đông. Ngày 21/01/1924, tin V.I. Lenin qua đời đã gây xúc động lớn trong nhân dân Xôviết và bạn bè trên khắp thế giới. Nguyễn Ái Quốc vô cùng tiếc thương và ân hận vì trong đời mình chưa một lần được gặp V.I. Lenin. Anh đến viếng thi hài Lenin trong thời tiết giá lạnh dưới -30°C, tay chân tê cứng, rớm máu. Khi trở về phòng ở, anh viết bài: "Lenin và các dân tộc thuộc địa". Ngày 24/01/1924, báo *Sự thật* - Cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Liên Xô - đã đăng trang trọng bài viết này.

Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc được nhận vào làm cán bộ tại Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản và được mời đến Hồng trường để nói chuyện với những người di biểu tình ngày 01/5/1924.

Tham dự và phát biểu tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (diễn ra từ ngày 17 tháng 6 đến ngày 08/7/1924), Nguyễn Ái Quốc đã chân thành và thẳng thắn phê bình một số Đảng Cộng sản còn coi nhẹ vấn đề thuộc địa. Sau đó Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội lần thứ III



Quốc tế Công hội đỏ, Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên và Hội nghị của tổ chức Quốc tế cứu tế đỏ.

Với cương vị mới và tầm nhìn mới, trong những bài báo viết trên đất nước Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã nêu một luận điểm nổi tiếng: “Chủ nghĩa tư bản là một con đĩa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi”¹. Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, gửi đi Pari cuối năm 1924.

Nguyễn Ái Quốc có dịp đến thăm nhiều nơi, tận mắt thấy rõ những thành tựu của Nhà nước Xô viết trẻ tuổi, anh nhận xét: “Từ bé đến lớn chưa bao giờ thấy trong mình tự do, khoan khoái và sung sướng như lúc bấy giờ”². “Nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ con”³. Tại Đại hội Quốc tế Phụ nữ, anh đã gặp đồng chí N. Crúpxcaia (Krupskaya, vợ của Lenin). Đồng chí ân cần hỏi anh về phong trào phụ nữ Việt Nam. Anh nhận xét: đồng chí N. Crúpxcaia rất chất phác, hiền lành, khiêm tốn và nói tiếng Pháp rất thạo, đồng chí là Bộ trưởng Bộ Giáo dục⁴.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 130.

2. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 24.

3. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 85.

4. Xem T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr. 27.



Từ thực tế ở trung tâm phong trào cộng sản quốc tế, Nguyễn Ái Quốc dần dần sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận đang đặt ra cho cách mạng thế giới và thấy cần thiết phải phát biểu quan điểm của mình với Quốc tế Cộng sản.

Trong “Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ”, Nguyễn Ái Quốc nêu lên luận điểm: “Cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây”¹. Vì hoàn cảnh lịch sử khác nhau, có nước không trải qua chế độ nô lệ.

“Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”² - “động lực vĩ đại và duy nhất”. Do vậy cần bổ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng chủ nghĩa dân tộc phương Đông, tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Đây là luận điểm mới mẻ và cực kỳ táo bạo. Vì sau khi Lê nin mất, lý luận về đấu tranh giai cấp đang có xu hướng bị cường điệu hóa, được coi là tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá người mácxít.

Báo cáo chỉ ra phương hướng chung là: “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản”³. Khi chủ nghĩa dân tộc thắng lợi, nhất định sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế. Báo cáo kết luận: “Để một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương có cơ thắng lợi: phải có tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng... được nước Nga ủng hộ... trùng hợp với cách mạng vô sản ở Pháp... gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới”⁴.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 508, 511, 513, 520.



Báo cáo “là một tác phẩm lý luận xuất sắc”, “thể hiện một thái độ dũng cảm, thăng thắn trong truy tìm chân lý, một năng lực tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo”, lấy thực tiễn là linh hồn của chủ nghĩa Mác, “Nguyễn Ái Quốc đã vượt lên so với các nhà cách mạng tiền bối của mình”¹. Đó cũng là sự chuẩn bị về mọi mặt để lên đường về gần Tổ quốc, Người đến Quảng Châu ngày 11/11/1924.

Với cương vị Ủy viên Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, trong những năm 1925-1930, Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp chuẩn bị về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập đảng cộng sản ở Việt Nam.

Bản án chế độ thực dân Pháp: là một tác phẩm lớn của Nguyễn Ái Quốc, xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Pháp ở Pari năm 1925. Ngay từ khi mới ra đời, tác phẩm đã có tiếng vang lớn trong Nhân dân Pháp và nhân dân các nước thuộc địa. Theo Thủ tướng Phạm Văn Đồng: Đó là những trang trần trụi về cuộc sống thực tế, với những chi tiết khốc liệt, không lý luận mà lại sáng ngời lên triết lý của lịch sử phương hướng đấu tranh của các dân tộc và của loài người. “Tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp, và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!”². “Người An Nam lại đã có: những 10 trường học, những 1.500 đại lý rượu và thuốc phiện cho

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, tr. 147-154.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 26.



1.000 làng kia đấy!”¹. “Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: “So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện!”². Với 12 chương và một phụ lục, tác phẩm đã tố cáo và lên án đanh thép những tội ác tàn trời của chủ nghĩa thực dân, vạch rõ nguồn gốc của mọi nỗi khổ cực của Nhân dân ở các thuộc địa, vạch ra đường lối đấu tranh, thức tỉnh, cổ vũ nhân dân các thuộc địa chủ động làm cách mạng để tự giải phóng mình. *Bản án chế độ thực dân Pháp* ra đời đã giáng đòn tiến công quyết liệt vào chủ nghĩa đế quốc, soi đường cho cách mạng Việt Nam, cách mạng các thuộc địa, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XX và cho tới ngày nay; đồng thời thức tỉnh loài người tiến bộ phải xóa bỏ chế độ thực dân - vết nhơ bẩn của nhân loại.

Là người luôn chủ động, chắc chắn, rất chú ý thực hành, cho nên đi tới đâu, Nguyễn Ái Quốc cũng tận dụng mọi hoàn cảnh để tuyên truyền, tổ chức, xây dựng lực lượng, từ đó góp phần thi hành bản án mình đã viết. Quảng Châu là địa bàn cư trú và hoạt động của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước, lúc đó lại là trung tâm cách mạng của Trung Quốc - “Mátxcơva của phương Đông”. Nguyễn Ái Quốc nói thông thạo tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Quảng Đông và biết tiếng Nga, làm phiên dịch trong văn phòng của đoàn cố vấn Xôviết tại Quảng Châu.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 42, 77.



Sau khi liên lạc và trao đổi với các nhà cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu, xây dựng nhóm trung kiên làm chỗ dựa là Tâm tâm xã, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (tháng 6/1925), mở các lớp huấn luyện cho Hội và xuất bản tờ báo *Thanh niên* (ngày 21/6/1925). Đây là tờ báo cách mạng đầu tiên bằng tiếng Việt. Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập, là cây bút chủ chốt. Nhiều số báo đã được bí mật đưa về nước, phổ biến khắp ba kỳ và tổ chức in lại trong nước. Báo *Thanh niên* góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào Việt Nam, chuẩn bị mọi mặt để tiến tới thành lập Đảng.

Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là tổ chức quần chúng tập hợp những thanh niên yêu nước, theo khuynh hướng mácxít, dần dần huấn luyện họ trở thành người cộng sản. Đây được xem là tổ chức cách mạng đầu tiên, tiên thân của Đảng. Nguyễn Ái Quốc biên soạn chương trình, trực tiếp giảng bài, tổ chức các lớp huấn luyện, hướng dẫn thảo luận, thực hành. Kết thúc mỗi lớp học, cán bộ được cử về nước gây dựng cơ sở. Trước khi về, các anh đến nghĩa trang Hoàng Hoa Cương để viếng mộ đồng chí Phạm Hồng Thái. Nguyễn Ái Quốc còn lựa chọn cử học viên sang Nga học Trường Đại học Phương Đông, Trường Quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu. Với tầm nhìn xa, anh còn muốn gửi một nhóm thiếu nhi từ 12 đến 15 tuổi sang Nga để trở thành những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam. Trong những năm 1925-



1927, Nguyễn Ái Quốc đã đào tạo cho đất nước trên dưới 200 cán bộ cách mạng. Đó đều là những hạt giống đỗ tiêu biểu cho cách mạng Việt Nam sau này như: Ngô Gia Tự, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Đức Cảnh, Hà Huy Tập, Lê Hồng Sơn, Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng,...

Đường cách mệnh là cuốn sách tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu, xuất bản năm 1927. Đây là một trong những tác phẩm lớn đánh dấu mốc quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời là văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng, đặt nền tảng tư tưởng cho đường lối cách mạng Việt Nam. Mở đầu tác phẩm là bài “Tư cách một người cách mệnh”¹ với 23 điều về tư cách, phẩm chất người cách mạng. Vấn đề con người, vấn đề cán bộ phải là vấn đề hàng đầu, quyết định của cách mạng.

Thực tế ở Mỹ, 94 năm sau Tuyên ngôn độc lập (1776-1870), người da đen mới được quyền bầu cử; sau đó đến năm 1920, người phụ nữ mới được hưởng quyền đó. Từ lịch sử cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, cách mạng Nga, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ bài học, ý nghĩa nêu nhó là cần: “Phải cách mạng đến nơi”², nghĩa là sau khi tiến hành cách mạng rồi thì chính quyền phải giao cho dân chúng số nhiều, thế mới khởi phái hy sinh làm cách mạng nhiều lần, thế dân chúng mới được hưởng hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật sự. Quả thật vấn đề tư cách phẩm chất

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 280-281, 292.



cán bộ và vấn đề cách mạng đến nơi, triệt để là hai vấn đề chiến lược, là giá trị đặc sắc lâu dài, là công hiến vô cùng quý báu của *Đường cách mệnh*.

Để tiếp tục nắm rõ hiểu và hiểu sâu sắc về tư cách người cách mạng, ngày 18/9/1926, trên báo *Thanh niên* ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đăng bài “Người cách mạng mẫu mực”. Sự nghiệp cách mạng rộng lớn và khó thực hiện, đòi hỏi người cách mạng kiểu mẫu phải:

“1. Đêm ngày nghĩ đến sự nghiệp cách mạng và cứu độ nhân loại.

2. Hy sinh tiền bạc, thời gian và cả máu vì lợi ích các dân tộc bị áp bức; tóm lại, phải vị tha và không ích kỷ, phải tuân thủ theo phương châm “TỔ QUỐC TRÊN HẾT” ở mọi nơi và mọi lúc.

3. Làm việc không mệt mỏi tùy theo phương tiện và năng lực của mình...

4. Xem thường cái chết, bất chấp hiểm nguy, vì cách mạng là một cuộc chiến đấu trường kỳ và gian khổ...

5. Thuận theo hoàn cảnh về thời gian, không gian, không bỏ qua điều gì... luôn luôn nói và hành động một cách có ý thức.

6. Suy nghĩ kỹ càng trước khi hành động, vì việc thực hiện một kế hoạch phụ thuộc vào công tác chuẩn bị...

7. Lãnh đạo nhân dân vì sức mạnh của họ không thể thiếu được đối với sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Dân chúng vốn ít học, ngây thơ, khó liều mạng, dễ



bị lừa và bị mua chuộc... phải giáo dục họ, sửa chữa cho họ và chiếm được sự tin cậy của dân chúng...

8. Thành lập thật nhiều những tổ chức hùng mạnh thúc đẩy mau đến thắng lợi của cách mạng.

9. Xem thường danh vị, ngôi thứ và tiền bạc, vì chúng là cội nguồn sinh ra đố kỵ và hận thù và là nguyên nhân của những hành động chỉ điểm, phản bội làm tổn hại nghiêm trọng đến sự nghiệp cách mạng.

10. Không cục bộ, bởi vì cách mạng phải vì lợi ích của dân tộc chứ không phải của một cá nhân...

11. Không kiêu ngạo. Kẻ kiêu ngạo thì xa lánh nhân tâm quần chúng và tạo cho mình kẻ thù. Người cách mạng mẫu mực phải khiêm tốn, khoan hòa, lượng thứ, can đảm khi sa cơ, bình tĩnh khi thắng thế, không bao giờ được quên rằng cuộc đời mình và sự nghiệp của mình thuộc về toàn nhân loại chứ không thuộc về mình.

12. Kiên trì và nhẫn nại. Sự nghiệp cách mạng là lâu dài, khó khăn và nguy hiểm. Nếu người cách mạng thiếu kiên trì và nhẫn nại, thì những khó khăn sẽ làm anh ta thối chí và sẽ đào ngũ giữa trận tiền”¹.

Khi ôn lại 12 điều về người cách mạng mẫu mực cách đây gần 100 năm, chúng ta vô cùng tự hào nhớ tới biết bao người Việt Nam yêu nước, dũng cảm, thông minh và đùi đòi biết ơn cả một thế hệ vàng của cách mạng Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 513-515.



Có người thày vĩ đại mới có những học trò xuất sắc, nên Nguyễn Ái Quốc luôn thể hiện sự cảm phục và ca ngợi đạo đức, học vấn của Khổng Tử: “Ông nghiên cứu và học tập không mệt mỏi, ông không cảm thấy xấu hổ tí nào khi học hỏi người bê dưới... Công thức nổi tiếng của ông “Nhìn ngoài, nhìn vào việc từ chối nào đi đến như thế, xem cái người ta đi tới chỗ đó, xét cái người ta hòa lòng, thì người ta giấu làm sao được mình”, biểu hiện chiều sâu về trí tuệ của ông”¹. Nguyễn Ái Quốc cũng đã ca ngợi: “Mạnh Tử là một lý luận gia cách mạng của thế hệ ông bởi vì ông là tác giả đầu tiên của câu nói: “Dân là tất thảy, vua không là gì cả””². Người đi tối kết luận: “...những người An Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lenin”³. Đó là biện chứng của lịch sử và khẳng định lời dạy của Lenin là đúng đắn: “Chỉ có những người cách mạng chân chính, mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại”.

Muốn làm cách mạng phải có một đảng cách mạng chân chính. Do vậy, khi được tin trong nước đã hình thành nhiều tổ chức cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã gấp rút đi Hương Cảng để chủ động, kịp thời hợp nhất các tổ chức cộng sản, xóa bỏ sự chia rẽ. Hội nghị hợp nhất đã thành công tốt đẹp gắn liền với tên tuổi, trí tuệ, uy tín

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 562, 455, 563.



và đạo đức cách mạng trong sáng của Nguyễn Ái Quốc. Công lao to lớn đó thể hiện tính chủ động, sáng tạo và năng lực hoàn thành được sứ mệnh lịch sử trọng đại của Người.

Ngày 03/02/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, chấm dứt nguy cơ chia rẽ, thời kỳ bế tắc, khủng hoảng về đường lối đã kéo dài trong nhiều thập niên, mở đầu một thời kỳ mới vô cùng oanh liệt trong lịch sử dân tộc.

Trong những năm 1930-1941, từ nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc vẫn luôn theo dõi và chỉ đạo sát phong trào cách mạng ở trong nước: Người phê bình Đảng còn kém đường bí mật công tác¹, cần tìm cách sửa đổi. Mặc dù Nguyễn Ái Quốc đã ngăn ngừa trước xu hướng khủng bố và bạo động non, nhưng khi phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh bùng nổ, Người nhiệt liệt biểu dương: “Nghệ - Tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu “đỏ”!”², và khuyến khích tổ chức các đội tự vệ nông dân để chống lại sự đàn áp, chứ không phải để tiến hành cuộc khởi nghĩa địa phương.

Về phong trào mặt trận dân chủ 1936-1939, Nguyễn Ái Quốc chỉ đạo: “Lúc này Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao... sẽ rơi vào cạm bẫy của phát xít Nhật... Đối với bọn tòrotxkít không thể có thỏa hiệp nào, một

1, 2. Hồ Chí Minh: *Tobàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 93, 80.



nhiều bộ nào... phải liên hệ chặt chẽ với Mặt trận nhân dân Pháp... Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”¹.

Từ khi Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thì những suy nghĩ của Người đã trở thành đường lối chiến lược và sách lược độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng ta, góp phần đưa đất nước đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Về phong cách học tập, Bác đã để lại những lời dạy rất quý báu. “Khẩu hiệu “Học không biết chán, dạy không biết mồi”... chính là của Khổng Tử. Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học”². “Người huấn luyện nào tự cho là mình đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất”³. “Phải huấn và luyện. Huấn là dạy dỗ, luyện là rèn giũa cho sạch những vết xấu xa trong đầu óc... Nếu còn tự kiêu, tự mãn thì học biết nhiều chỉ thêm hại”⁴. Bác nhắc lại: “Kiêu ngạo, tự phụ, tự mãn là kẻ thù số một của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 167-168.

2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 6, tr. 356, 356, 359.



học tập”¹. “Phải biết tự động học tập... Học để sửa chữa tư tưởng... Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng... Học để tin tưởng... Học để hành: Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích... Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học Nhân dân là một thiếu sót rất lớn”².

Về quan hệ giữa lý luận và thực hành, biết và làm, Bác chỉ rõ: “Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành”³. Vì “Thực hành là nền tảng của lý luận... Chỉ có thực hành mới là tiêu chuẩn của sự thật... Không thực hành thì nhất định không thể hiểu biết... Thực hành, hiểu biết. Lại thực hành, lại hiểu biết nữa. Cứ đi vòng như thế mãi, không bao giờ ngừng. Và nội dung của thực hành và hiểu biết lần sau cao hơn lần trước. Đó là quan điểm *biết và làm thống nhất* của duy vật biện chứng”⁴.

Trong chuyến thăm Ba Lan năm 1957, trong không khí thân mật của bữa tiệc chiêu đãi, Chủ tịch nước Ba Lan Davátxki có hỏi Bác rằng: “Đồng chí là người nổi tiếng về đạo đức khiêm tốn, vậy đồng chí có thể cho biết khiêm tốn là thế nào?”. Bác trả lời: “Khiêm tốn là nền tảng đạo đức của cả dân tộc Việt Nam. Đối với bản thân tôi thì bao giờ cũng nhìn ra điều kém cỏi của mình. Đối với đồng chí và bạn bè thì ai cũng là thầy học của mình,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 98.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 360-361.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 120, 122-130.



tìm cho được điều mình phải học tập. Đối với kẻ thù, cần biết cái mạnh của địch và chỗ yếu của ta”¹.

Nhớ lại chuyện hồi Bác ở Tân Trào, đồng chí Nguyễn Tiến Sỹ là chủ nhiệm Việt Minh mới 38 tuổi, tuy chưa già nhưng sức khỏe giảm sút, đã được Bác khuyên bảo rằng: “Chú còn khỏe lắm. Nên đi học cho biết chữ. Phải học nhiều. Học văn hóa, học kinh nghiệm công tác ở mọi người, mọi lứa tuổi để làm việc tốt hơn. Không ai khôn hết được đâu”.

Có lần Bác kể chuyện: “Một hôm đi công tác giữa đường gặp mưa to. Đường mòn vừa dốc lại trơn, nên phải đi dò từng bước một. Bỗng gặp mấy cháu bé chăn trâu đang trú mưa ở cái lều bên đường. Một cháu nói: “Chà, cụ già này trời mưa, đường trơn, đi không có gậy chống mà không sợ ngã nhỉ?”.

Từ bùa ấy về sau, hễ đi đường gặp mưa trơn, nhớ lời các cháu kháo nhau, Bác đều tìm gậy để chống. Quả nhiên có gậy đi dễ hơn, nhanh hơn mà lại không sợ ngã”².

Năm 1959, trong chuyến thăm Indônêxia, Hiệu trưởng Trường Đại học Pátgiagiaran (Băngđung) đã trao tặng Bác bằng “Tiến sĩ danh dự luật học”. Người cảm ơn và nói: “Tôi không có điều kiện học tập khi còn trẻ, nhưng đã học tập trong xã hội, trong cuộc sống và đã học

1. Bác Hồ sống mãi với chúng ta (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 2, tr. 529-530.

2. Vũ Kỳ: Thư ký Bác Hồ kể chuyện, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 49.



tập để biết gân Nhân dân, yêu Tổ quốc, yêu hòa bình và ghét chủ nghĩa đế quốc, ghét áp bức và chủ nghĩa vị kỷ”¹.

Bác biết nhiều ngoại ngữ và đã kể lại kinh nghiệm của mình là: đến nước nào, mỗi ngày phải học mười từ của tiếng nước ấy. Học cho thuộc. Ngày sau lại học mười từ nữa. Không được quên. Cũng không quá cao hứng, học quá mười từ để rồi có ngày lại không học từ nào. Ba ngày được 30 từ. Lâu dần sẽ học được nhiều... Năm 1924, từ Pháp qua Liên Xô phải qua Đức. Bác chuẩn bị trước 15 ngày. Mỗi ngày học 10 từ. Học được tiếng nào Người tập nói ngay. Biết 150 từ đủ nói tạm tạm và trên đường qua Đức việc học tập kết quả hơn vì nói chuyện trực tiếp với người Đức...²

Đồng chí Vũ Kỳ là thư ký của Bác còn kể lại chuyện: sáng 27/8/1945, lần đầu tiên được làm việc với Bác ở số 48 Hàng Ngang, Bác đọc cho viết một lá thư bằng tiếng Pháp, khi đọc lại, Bác phải sửa cho 3 lỗi. Tôi thanh minh là bỏ lâu, đi hoạt động bí mật nên quên nhiều. Bác cười bảo là “hồi trước, Bác học chưa đỗ bằng chú, lại bỏ học lâu hơn chú, sao Bác không quên?”. Rồi lại kết luận “Cái chính là chú không chịu tự học thêm”³.

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, t. 7, tr. 187.

2. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 646.

3. Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 49.



Học tập để làm người Việt Nam yêu nước. Học ăn, học nói, học gói, học mở. Bác thường xuyên chú ý đến những bài báo viết về gương người tốt, việc tốt và thưởng huy hiệu cho những người tốt thuộc đủ mọi tầng lớp, mọi ngành nghề, mọi lứa tuổi, để động viên và phát huy phẩm chất tốt đẹp của những con người mới. Trong 10 năm, từ 1959 đến 1969, Người đã thưởng 3.972 huy hiệu¹.

Đầu tháng 6/1968, Bác làm việc với một số cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng về việc làm và xuất bản loại sách “Người tốt, việc tốt”. Bác đề nghị: “Bác muốn bàn luận dân chủ, các chú có ý kiến gì trái với Bác thì cứ cãi, nhất trí rồi về làm mới tốt được... Các chú vẫn thường nói: nhân dân ta rất anh hùng, ra ngõ gặp anh hùng. Điều đó rất đúng... Nhưng dù sao, số người và những tập thể được công nhận là anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua... vẫn chỉ là số ít so với hàng triệu, hàng chục triệu con người hằng ngày góp gió thành bão, đang gánh vác mọi việc nước, việc nhà... Có tập thể vĩ đại ấy mới có Đảng ta vĩ đại, mới có Cách mạng Tháng Tám thắng lợi... Một số cán bộ ta hình như mãi làm công tác hành chính, sự vụ hơn là để nhiều tâm sức xây dựng con người... Còn những việc nhỏ, bình thường thôi, nhưng ích nước lợi nhà, thì hay bị xem thường... Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông... Mỗi pho tượng hay một lâu đài cũng phải có cái

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 646.



nên vững chắc mới đứng vững được... Nhưng người ta dễ nhìn thấy pho tượng và lâu đài mà không chú ý đến cái nền. Như thế là chỉ thấy cái ngọn mà quên mất cái gốc”¹.

Sau khi kể lại những tấm gương người tốt việc tốt rất cụ thể và cảm động, từ cháu bé, đến anh bộ đội, các cụ già, Bác chỉ muốn nhắc các chú một điều: chớ bỏ qua những việc mà các chú tưởng là tầm thường... Chúng ta đánh giặc và xây dựng xã hội mới bằng những việc làm muôn hình muôn vẻ của hàng chục triệu con người như thế, chứ không phải chỉ bằng một vài việc làm nổi bật và vang dội của một số cá nhân anh hùng².

Từ đó Bác đặt ra câu hỏi: “Anh hùng chiến sĩ có cần học những người bình thường không? Cán bộ, đảng viên có cần phải học quần chúng nhân dân không? Cấp trên có cần phải học cấp dưới không? Như vậy là các chú cũng đồng ý với Bác: Một người phải biết học nhiều người... Những gương người tốt làm việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để... xây dựng con người... để giáo dục lẫn nhau... rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là cách thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục”³.

Về học và hiểu chủ nghĩa Mác - Lê nin, Bác chỉ rõ: “cách mạng phân công cho việc gì, làm Chủ tịch nước hay nấu ăn, đều phải làm tròn nhiệm vụ. Không nên đào tạo ra những con người thuộc sách làu làu... nhưng nhiệm

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 661-663, 664-665, 665.



vụ của mình được giao quét nhà lại để cho nhà đầy rác... Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà... Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được”¹.

Về giáo dục thanh niên, Bác nói: “Các chú dạy các cháu rất nhiều điều, nhưng có một điều phải thật rõ: Làm cán bộ tức là suốt đời làm đày tớ trung thành của Nhân dân. May chũ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được”².

Về giáo dục đạo đức, bác căn dặn: “Từ nay về sau, nhân dân ta và Đảng ta phải giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức trong sáng ấy. Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người này nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng... Böyle giờ xã hội mới, không có áp bức bóc lột, ai cũng có thể vươn tới đỉnh cao của đạo đức cách mạng... thánh hiền ngày nay bao gồm hàng triệu con người có thật trong

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 668, 669-670.



nhân dân Việt Nam ta, ở trong nhà hay ra ngõ đều có thể gặp được. Đó là hàng triệu “người tốt việc tốt”... đang cùng nhau viết nên những trang sử vô cùng oanh liệt mà con cháu ta sẽ mãi mãi tự hào¹.

Đúng là từ thực hành “người tốt việc tốt” đã sinh ra nhiều hiểu biết mới sâu sắc về học tập, giáo dục con người rất cụ thể, thiết thực, giúp cả dân tộc vừa đánh giặc vừa xây dựng một xã hội mới. Nói về chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, giáo sư Trần Văn Giàu nhận xét: “Cụ Hồ thuộc bậc hiền triết lấy con người thật đang phải sống trên quả đất này làm trung tâm của mọi suy tư và chủ đích của mọi hành động”².

Để kết luận phong cách đầu tiên về suy nghĩ và học tập của Bác, tôi xin kể lại câu chuyện của Nghệ sĩ ưu tú Kim Liên với Bác. Lần thứ tư được gặp Bác, ngày 17/7/1969, Bác cho phép Kim Liên vào ăn cơm với Bác, có cả anh Vũ Kỳ. Ăn cơm xong, Bác cho phép Kim Liên lên thăm nhà sàn của Bác. Đó là một gian phòng nhỏ, tiện nghi quá đơn giản, của cải chẳng có gì. Bác nói giọng trầm buồn: “Bác chẳng có gì cho cháu cả! Bác chỉ có cái thuốc mà lúc còn trẻ đi bôn ba qua các nước, Bác có nhặt được mảnh gỗ, tự tay đẽo thành một cái thuốc kẽ để dùng, nay Bác cho cháu để làm kỷ niệm”³.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 672-673.

2. GS. Trần Văn Giàu: *Hồ Chí Minh - Vĩ đại một con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 79.

3. Xem *Bác Hồ sống mãi với chúng ta (Hồi ký)*, Sđd, t. 2, tr. 887.



Kim Liên cầm cái thuốc mà rơm rớm nước mắt, vì không ngờ Bác lại nghèo đến thế. Kim Liên phát hiện trên cái thuốc có ghi ba chữ cái: S - N - K (Suy Nghĩ Kỹ). Uyên thâm và vĩ đại như Bác mà khi viết và nói gì cũng phải: “Suy Nghĩ Kỹ”. Đó là báu vật thiêng liêng nhất của Kim Liên¹.

Nhận thức là một quá trình. Chỉ có suy nghĩ kỹ trong thực hành mới hạn chế được những sai lầm chủ quan và phát hiện ra những hiểu biết mới của chính mình chứ không phải của người khác!

1. Xem *Bác Hồ sống mãi với chúng ta (Hồi ký)*, Sđd, t. 2, tr. 888.



II. PHONG CÁCH LÀM VIỆC DÂN CHỦ, KHOA HỌC, KỸ LƯỠNG, CỤ THỂ, TỐI NƠI, TỐI CHỐN

Bác là người đã dành cả cuộc đời để làm việc, cống hiến không mệt mỏi vì độc lập, tự do và hạnh phúc của Nhân dân. Có thể nói, trừ lúc ngủ ra, Người không có một phút rảnh rỗi.

Ngay từ năm 1921, trong bài báo “Đông Dương” đăng trên tạp chí *Le Revue Communiste*, Nguyễn Ái Quốc đã dự báo và khẳng định: “Người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến”¹. Trong các bài giảng về *Đường cách mệnh* từ năm 1925, bài học về thời cơ của cách mạng Nga đã được Nguyễn Ái Quốc nói chính xác đến từng ngày.

Là người rất nhạy cảm với tình hình, năm 1938, Nguyễn Ái Quốc đã rời Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, bỏ lại bản luận án nghiên cứu sinh đang viết dở để trở về phương Đông và tìm đường về nước. Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng phát xít Đức, Người nhận định: “Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 40.



cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng”¹. Sáng 28/01/1941, Người trở về Tổ quốc, sau 30 năm thương nhớ, đợi chờ. Khi bước qua cột mốc biên giới, Bác vô cùng xúc động.

Sau ba tháng nắm tình hình và trực tiếp chỉ đạo tổ chức thí điểm các hội cứu quốc ở Cao Bằng, lấy danh nghĩa Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, diễn ra từ ngày 10 đến 19/5/1941, tại Pác Bó, Cao Bằng. Hội nghị đã phân tích sâu sắc tình hình và đi đến nghị quyết: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc”². Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Mặt trận Việt Minh; thống nhất tên gọi các hội quần chúng là “Hội Cứu quốc”, góp phần cổ vũ mạnh mẽ, thống nhất tinh thần dân tộc xưa nay trong Nhân dân. Về chính quyền thì không nói chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể Nhân dân, lập chính phủ dân chủ cộng hòa. Về khởi nghĩa vũ trang, Hội nghị nhận định: “...với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lanh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 2, tr. 99.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 113.



trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn¹.

Hội nghị là sự vận dụng sáng tạo, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược và sách lược của Đảng, thực chất là sự trở về đường lối của Nguyễn Ái Quốc, mở đường thắng lợi cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Hội nghị đã kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Đảng. Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị đã bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư, đồng thời bầu ra Ban Thường vụ gồm ba đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thủ và Hoàng Quốc Việt. Tất cả các đại biểu dự Hội nghị lần đầu tiên được gặp Nguyễn Ái Quốc đều có những ấn tượng rất sâu sắc. Ngày 19/5/1941, Mặt trận Việt Minh ra đời, với tuyên ngôn nêu rõ: “Coi quyền lợi dân tộc cao hơn hết thảy”². Nguyễn Ái Quốc còn soạn mười chính sách của Việt Minh bằng thơ lục bát, đáp ứng đòi hỏi cấp bách của Nhân dân.

Ngày 06/6/1941, Nguyễn Ái Quốc viết thư kính cáo đồng bào, gửi đến Nhân dân cả nước, kêu gọi đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật. Người còn quyết định xuất bản báo *Việt Nam độc lập*, để cùng với các báo: *Cờ giải phóng*, *Cứu quốc động viên*, tổ chức quần chúng tham gia cách mạng.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 132-133, 461.



Thực hiện Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5/1941: “Việc đào tạo cán bộ nay đã thành công tác gấp rút, không thể bỏ qua một giờ phút”¹. Nguyễn Ái Quốc đã mở những lớp huấn luyện ngắn ngày, chỉ từ 5 ngày đến một tuần lê. Tháng 6/1941, Người đã yêu cầu chọn một số thanh niên ưu tú để gửi đi học lớp vô tuyến điện ở Liễu Châu (Trung Quốc). Tháng 10/1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định tổ chức một đội vũ trang và giao nhiệm vụ này cho hai đồng chí Lê Thiết Hùng và Lê Quảng Ba. Nguyễn Ái Quốc đã đích thân đến dự lễ ra mắt của đội và trao cho Ban chỉ huy đội bản ghi mười điều kỷ luật và những nguyên tắc hoạt động của đội do Người tự tay soạn thảo.

Cũng trong năm 1941, Nguyễn Ái Quốc đã biên soạn “Cách đánh du kích”, đây là một trong những tác phẩm đầu tiên của Người về quân sự. Với cách viết ngắn gọn nhưng đầy đủ, thiết thực về cách mạng triệt để, dễ hiểu mà khoa học, Bác phân tích: “Du kích là đánh úp hay đánh lén, đánh lúc kẻ thù không ngờ, không phòng. Du kích là cách đánh giặc của dân tộc bị áp bức chống đế quốc... Du kích bao giờ cũng tiến công. Có hai cách tiến công, một là tập kích, hai là phục kích”². “Không ít tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam ngày nay đã từng được khai tâm bằng cuốn sách giáo khoa quân sự võ lòng này”³.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 133.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 499-506.

3. Hồ Chí Minh tiểu sử, Sđd, tr. 288-289.



Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc viết tác phẩm *Lịch sử nước ta*¹. Đây là bài diễn ca lịch sử kể từ thời Hùng Vương dựng nước đến năm 1942. Mở đầu Người viết:

Dân ta phải biết sử ta,

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

Kết luận Người viết:

Dân ta xin nhớ chữ đồng:

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!

Cuối tác phẩm là bảng kê những năm quan trọng trong lịch sử, kết thúc bằng sự kiện: “1945 - Việt Nam độc lập”. Đây là năm Người tiên đoán trước. Tập diễn ca lịch sử là tài liệu học tập cho cán bộ trong các lớp huấn luyện ở chiến khu thời đó và được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. “*Lịch sử nước ta* đã in sâu vào tâm trí của nhiều đồng chí và đồng bào ta, có người đến nay vẫn còn thuộc lòng toàn văn hoặc từng đoạn của tập diễn ca này”².

Vượt qua 13 tháng bị giam cầm đọa đầy trong các nhà tù ở tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), cuối tháng 9/1941, Hồ Chí Minh về đến Pác Bó (Cao Bằng). Sau khi được nghe báo cáo tình hình và chủ trương của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng phát động chiến tranh du kích, Người đã quyết định đình hoãn chủ trương nói trên vì chủ trương ấy chưa căn cứ vào tình hình cả nước, chỉ thấy bộ phận mà không thấy toàn thể. Quyết định sáng suốt và kịp thời của Người đã tránh cho Cao - Bắc - Lạng những tổn

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 259-267, 664.



thất. Tháng 10/1944, Hồ Chí Minh viết “Thư gửi đồng bào toàn quốc”. Trong đó Người dự đoán thời cơ của cách mạng đang đến gần: “Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh”¹.

Tháng 10/1944, Hồ Chí Minh đến kiểm tra đại đội tự vệ chiến đấu Châu Hà Quảng. Ngay sau đó Người quyết định thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách. Trong bản Chỉ thị thành lập, Người nói rõ: “Tên Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền”². Chỉ thị là một tài liệu ngắn gọn, súc tích, có tính chất cương lĩnh quân sự của Đảng ta. Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại một khu rừng nằm giữa tổng Trần Hưng Đạo và tổng Hoàng Hoa Thám ở Cao Bằng, gồm 34 đội viên, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Thực hiện chỉ thị của Người: “Trận đầu phải thắng”³, chỉ vài ngày sau, Đội đã lập hai chiến công oanh liệt: hạ đồn Phay Khắt và đồn Nà Ngần, góp phần cỗ vũ phong trào đánh đuổi thực dân Pháp, mở đường cho những thắng lợi tiếp theo.

Tháng 02/1945, Mặt trận Việt Minh xuất bản cuốn sách *Phép dùng binh của ông Tôn Tử*. Đây là bộ binh

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 538, 539.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 2, tr. 194.



thư nổi tiếng và sớm nhất, được Hồ Chí Minh dịch làm tài liệu huấn luyện cả về quân sự và chính trị cho cán bộ Việt Minh và toàn dân. Cuối cuốn sách Người viết:

“Kết luận văn tắt 13 chương của ông Tôn Tử là:

Muốn thành công: thì phải biết trước mọi việc”¹.

Đêm 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Cũng ngay trong đêm đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Đình Bảng (Bắc Ninh) và ra Chỉ thị lịch sử “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Một cao trào đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và khởi nghĩa từng phần phát triển khắp nơi. Tháng 4/1945, Đảng đã thống nhất Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành Việt Nam giải phóng quân, xây dựng 7 chiến khu trong cả nước. Trong một chiếc lán đơn sơ giữa rừng, Người làm việc suốt ngày tối tận khuya. Có lần đã nửa đêm, Người trở dậy ngồi viết, cán bộ giúp việc hỏi thì Người trả lời rằng mới nghĩ ra một vấn đề, phải dậy ghi lại cho khỏi quên.

Trước tình hình mới, Hồ Chí Minh đề nghị với Thường vụ Trung ương Đảng thành lập Khu giải phóng, làm căn cứ cách mạng cho cả nước. Ngày 04/6/1945, Khu giải phóng chính thức thành lập, xây dựng thành căn cứ địa vững chắc, rộng lớn. Các ủy ban nhân dân do Nhân dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 588.



bầu ra cùng hơn một triệu đồng bào thuộc nhiều dân tộc khác nhau bắt đầu xây dựng một cuộc sống mới về mọi mặt. Khu giải phóng thật sự là “hình ảnh một nước Việt Nam mới”, tạo thành hậu phương và bàn đạp vững chắc cho thế trận tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Tháng 4/1945, Hồng quân Liên Xô tiến công vào Béclin (Berlin) phát xít Đức đầu hàng. Sau đó Liên Xô chuyển quân về phía Đông, chuẩn bị tuyên chiến với phát xít Nhật. Vào thời điểm này Hồ Chí Minh bị ốm nặng, sốt cao và luôn mê sảng. Trong một đêm tỉnh lại sau cơn sốt, Người đã dặn dò đồng chí Võ Nguyên Giáp: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”¹. Nhờ kinh nghiệm của đồng bào địa phương, sau mấy ngày uống thuốc, bệnh thuyên giảm, Người gượng dậy làm việc và đề nghị với Thường vụ Trung ương Đảng cần triệu tập gấp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội đại biểu quốc dân, chuẩn bị tiến tới tổng khởi nghĩa. Theo Người: “Nên họp ngay và cũng không nên kéo dài Hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút, tình hình sẽ chuyển biến nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội”².

1, 2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 2, tr. 225, 227.



Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp ở Tân Trào từ ngày 13 đến 15/8/1945. Nhận được tin Nhật đầu hàng quân Đồng minh, Hội nghị đã quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào nước ta để tước vũ khí quân đội Nhật. Các đại biểu về ngay địa phương để phát động khởi nghĩa.

Tiếp đó Đại hội quốc dân đã họp trong hai ngày 16 và 17/8/1945, với sự tham dự của hơn 60 đại biểu Bắc - Trung - Nam. Đại hội ra Nghị quyết kêu gọi toàn dân kiên quyết giành cho được nền độc lập. Đại hội bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ lâm thời) do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội Quốc dân đã hoàn thành nhiệm vụ như của Quốc hội dân cử.

Ngay sau Đại hội, Hồ Chí Minh đã gửi “Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa” đến đồng bào cả nước:

“Hỡi đồng bào yêu quý!... Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”¹.

Làn sóng khởi nghĩa của 20 triệu đồng bào cả nước đã trào lên như nước vỡ bờ. Ngày 19 tháng 8, hàng chục vạn đồng bào Hà Nội mít tinh, đánh chiếm phủ khâm sai bù nhìn ngay trước mũi súng của lính Nhật. Ngày 23 tháng 8, 15 vạn đồng bào Huế khởi nghĩa chiếm dinh thự triều đình Huế. Ngày 25 tháng 8, một triệu đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn biểu tình khởi nghĩa buộc khâm sai bù nhìn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 596.



phải từ chức, Ủy ban nhân dân lâm thời Nam Bộ ra mắt đồng bào. Ngày 30 tháng 8, Bảo Đại thoái vị, tự nhận là người dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ. Thế là chỉ trong vòng hơn 10 ngày, cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước. Chế độ thực dân hơn 80 năm, chế độ phong kiến hàng ngàn năm đã bị lật đổ.

Ngày 26/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở phiên họp đầu tiên với Ban Thường vụ Trung ương Đảng tại Hà Nội. Người đề nghị: Phải mở rộng hơn nữa thành phần Chính phủ, phải thảo ngay một bản Tuyên ngôn độc lập và tổ chức một cuộc mít tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân, đó là ngày nước Việt Nam chính thức tuyên bố độc lập. Người nhấn mạnh những việc đó phải làm ngay, trước khi quân đội Tưởng vào Việt Nam tước vũ khí quân đội Nhật.

Thực hiện chủ trương của Người, một số cán bộ của Đảng và Mặt trận Việt Minh trong Chính phủ đã tự nguyện rút ra khỏi danh sách để nhường chỗ cho những người không phải Việt Minh. Hành động đó được Người đánh giá là cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không xem chuộng địa vị, đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học. Ngày 28 tháng 8, danh sách Chính phủ lâm thời được công bố trên các báo tại Hà Nội. Gần một nửa số bộ trưởng là nhân sĩ, trí thức, không đảng phái. Đó là chủ trương đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta.



Chiều 31/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị cho Người xem sơ đồ địa điểm tổ chức mít tinh, nhắc Ban tổ chức chú ý cả nơi vệ sinh cho đồng bào và dặn nếu trời mưa thì kết thúc sớm hơn, tránh cho đồng bào bị mưa ướt, nhất là đối với các cụ già và các cháu nhỏ¹.

Đúng 14 giờ ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), các thành viên của Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu bước lên lề đài. Bài *Tiến quân ca* vang lên hùng tráng, lá cờ đỏ sao vàng từ từ kéo lên.

Một rồng cánh tay giơ lên chào, bàn tay nắm lại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao nhiêu thế hệ người Việt Nam đã hy sinh và mong đợi. Nó chấm dứt chính thể quân chủ chuyên chế và chế độ thực dân áp bức, mở ra kỷ nguyên mới dân chủ cộng hòa. Chẳng những Nhân dân Việt Nam tự hào mà giai cấp lao động và các dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: “Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”².

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời đã phải đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, thù trong,

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bắc Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 19.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 25.



giặc ngoài. Trong nước sốt quân Nhật chưa bị giải giáp, quân Tưởng, quân Anh, quân Pháp lên tới gần 30 vạn người. Hậu quả của thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói làm chết hơn 2 triệu người, hơn 90% người dân không biết chữ. Tài chính đất nước kiệt quệ. Nước ta giành được độc lập nhưng chưa có quốc gia nào thừa nhận, lại đang bị đế quốc và phản động bao vây, đe dọa từ mọi phía.

Ngay sáng 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ tọa phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ. Người nêu lên sáu vấn đề cấp bách và đã được Chính phủ nhất trí là: Giải quyết nạn đói; thanh toán nạn dốt; tổ chức càng sớm càng tốt cuộc tổng tuyển cử; giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện cần, kiệm, liêm, chính; bỏ ngay ba thứ thuế là thuế thân, thuế chợ, thuế đò; thực hiện tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết¹.

Trong “Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng” ngày 17/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “...nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”². Người nghiêm khắc phê bình những lầm lỗi rất nặng nề của nhiều cán bộ như: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo. Người căn dặn cán bộ:

“Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 7-8, 64.



Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”¹.

Phát huy tinh thần yêu nước và chính sách đại đoàn kết toàn dân, mỗi tuần Nhân dân cả nước đã quyên góp được hàng vạn tấn gạo cứu đói và thực hiện “Không một tác đất bỏ hoang”. Trong tuần lễ vàng, Nhân dân cả nước đã tự nguyện đóng góp được 370 kg vàng. Về phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ, chỉ trong một năm sau ngày độc lập, hơn 4 triệu người dân Việt Nam đã biết đọc, biết viết. Ngày 06/01/1946, cuộc tổng tuyển cử đầu tiên đã diễn ra hơn 90% cử tri cả nước đi bầu Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trúng cử với sự tín nhiệm cao nhất là 98,4%. Tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp mới đầu tiên.

Về mặt trận ngoại giao, chúng ta đã thực hiện chính sách mềm dẻo, biến đại sự thành tiểu sự, biến tiểu sự thành vô sự. Lúc đầu chúng ta hòa hoãn với quân Tưởng để tập trung chống quân Pháp ở Nam Bộ. Sau khi Pháp - Hoa ký hiệp ước với nhau ngày 28/02/1946, chúng ta đã nghiên cứu tình hình và quyết định ký với Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 để đẩy nhanh quân Tưởng về nước. Khi hội nghị Phôngtеннôблô (Fontainebleau) thất bại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Tạm ước Việt - Pháp ngày 14/9/1946 để tranh thủ thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài mà ta biết là không thể tránh khỏi.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 65.



Lúc đó, mục đích của quân Tưởng là tiêu diệt Đảng ta, phá tan Mặt trận Việt Minh và giúp bọn phản động đánh đổ chính quyền nhân dân. Do vậy đòi hỏi Đảng không được do dự, phải quyết đoán mau chóng. Đảng đã tuyên bố tự giải tán, sự thật là Đảng rút vào hoạt động bí mật tiếp tục lãnh đạo chính quyền và Nhân dân đấu tranh. Nhà nước cộng hòa non trẻ đơn độc giữa vòng vây trùng điệp của kẻ thù đã vượt qua thử thách cực kỳ hiểm nghèo, tiếp tục chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹. Lời kêu gọi là đường lối chiến tranh nhân dân: toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính; đồng thời là lời khẳng định kháng chiến nhất định thắng lợi.

Ngay sau đó, nhân dân cả nước cùng đứng lên thực hiện lời thề độc lập. Mở đầu là cuộc chiến đấu của Trung đoàn Thủ đô với tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, đã giam chân địch suốt 60 ngày đêm, góp phần giúp cả nước chuyển sang thời chiến, dàn xong thế trận, sẵn sàng chiến đấu lâu dài. Tiếp đó, chúng ta đã đập tan kế hoạch đánh nhanh, tiến nhanh của địch trong chiến thắng Việt Bắc Thu Đông năm 1947.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 534.



Tháng 10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết xong cuốn sách *Sửa đổi lối làm việc*. Đây là sách “gối đầu giường” của cán bộ để tu dưỡng tư tưởng, đạo đức và phong cách công tác. Người đặc biệt nhấn mạnh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”¹. “Có cán bộ tốt, việc gì cũng xong”². “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân”³. Người chỉ ra 12 điều về tư cách của một đảng chân chính cách mạng. “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”⁴.

Sửa đổi lối làm việc thật sự là cuộc sửa đổi cách mạng, là sách dạy làm người, dạy làm cán bộ. Đây là một văn kiện vô giá về xây dựng Đảng, đóng góp to lớn và thiết thực vào việc đẩy mạnh kháng chiến, kiến quốc.

Là linh hồn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo xây dựng lực lượng kháng chiến, kiến quốc về mọi mặt chính trị, quân sự, ngoại giao. Người đặc biệt chú ý phê phán các căn bệnh chủ quan, mây móc của cán bộ, sẽ làm hỏng

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 309, 280, 292, 301.



công việc, đồng thời chỉ ra các đơn thuốc chữa bệnh rất cụ thể và sâu sắc. Theo Người:

“Bất kỳ việc to việc nhỏ:

Phải xem xét kỹ lưỡng,

Phải bàn bạc kỹ lưỡng,

Phải hỏi dân kỹ lưỡng,

Phải giải thích kỹ lưỡng cho dân,

Phải luôn luôn gần gũi dân”¹.

Lời Bác dạy cách đây gần 70 năm thật sự là phong cách làm việc muôn đời của người cán bộ vì dân.

Ngày 01/10/1949, cách mạng Trung Quốc thành công.

Ngày 02/01/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật sang Bắc Kinh rồi sang Liên Xô. Sau đó Chính phủ Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ Đông Âu lần lượt công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta. Tháng 7/1950 ta quyết định mở chiến dịch Biên giới. Tháng 9/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường đi chiến dịch.

Để Bác đi đỡ mệt, anh em làm một chiếc cáng, nhưng Bác đã từ chối không dùng đến. Anh em lại chuẩn bị một con ngựa. Bác bảo mình cưỡi sao tiện, để ngựa thồ đồ dùng, ai mệt sẽ ngồi ngựa. Đi mặt trận, có hôm trời mưa, đường trơn như mỡ, bùn lút mắt cá chân. Bác bảo rút dép cao su ra, xắn quần quá đầu gối, tay thì chống gậy mà đi. Đến đường số 4, đồng chí tổng tư lệnh đưa một chiếc xe díp ra đón, anh em mừng khẽ bảo nhau: “Bây giờ khỏi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 308.



cuộc bộ rồi”. Không ngờ Bác bảo đồng chí cán bộ “đưa xe về cho bộ đội chờ tiếp tế. Bác đi bộ quen rồi, không cần đi xe”¹.

Trên đường đi, Bác thường ghé thăm các đơn vị bộ đội, dân công, động viên, dặn dò mọi người, chiến dịch này quan trọng, chỉ được thắng, không được thua. Việc lãnh tụ tối cao ra mặt trận là điều bất ngờ lớn, nguồn động viên vô giá với mọi người. Bác đã theo dõi từng bước đi, từng phuơng án và trực tiếp ngồi trên đài quan sát trận mở đầu Đông Khê ngày 16/9/1950. Bác còn hóa trang làm cán bộ bị thương để hỏi chuyện ba tên quan năm Pháp bị ta bắt giam trong hang núi. Có lần thấy một tù binh Pháp rét run, Bác đã cởi áo ngoài đưa cho mặc, người tù binh nhận và ứa nước mắt. Trong hơn một tháng đi thăm mặt trận, có ngày đi bộ tới 40 cây số. Khi trở về, Bác rất vui, nói với mọi người rằng: “Bác đi công tác ở mặt trận, tiến bộ nhiều lắm. Thầy học của Bác là bộ đội, là dân công, là Nhân dân”².

Chiến dịch Biên giới toàn thắng đã làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo ra thế và lực mới, đưa cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn mới “phản công và tiến công”. Hai chuyến đi của Bác năm 1950 là “chuyến đi phá vỡ vòng vây đế quốc”.

1. Xem T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr. 7-10.

2. Bác Hồi sống mãi với chúng ta (Hồi ký), Sđd, t. 2, tr. 337.



Tháng 02/1951 Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội lần thứ II của Đảng. Đây là Đại hội kháng chiến và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Mỗi bước phát triển của cách mạng lại đòi hỏi một bước tiến mới về mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân. Sau buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 03/3/1951, Bác đã có bài viết “Người đảng viên Đảng Lao động Việt Nam phải thế nào?”. Theo Người:

“Người đảng viên - dù công tác to hay nhỏ, địa vị cao hay thấp - ở đâu cũng phải làm gương mẫu cho quần chúng... Mà muốn cho quần chúng nghe lời mình, làm theo mình, thì người đảng viên, từ việc làm, lời nói cho đến cách ăn ở, phải thế nào cho dân tin, dân phục, dân yêu... Đảng viên nào không được *dân tin*, *dân phục*, *dân yêu* thì chưa xứng đáng là một người đảng viên của Đảng Lao động Việt Nam”¹.

Đúng vào ngày Quốc khánh năm 1950 và năm 1951, Bác công bố hai bài báo về việc phải tẩy sạch bệnh quan liêu. Năm 1952, Bác lại công bố hai bài báo nữa về chống quan liêu, tham ô, lãng phí. Theo Bác: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ... Muốn trừ sạch nạn tham ô, lãng phí, thì trước mắt phải tẩy sạch bệnh quan liêu”². “Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là dân chủ... làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần

1, 2. Hồ Chí Minh: *Tobàn tập, Sđd, t. 7, tr. 55, 357.*



chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng”¹. Thật hiếm có vị lãnh tụ nào nói cụ thể và sâu sắc về chống “giặc nội xâm” như thế!

Những điều Bác đã nói về tư cách người cách mạng mẫu mực từ năm 1925 đã dần được cụ thể bằng công việc hằng ngày. Theo Bác cần, kiệm, liêm, chính là nền tảng của đời sống mới và thi đua ái quốc. “Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”². “Sau mỗi một việc cần phải rút kinh nghiệm... Như vậy, khuyết điểm ngày càng bớt, ưu điểm ngày càng thêm, công việc sẽ rất mau tiến bộ”³. “Từ việc lớn đến việc nhỏ, cán bộ đều phải làm kiểu mẫu... Như thế thì quân đội ta sẽ là một quân đội vô địch, và kháng chiến nhất định thành công”⁴.

Cuối năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương quyết định mở chiến dịch Đông Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ. Khi trao nhiệm vụ cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bác nói: “Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng! Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ phải thay đổi cách đánh từ đánh nhanh trong vài ba ngày đêm, sang đánh chắc tiến chắc. Đây là “một quyết định khó khăn nhất” trong cuộc đời cầm quân của Đại tướng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 362.

2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 234, 238.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 486.



Sau này, qua những lần hội thảo về Điện Biên Phủ, có tướng lĩnh trong quân đội ta thừa nhận, nếu không thay đổi cách đánh thì cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có thể lùi lại 10 năm, và phần lớn chúng tôi đã không còn có mặt trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ¹.

Qua 56 ngày đêm chiến đấu, ngày 07/5/1954, lá cờ “quyết chiến, quyết thắng” của quân đội ta đã tung bay trên nóc hầm chỉ huy của địch, tướng Đờ Cáttori và toàn bộ ban tham mưu bị bắt sống. Hơn một vạn quân Pháp ở Điện Biên Phủ ra hàng. Cả đất nước hân hoan, tự hào, mừng vui chiến thắng.

Ngày 08/5/1954, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc. Đến ngày 21/7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, thực dân Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân khỏi Việt Nam, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời và sẽ tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước sau hai năm.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh, mở đầu cho sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân. “Bản án ché độ thực dân Pháp” (năm 1924) sau 30 năm đã được thi hành.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu. Chúng ta không nên vì thắng

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 5, tr. 335.



mà kiêu, không nêu chủ quan khinh địch”¹. Vì thực tế lúc này Mỹ đã thay chân Pháp trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của Nhân dân ta. Hàng vạn cán bộ và học sinh miền Nam đã được tập kết ra Bắc, chuẩn bị đào tạo cho miền Nam sau này. Đó là tầm nhìn xa và chủ động về ý chí thống nhất đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Đặc điểm và nhiệm vụ lớn nhất của cách mạng Việt Nam thời kỳ này là đất nước đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, đúng như lời khai mạc của Bác ở Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng là: “*Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà*”².

Về chính sách của Đảng và Chính phủ, Bác nhấn mạnh: “... phải hết sức chăm nom đến đời sống của Nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi... Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy cũng không thực hiện được”³.

Về phân công công việc, Người khẳng định: “Bất kỳ ở một chức vụ nào, cao hay thấp, to hay nhỏ, tất cả mọi người làm thành một bộ máy. Thiếu một người nào hay có một người làm không tròn nhiệm vụ là hỏng cả”⁴.

1, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 466, 219.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 673.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 9, tr. 518.



“Không có việc gì là sang, việc gì là hèn... Việc gì làm tròn nhiệm vụ là sang, không làm tròn nhiệm vụ là hèn”¹.

Bác đã lấy khăn lau nước mắt khi báo cáo trước Quốc hội về những sai lầm trong cải cách ruộng đất. Tại Hội nghị Trung ương 10 (khóa II), Bác đề nghị: “Hội nghị xét sai và sửa sai cấp tốc, không được cầu toàn. Trên cơ sở thi hành kỷ luật nghiêm minh mà bảo vệ Đảng”². Bác đã tự phê bình nghiêm túc: “Vì ta thiếu dân chủ, nên nghe ít, thấy ít, nên bây giờ ta phải dân chủ. Tôi nhận trách nhiệm trong lúc sóng gió này”³. Tại Hội nghị Bộ Chính trị ngày 08/8/1958, Bác nhận định: “Cương lĩnh đưa ra đúng nhưng không biết cụ thể hóa, Đảng có chủ quan, giáo điều, máy móc... Người tự phê bình đã “quan liêu, không sát quần chúng, không sát thực tế, chỉ xem báo cáo, tin vào người báo cáo””⁴. Bác đã nêu tấm gương trung thực, dũng cảm, đầy trách nhiệm và tình nghĩa trong lúc Đảng ta có sai lầm nghiêm trọng.

Điều bản chất và sâu sắc nhất của chế độ ta là hai chữ “dân chủ”. Từ suy nghĩ, tình cảm, đến lời nói việc làm của Bác đều thể hiện điều đó. Bác đã nhiều lần nói vào Đảng không phải để làm quan phát tài, vì Đảng ta ngoài lợi ích của Nhân dân, của cách mạng không có lợi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 67.

2, 3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 6, tr. 262, 263.

4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 7, tr. 96.



ích nào khác. Những căn bệnh và sai lầm của cán bộ, đảng viên có nhiều nguyên nhân, nhưng đều vì thiếu dân chủ. Bài thuốc để chữa các căn bệnh và sai lầm đó là thực hành dân chủ, gần gũi, gắn bó sâu sát với dân. Trong bài báo “Cái chìa khóa vạn năng”, Bác đã kết luận khái quát rằng: “*Thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn*”¹.

Về cách mạng ở miền Nam, Bác khẳng định: “Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta”². Nghị quyết Trung ương 15 khóa II (tháng 01/1959) đã chỉ ra con đường cách mạng tiến công, tạo bước ngoặt lịch sử cho cách mạng miền Nam. Phong trào Đồng khởi và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời năm 1960 là thất bại lớn đầu tiên của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam.

Bác luôn động viên các đơn vị, Nhân dân phải làm tốt và nhiều hơn nữa nhiệm vụ tiếp sức cho cách mạng miền Nam. Đón đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Người đặt tay lên ngực mình và nói: “Hình ảnh của miền Nam yêu quý ở trong trái tim tôi”³. Bác theo dõi từng bước đi, từng thắng lợi hằng ngày, kịp thời đánh giá và dự báo xu hướng phát triển của cách mạng miền Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 325.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 360.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Sđd*, t. 8, tr. 230.



Với chiến thắng Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài năm 1965, chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ đã bị phá sản hoàn toàn, buộc chúng phải chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”, ào ạt đưa quân vào miền Nam và phát động chiến tranh phá hoại miền Bắc, âm mưu “đẩy lùi miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá”. Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965 đã phân tích rõ thế và lực của ta, đồng thời khẳng định ta nhất định thắng.

Tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa III ngày 10/4/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”¹ và long trọng kêu gọi: “Tất cả chúng ta hãy đoàn kết nhất trí triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!”².

Bác phân tích rõ việc giặc Mỹ tráng trợn dùng không quân bắn phá miền Bắc là hòng gõ thố thất bại của chúng ở miền Nam. Đó là hành động tuyệt vọng, khác nào con thú dữ bị thương nặng, giãy giụa một cách hung tợn trước khi trút hơi thở cuối cùng. Ngày 17/7/1966, Người ra lời kêu gọi: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song Nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, Nhân dân ta sẽ xây dựng

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toban tlap, Sđd*, t. 14, tr. 533, 534.



lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!¹ Đó là khí phách kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam; là xu thế tất yếu của thời đại; là chân lý phổ biến của các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập, tự do. Lời kêu gọi bất hủ đó đã in sâu vào trái tim của tất cả người dân Việt Nam và được hàng triệu người dân trên thế giới đồng tình, ủng hộ.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác, cả miền Bắc thi đua “ Tay cày tay súng”, “ Tay búa tay súng”, “ Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”. Các cụ lão dân quân ở Thanh Hóa cũng bắn rơi máy bay phản lực Mỹ, các em học sinh vẫn “đội mũ rơm đi học đường dài”.

Để Nghị quyết đi vào cuộc sống, theo Bác “Phải đi tận nơi, xem tận chổ”. Chỉ tính trong 10 năm (1955-1965), không quản tuổi cao, công việc bận rộn, Người đã thực hiện hơn 700 lượt đi thăm các địa phương, cơ sở để động viên chiến sĩ và đồng bào, xem xét tình hình, kiểm tra công việc. Tính ra mỗi năm hơn 60 lượt, mỗi tháng khoảng 6 lần Người xuống cơ sở, gấp gõ quần chúng².

Ở miền Nam, sau thắng lợi đánh bại cuộc phản công chiến lược của địch ở hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 131.

2. Xem Ban Tuyên giáo Trung ương: *Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 50.



Thân năm 1968, địch đã choáng váng, hoảng sợ. Ngày 01/11/1968, Chính phủ Mỹ phải tuyên bố chấm dứt ném bom miền Bắc, chấp nhận hội nghị bốn bên ở Pari. Ngày 03/11/1968, Bác kêu gọi và căn dặn toàn dân: “Đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu... Hết còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi”¹. Ngay từ cuối năm 1967 đầu năm 1968, Bác còn dự báo: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B.52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua mới chịu thua”².

Về mặt trận ngoại giao, Nhân dân ta đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ rộng lớn của cả nhân loại tiến bộ. Đó là hiện tượng chưa từng có trong lịch sử. Bác đã nói rõ ràng và dứt khoát lập trường của Việt Nam là: “Chúng tôi sẵn sàng trải thảm đỏ và rắc hoa cho Mỹ rút. Nhưng nếu Mỹ không rút thì phải đánh đuổi Mỹ đi”³. Phong trào chống chiến tranh phát triển rộng khắp nước Mỹ, như nhiều cuộc biểu tình lớn đã diễn ra nhằm phản đối Chính phủ Mỹ gây chiến tranh, 16 công dân Mỹ đã tự thiêu,...

Năm 1969, trong thư chúc mừng năm mới Bác viết:

“Vì độc lập, vì tự do,

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào4.

Lời thơ của Bác đã chỉ ra phương châm chiến lược để kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

1, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 512, 532.

2. *Hồ Chí Minh - Biên niên sự kiện và tư liệu quân sự*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, tr. 203.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 9, tr. 251.



Đúng vào ngày thành lập Đảng 03/02/1969, Bác công bố bài báo “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”¹. Đây là bài viết cuối cùng của Bác về xây dựng Đảng.

Đồng chí Vũ Kỳ kể lại, vào dịp Tết Kỷ Dậu, Bác đã trồng thêm một cây đa ở đồi Vật Lại (Ba Vì) và nhớ đến câu nói đẹp như chân lý của Người: “*Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*”².

Ngày 10/5/1969, Bác viết lại đoạn mở đầu bản *Di chúc*:

“Cuộc chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn”³.

Thực tế chiến thắng trận Điện Biên Phủ trên không cuối năm 1972 và đại thắng 30/4/1975 đã chứng minh dự báo và niềm tin thắng lợi chắc chắn của Bác. Thiên tài Hồ Chí Minh đã tỏa sáng đến những năm tháng cuối cùng của cuộc đời!

Bác đã suốt đời gắn bó với Đảng và dân tộc. Vì có Đảng mới có người lãnh đạo, dẫn đường, tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Có dân tộc mới có lực lượng, sức mạnh, động lực, cội nguồn, mục đích để chiến đấu, phục vụ. Đảng và dân tộc gắn bó không thể tách rời. Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn

1, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 546-548, 618.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 11, tr. 528.



luyện phải luôn xứng đáng là người lãnh đạo, người dày
tớ thật trung thành của Nhân dân.

Đảng và Bác luôn nhạy cảm với tình hình thay đổi, từ đó đề ra đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn, để biết cách đánh thắng từng bước, đánh đổ từng bộ phận, tiến tới thắng lợi hoàn toàn, tạo ra những mốc son thắng lợi vĩ đại là Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và hai cuộc kháng chiến thần thánh. Chính phong cách làm việc dân chủ, khoa học, kỹ lưỡng, cụ thể, tối nơi, tối chốn của Người là những sáng tạo lớn, góp phần thực hiện thắng lợi con đường cách mạng đến nơi, triệt để, thực sự đem lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho đất nước và Nhân dân.



III. PHONG CÁCH ỨNG XỬ VĂN HÓA, TINH TẾ, ĐẦY TÍNH NHÂN VĂN, THẨM ĐẬM TINH THẦN YÊU DÂN, TRỌNG DÂN, VÌ DÂN

Phong cách ứng xử của Bác bắt nguồn từ truyền thống yêu nước, thương dân của dân tộc, “Thương người như thể thương thân”; truyền thống sống tình nghĩa, độ lượng, khoan dung, hòa hiếu. Bác sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho giàu lòng nhân ái, thương người, luôn sẵn lòng giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, những người nghèo khổ.

Trong suốt 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, Bác đã sống chan hòa với những người lao động bị áp bức các màu da trên thế giới, với các đồng chí, bạn bè đấu tranh cho phong trào giải phóng dân tộc. Cuộc sống trải nghiệm đầy gian khổ, hy sinh và vô cùng phong phú ấy đã trở thành cội nguồn bồi đắp tình cảm quốc tế trong sáng, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà.

Khi trở về nước, trên cương vị lãnh tụ tối cao của Đảng và dân tộc, Bác vẫn sống giản dị, khiêm tốn và luôn gần gũi, thương yêu nhân dân, cán bộ. Bác sống rất giàu tình cảm, không quên, không sót một ai. Bác rất nhạy cảm và tinh tế với con người. Đã biết bao lần Bác khóc,



cả lúc vui và lúc buồn. Bác đã vận dụng công thức nổi tiếng của Khổng Tử về biết người và thực hiện tư cách của người cách mạng: “có lòng bày vẽ cho người” và “hay xem xét người”.

Năm 1923, trước khi sang Liên Xô, Bác đã thể hiện tình cảm rất thân thiết và cảm động qua một bức thư gửi lại các bạn đang cùng hoạt động ở Pháp. Vì điều kiện phải hoạt động bí mật, nên Nguyễn Ái Quốc đã gửi lại trước lá thư này ở gia đình một luật sư người Ăngti là ông B. Gia đình ông B có vẻ buồn, hai đứa trẻ khóc, bà B gạt nước mắt nói: “Các bạn đọc đi sẽ biết”. Bác sĩ R người Marốc cầm thư và nói ngay là biết nét chữ của ông Nguyễn.

“Các bạn thân mến... Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tôn giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em.

Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta... chúng ta không cô độc vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta. Công việc chung của chúng ta là Hội Liên hiệp thuộc địa và tờ báo *Người cùng khổ*...

Chúng ta phải làm gì?... Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta. Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quân chúng, thúc tinh họ, tổ chức họ,



đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập...

Tôi từ giã các bạn. Tôi xa các bạn, nhưng lòng tôi luôn luôn gần các bạn.

Các bạn tha lối cho tôi không hôn các bạn trước khi đi. Các bạn biết rằng tôi bị theo dõi riết...

Đại, người đồng hương của tôi, sẽ giao lại cho ông B. th匣 khóa của tòa báo, giấy tờ và tài liệu của Hội và của tờ báo; cũng như quỹ của tờ báo. Tôi đã trả tiền thuê nhà cho tòa báo đến cuối năm. Tiền in cũng đã thanh toán. Chúng ta không mắc nợ ai. Sổ thư viện để ở trong ngăn kéo bên phải... Nói tóm lại, các việc đều đâu vào đấy trước khi tôi đi.

Tôi sẽ viết thư cho các bạn... các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người bạn Pháp của chúng ta...

Bây giờ, một vài lời với cháu trai và cháu gái.

Các cháu rất yêu chú và chú cũng rất yêu các cháu... Chú sẽ thay mặt các cháu bắt tay các bạn nhỏ Việt Nam.

Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không được thấy chú Nguyễn, không được leo lên đùi, lên lưng chú như các cháu thường làm... Chú sẽ luôn luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé Alítxơ và cậu bé Pôn thân yêu của chú.

Các cháu ngoan. Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Mariuýt (Marius) của các cháu. Khi các cháu đã hơi lớn, các cháu sẽ đấu tranh cho Tổ



quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu. Các cháu hôn mẹ hộ chú.

CHÚ NGUYỄN¹.

Lá thư chia tay thật chân thành, chu đáo, đầy lưu luyến, cảm động và tin tưởng sâu sắc một ngày sẽ gặp lại các bạn rất thân thiết cùng hoạt động ở Pháp.

Trong thời gian hoạt động ở trung tâm phong trào cộng sản quốc tế năm 1923, nhà thơ Xôviết Ôxíp Mandenxtam đã gặp và phỏng vấn Nguyễn Ái Quốc. Anh đã kể cho nhà thơ nghe về tình cảnh đen tối của đất nước và gia đình mình, về việc học tập, tiếp xúc với văn minh Pháp. Cuộc gặp gỡ đã để lại cho nhà thơ những ấn tượng sâu sắc. Nhà thơ nhận xét: “Đó là một thanh niên gầy gò, linh hoạt, mặc cái áo len đan”. Một người “đã đặt chân qua hầu hết các nước thuộc địa trên thế giới”. “Trong đôi mắt mỏ to, ứa lệ, anh nhìn về xa xăm”. “Tôi đã hình dung ra được một cách rất cụ thể... một dân tộc rất lịch thiệp và độ lượng, rất ghét những gì thái quá”. “Nguyễn Ái Quốc, cũng đang tỏa ra một cái gì lịch thiệp và tế nhị”. “Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai”².

1. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 68-72.

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 191.



“Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”¹.

Bài báo của nhà thơ đã làm cho dư luận Liên Xô và bạn bè quốc tế chú ý đến người chiến sĩ cộng sản quốc tế Nguyễn Ái Quốc, đến truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam và dự báo ý nghĩa của một nền văn hóa tương lai tỏa ra từ Nguyễn Ái Quốc.

Năm 1941, Bác về nước và chọn nơi ở, làm việc đầu tiên là Pác Bó - từng ghi dấu biết bao kỷ niệm yêu thương của Người. Đồng chí Dương Đại Lâm kể lại: “Chúng tôi sơ suất không chú ý đến việc giữ gìn vệ sinh, chỗ nước ăn của Người và chỗ tắm của trâu bò lẩn lộn. Chúng tôi cùng Người bắt tay vào việc dọn dẹp, sửa sang. Xong rồi, Người gọi mấy người cùng khiêng một cái thuyền đập lúa ra chỗ khe nước, xắn tay áo cọ rửa sạch sẽ rồi vào đánh thức đám trẻ con dậy, bảo chúng xếp hàng tiến ra khe nước. Người cởi quần áo cho các cháu bé và lần lượt tắm rửa kỳ cọ cho từng đứa. Chúng vừa tắm vừa nô, bắn cá nước vào mặt Người... Người về đây như về lại gia đình, gặp gỡ con cháu, không nề hà bất cứ việc gì... Bà cố tôi cứ xuýt xoa thán phục mãi: “Ông già này thương người quá,

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 191.



chả biết vợ con ông ở đâu? Trong nhà mà có một người già như thế này thì thật là có phúc”¹.

Đầu năm 1961, Bác trở lại Pác Bó. Đồng bào nơi đây biết tin ra đón Bác. Họ còn mang cả ngựa đến đón Bác và phái đoàn đi cho khỏi mệt, nhưng Bác từ chối không đi ngựa mà đi bộ. Khi Bác vừa đến Pác Bó, đồng bào già trẻ, gái trai chạy ùa ra vây quanh Bác. Bác nhìn mọi người và bảo: “Tôi về thăm nhà mà sao lại phải đón tôi”². Đồng bào ai cũng cảm động rưng rưng nước mắt. Sau khi gặp gỡ thân tình với mọi người, Bác cùng ăn bữa cơm thân mật với đồng bào tại gia đình Đại Lâm. Bác bảo lấy chai rượu thuốc nhỏ của Bác hòa vào hũ rượu của anh Lâm để mọi người cùng uống. Bác bẻ nấm cơm mang theo sẵn, chia cho những người ngồi gần. Bác ngồi giữa mọi người với tình cảm đầm thắm, thiết tha, sâu nặng tình nghĩa của những người ruột thịt.

Sau đó, Bác ra thăm lại hang Pác Bó năm xưa. Xúc động trong chuyến hành hương, Người đọc bốn câu thơ:

“*Hai mươi năm trước nơi này,
Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây.
Lãnh đạo toàn dân ta chiến đấu,
Non sông gấm vóc có ngày nay*”³.

1. Bác Hồ sống mãi với chúng ta (Hồi ký), Sđd, t. 1, tr. 392-393.

2, 3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Sđd, t. 8, tr. 24, 24-25.



Đồng chí Vũ Kỳ kể lại vào những đêm giao thừa, Bác thường đến với người nghèo. Mùa Xuân độc lập đầu tiên - Xuân Bính Tuất năm 1946, Chủ tịch nước đã đến các ngõ hẻm ở phố Sinh Từ, phố Hàng Lọng... để được tận mắt nhìn thấy cảnh Tết vừa, Tết nghèo của bà con lao động Hà Nội. Bác đã chứng kiến cảnh gia đình một người đạp xích lô “Tết mà không có Tết”, vì chỉ có một nén hương đang cháy dở trên bàn, chủ nhà đang đắp chiếu nằm mê mệt vì ốm. Bác đã xúc động lấy khăn lau nước mắt, lặng lẽ bước ra khỏi nhà, bảo đồng chí thư ký ghi lại địa chỉ để hôm sau báo cáo cho đồng chí Chủ tịch Hà Nội biết¹.

Tối 30 Tết năm 1960, Bác đến thăm gia đình mẹ con chị Tín, một lao động nghèo ở phố Hàng Chĩnh, Hà Nội. Gần đến giao thừa rồi mà chị Tín vẫn phải đi gánh nước thuê đổi gạo để sáng mai mùng một Tết có cơm ăn cho bốn đứa con của mình. Gặp Bác, chị Tín xúc động để rơi cả đôi thùng gánh nước xuống đất, run run cầm lấy bàn tay của Bác: “Cháu không ngờ lại được Bác đến thăm...”. Chỉ nói được vậy, chị đã òa lên khóc nức nở. Bác đã an ủi chị: “Bác không đến thăm những gia đình như cô thì thăm ai...”. Bác vào nhà, gọi là nhà nhưng thực tế là một cái chái như một túp lều. Chồng chị Tín là công nhân khuân vác đã mất cách đó bốn năm. Trên bàn gỗ mục chỉ có một nồi chuối xanh và một nén hương. Bốn đứa nhỏ, đứa lớn nhất mới lên 10 tuổi...

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 86.



Đêm hôm ấy, trên đường về, Bác trầm ngâm suy nghĩ, vẻ đăm chiêu. Về đến nhà, Bác kể lại hoàn cảnh gia đình chị Tín cho các đồng chí Bộ Chính trị và mọi người nghe. Cuối câu chuyện Bác nói: “Ta có chính quyền trong tay, nhưng chính quyền đó chưa thực sự là do dân, vì dân. Một số lãnh đạo các địa phương còn quan liêu và nặng về hình thức. Họ không chịu đi sâu, đi sát quần chúng, nên phục vụ quần chúng chưa tốt...”¹.

Đồng chí Vũ Kỳ kể tiếp: Tết Dương lịch năm 1946, nữ thi sĩ Hằng Phương đã mua một chục quả cam Giàng, loại cam quý ở Thanh Hóa, mang về Hà Nội biếu Cụ Hồ. Đến Bắc Bộ Phủ, chị mạnh dạn nói với đồng chí đón tiếp: “Thưa ông, tôi vừa mới đi xa về, có mua được mấy quả cam tôi xin kính dâng lên Cụ Chủ tịch. Kèm theo tôi có gửi tặng Cụ một bài thơ. Tôi nhờ ông chuyển món quà nhỏ này của tôi tới Cụ”. Đồng chí cán bộ nói Cụ Chủ tịch đang làm việc ở phòng bên, chị vui lòng chờ một lát. Vì không dám làm mất nhiều thời giờ của Cụ, chị chào người cán bộ rồi ra về.

Thế rồi chỉ vài ngày sau, có người bạn vui mừng mang tặng thi sĩ một tờ báo có dòng chữ: “Thơ của Hồ Chủ tịch trả lời bà Hằng Phương”. “Bà Hằng Phương gửi biếu tôi một gói cam, kèm theo một bài thơ. Vì bà không viết chõ ỏ, tôi không biết gửi thơ cảm ơn đến đâu. Nên tôi nhờ báo *Tiếng gọi phụ nữ* đăng mấy lời cảm tạ của tôi như sau:

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 87-89.



*“Cảm ơn bà biếu gói cam,
 Nhận thì không đúng, từ làm sao đây!
 Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
 Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?”.*

“Nữ thi sĩ cầm tờ báo áp vào lòng. Những giọt nước mắt trào ra. Chị cất tờ báo cẩn thận như một kỷ vật thiêng liêng suốt cả chặng đường dài 9 năm kháng chiến, cho đến ngày nữ thi sĩ qua đời”¹.

Mùa Thu năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Pháp về nước bằng đường tàu biển. Về đến Hải Phòng, đoàn xe đưa Bác tạm nghỉ ở một trường học phố Ngõ Nghè, gần nhà ông già Thuyết. Ông Thuyết bị mù hai mắt, hồi trẻ làm thủy thủ trên tàu nước ngoài. Ông Thuyết rất sung sướng, gọi đứa cháu nhỏ đưa ông sang gặp Bác Hồ và nói rõ ràng: “Ông là bạn thân ngày trước với Hồ Chủ tịch”. Ông còn mặc bộ quần áo dạ vì ngày xưa ở Pari với Bác Hồ, ông thường mặc bộ quần áo này.

Đến cửa trường, cháu bé rụt rè, anh bộ đội gác lúc đầu không cho hai ông cháu vào. Nhưng nhìn vẻ mặt ông già hiền hậu và thái độ kiên quyết của ông bèn bảo hai ông cháu chờ để vào báo cáo. Lát sau, anh bộ đội chạy ra bảo cháu bé dắt ông già vào gặp Hồ Chủ tịch. Thấy hai ông cháu vào, Bác bước nhanh tới nắm chặt lấy bàn tay ông già Thuyết và thân mật hỏi: “Anh Thuyết đấy à? Lâu lắm chúng ta mới lại được gặp nhau!”. Ông già Thuyết

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 414-415.



cảm động quá, miệng lấp bắp: “Hồ Chủ...” Nhưng Hồ Chủ tịch ngắt lời ông rồi nói: “Đừng xưng hô như thế! Cứ gọi tôi là Ba như ngày trước”. Rồi Người xoa đầu cháu bé và ân cần dắt ông già Thuyết về phòng nghỉ của mình¹.

Cuối năm 1945, Bác cử đồng chí Lê Văn Hiến, Bộ trưởng Bộ Lao động làm đặc phái viên của Chính phủ đi vào Nam. Vua Thành Thái (1889-1907) và con trai là vua Duy Tân (1907-1916) là những ông vua có tinh thần yêu nước chống thực dân Pháp, đều bị truất ngôi và bắt đi đày ở châu Phi. Hai bà vợ vua là những bà Hoàng nhân hậu đã giúp đỡ gia đình Bác lúc rất khó khăn ở Huế. Ngoài công việc chung, Bác dặn riêng đồng chí Lê Văn Hiến tìm gặp hai bà Hoàng quả phụ vua Thành Thái và vua Duy Tân, chuyền lời chúc năm mới, thăm hỏi sức khỏe. Nhân danh Chính phủ nước Việt Nam mới, Bác đề nghị cấp cho mỗi bà một khoản tiền 500 đồng Đông Dương hằng tháng. Hai bà Thành Thái và Duy Tân lúc đó ở chùa, gặp đại diện Chính phủ, hai bà hết sức bối rối, cảm động úa nước mắt và nói:

- “Khi Hoàng đế bị đi đày, không ai có lấy một lời hỏi thăm tôi. Họ sợ tôi như sợ con bệnh hủi, sợ liên lụy. Mấy chục năm nay tôi sống thui thủi, trông vào sự may rủi của số phận. Cách mạng mới lên tôi càng rất lo, không biết sẽ còn gì xảy ra với chúng tôi nữa. Tôi không thể ngờ

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 418-419.



rằng lại còn được ông Bộ trưởng thay mặt Chính phủ đến thăm hỏi, an ủi và còn trợ cấp cho chúng tôi”.

Bà Thành Thái nhờ Bộ trưởng dâng lên Cụ Hồ Chí Minh bản tụng kinh hằng ngày. Cuối bản kinh có câu “Kính chúc Hoàng triều vạn vạn tuế”, từ nay trở đi bà sẽ bỏ câu này và thay vào đó bằng câu “Kính chúc Hồ Chủ tịch vạn vạn tuế”.

Bà Duy Tân vô cùng xúc động, cầm lấy tay đồng chí Lê Văn Hiến khóc mãi:

- “Tôi xúc động quá, không biết nói thế nào để cảm ơn tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tôi. Từ khi anh Duy Tân ra đi, chúng tôi trở thành một người lạc lõng, ghê lạnh, không một ai hỏi han, thăm nom đến chúng tôi. Tôi không thể tưởng tượng được có ngày hôm nay. Cầu trời cho cụ Chủ tịch mạnh khỏe sống lâu mang hạnh phúc cho toàn dân”¹.

Trong bài báo “Vị Đại tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam” (đăng trên báo *Nhân Dân số* ra ngày 25/8/2001), Thượng tướng Phùng Thế Tài đã kể lại buổi lễ phong quân hàm đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp năm 1948: Bác và cụ Bùi Bằng Đoàn, Trưởng Ban Thường trực Quốc hội đứng hai bên bàn thờ Tổ quốc, các thành viên Chính phủ đứng xếp hàng ở phía trước. Bác gọi đồng chí Võ Nguyên Giáp ra đứng bên cạnh. Bác giao bản sắc lệnh cho đồng chí Võ Nguyên Giáp và nói: “Nhân

1. Xem Kể chuyện Bác Hồ, Sđd, t. 1, tr. 271-272.



danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng để chú điểu khiển binh sĩ làm tròn sứ mạng mà quốc dân phó thác cho”¹.

Sau buổi lễ, Người tâm sự với mọi người: “Các cụ ta qua bao thế hệ chiến đấu cho độc lập mà không thành, nhắm mắt mà chưa thấy được dân tộc tự do... Hôm nay việc phong tướng cho chú Giáp là kết quả của bao nhiêu hy sinh, chiến đấu của đồng bào, đồng chí. Chúng ta phải cố gắng, phải quyết giành được độc lập, tự do cho thỏa lòng những người đã mất”².

Đến mùa luyện quân năm 1949, ở chân đèo Khế, bà mế người Cao Lan đã hót hết số gạo trắng lắn cùng đất sỏi, do bộ đội vô ý để tuột rơi xuống đường, bọc vào chiếc khăn đội đầu rồi đến nhà chủ tịch xã yêu cầu phải mang bọc gạo ấy đến tay Cụ Hồ.

Chủ tịch xã đã nhờ cảnh vệ chuyển đến tay Bác. Ít lâu sau, Bác tìm người dẫn mình đến nhà chủ tịch xã. Chủ tịch xã hết sức cảm động và luống cuống. Bác nói vui: “Chủ tịch gặp chủ tịch có gì lạ đâu”. Sau khi tìm hiểu cặn kẽ, Bác nói: “Chú đã làm được một việc tốt: Kịp thời phản ánh nguyện vọng của Nhân dân lên Chính phủ. Làm đày tö Nhân dân là phải chu đáo như vậy”.

Bác đã cùng chủ tịch xã tới thăm nhà bà mế. Sau khi hỏi chuyện sức khỏe, chuyện làm ăn, Bác trân trọng trả lại chiếc khăn chàm và nói:

1, 2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 4, tr. 159, 159.



“Cám ơn mế đã cho tôi biết việc làm sai của bộ đội. Bộ đội, cán bộ có lỗi thì Đảng cũng có lỗi, tôi cũng có lỗi. Tôi đến đây là để xin lỗi và cảm ơn Mế”¹.

Làm cách mạng là phải biết vận động quần chúng, vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Ngày 15/10/1949, Bác cho công bố bài báo “Dân vận” trên báo Sự thật. Mở đầu Bác viết: “Vấn đề Dân vận nói đã nhiều, bàn đã kỹ nhưng vì nhiều địa phương, nhiều cán bộ chưa hiểu thấu, làm chưa đúng, cho nên cần phải nhắc lại.

I- Nước ta là nước dân chủ

Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”². Bác đã khái quát đầy đủ cả hệ thống chính trị, lợi ích, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Đây là cơ sở, nền tảng vững chắc của dân vận.

II- “Dân vận là gì?”

Dân vận là vận động tất cả lực lượng của mỗi một người dân không để sót một người dân nào... phải tìm mọi cách giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng. Việc đó là vì lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải

1. Xem Thái Thành Vân: *Chuyện ngày thường về Bác Hồ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2003, tr. 51.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 232.



hăng hái làm cho kỳ được... bất cứ việc gì đều phải bàn bạc với dân... Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân. Khi làm xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng.

III- Ai phụ trách dân vận?

Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân... *đều phải phụ trách dân vận...* Cán bộ canh nông thì hợp tác mật thiết với cán bộ địa phương, đi sát với dân. Những hội viên các đoàn thể thì phải xung phong thi đua làm để làm kiểu mẫu cho dân.

IV. “Dân vận phải thế nào?

Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đǐ, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ *nói suông*, chỉ ngồi viết *mệnh lệnh*... Khuyết điểm to ở nhiều nơi là *xem khinh* việc dân vận. Cử ra một ban hoặc vài người, mà thường cử những cán bộ kém rồi bỏ mặc họ... Những cán bộ khác... tự cho mình không có trách nhiệm dân vận. Đó là sai lầm rất to, rất có hại.

Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”¹.

Bài báo ngắn gọn mà cụ thể, đầy đủ, thiết thực, vô cùng sâu sắc và còn nguyên giá trị thời sự cho đến ngày

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 232-234.



hôm nay. Bất cứ một người dân hay cán bộ đều cần đọc bài báo “Dân vận” của Bác ít nhất một lần!

Vị trí, vai trò của Nhân dân trong việc chống quan liêu, tham ô, lãng phí và xây dựng Đảng được Bác nói nhiều lần và rất sâu sắc trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Trong bài “Phải tẩy sạch bệnh quan liêu” ngày 02/9/1950, Bác nhấn mạnh bốn điều:

- Luôn luôn gần gũi Nhân dân.
- Ra sức nghe ngóng và hiểu biết Nhân dân.
- Học hỏi Nhân dân.
- Lãnh đạo Nhân dân bằng cách tuyên truyền, giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân, dựa vào Nhân dân để thực hiện nguyện vọng chính đáng của Nhân dân”¹.

Bác khẳng định:

“Không học hỏi dân thì không lãnh đạo được dân.

Có biết làm học trò dân, mới làm được thầy học dân...

Nếu không lo chữa, thì bệnh quan liêu sẽ đưa bệnh nhân đến chỗ hoàn toàn bị đào thải.

Thang thuốc chữa bệnh quan liêu:

- Phải đặt lợi ích dân chúng lên trên hết, trước hết.
- Phải gần gũi dân, hiểu biết dân, học hỏi dân.
- Phải thật thà thực hành phê bình và tự phê bình.
- Phải làm kiểu mẫu: Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư”².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 432, 432-434.



Đến ngày 02/9/1951, Bác lại công bố bài báo “Cần tẩy sạch bệnh quan liêu mệnh lệnh”. Lần này, Bác chỉ rõ bệnh quan liêu mệnh lệnh do các nguyên nhân là:

“*Xa Nhân dân*: Do đó, không hiểu tâm lý, nguyện vọng của Nhân dân.

“*Khinh Nhân dân*: Cho là “dân ngu khu đen”, bảo sao làm vậy, không hiểu được chính trị, lý luận cao xa như mình.

“*Sợ Nhân dân*: Khi có sai lầm, khuyết điểm thì sợ Nhân dân phê bình, sợ mất thể diện, sợ phải sửa chữa.

“*Không tin cậy Nhân dân*: Họ quên rằng không có lực lượng Nhân dân, thì việc nhỏ mấy, dễ mấy, làm cũng không xong, có lực lượng Nhân dân, thì việc khó mấy, to mấy, làm cũng được.

“*Không hiểu biết Nhân dân*... Đối với nhân dân, không thể lý luận suông, chính trị suông.

“*Không yêu thương Nhân dân*: Do đó họ chỉ biết đòi hỏi Nhân dân, không thiết thực giúp đỡ Nhân dân... Có nơi, bệnh quan liêu mệnh lệnh trầm trọng đến nỗi cán bộ lừa phỉnh dân, dọa nạt dân!”¹.

Sau khi nêu đơn thuốc cụ thể, Bác mong cán bộ săn lòng cầu tiến bộ, săn chí phụng sự nhân dân, để chữa hết bệnh quan liêu mệnh lệnh.

Năm 1953, khi viết về tự phê bình và phê bình để xây dựng Đảng, Bác khẳng định vị trí vai trò của Nhân dân với niềm tin sâu sắc rằng:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 176-177.



“Đảng viên thì phải dựa vào Nhân dân mà xây dựng Đảng. Tức là: hết lòng ra sức phụng sự Nhân dân, tin tưởng vào lực lượng của Nhân dân, học hỏi Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và không một phút nào xa rời Nhân dân, cùng Nhân dân kết thành một khối. Chống bột chộp, nóng nảy, quan liêu, mệnh lệnh. Như vậy thì nhất định được Nhân dân ủng hộ và việc gì to mắng, khó mắng làm cũng nên”¹.

Đối với các cụ cao tuổi, tôi nhớ mãi câu chuyện “Thư gửi cụ Phùng Lục”. “Trước ngày sinh nhật lần thứ 58 mấy hôm, Bác nhận được thư của cụ Phùng Lục, một phụ lão Cứu quốc ở huyện Ứng Hòa, Hà Đông. Lời lẽ bức thư rất cảm động: “Nhờ ơn Tổ quốc, năm nay tôi hưởng thọ 90 tuổi, theo cổ tục tất phải làm lễ thượng thọ. Nhưng trong lúc này, nước nhà có việc, nên tôi miễn sự tế lễ ăn uống, thành tâm đem món tiền 500 đồng kính dâng Chủ tịch để sung vào Quỹ kháng chiến toàn quốc.

Ước mong món tiền nhỏ trên đây được thu nhận để giúp ích trong muôn một thì lòng già rất được hân hoan”².

Trong thư phúc đáp, Bác viết:

“Thưa cụ,

Những vị Thượng thọ như cụ là của quý giá của dân tộc và nước nhà.

Trong ngày chúc thọ, cụ lại miễn sự tế lễ linh đình, mà đem số tiền 500 đồng quyên vào Quỹ kháng chiến.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 281.

2. T.Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr. 75-76.



Như thế là cự đã nêu cái gương hăng hái kháng chiến và cái gương sửa đổi cổ tục thực hành đòi sống mới cho toàn thể đồng bào noi theo.

Cháu xin thay mặt Chính phủ cảm ơn cụ và trân trọng chúc cụ sống lâu và luôn luôn mạnh khỏe để kêu gọi các con cháu ra sức tham gia công việc kháng chiến và cứu quốc.

Cháu lại kính gửi cụ lời chào thân ái và quyết thắng.
HỒ CHÍ MINH¹.

Đối với đồng chí, tôi nhớ mãi “Bài điếu đồng chí Hồ Tùng Mậu” vô cùng thân thiết và cảm động. Đồng chí Hồ Tùng Mậu là nhà lãnh đạo cách mạng tiền bối, người đồng chí, người anh em chí thiết của Bác, đã hy sinh ở Thanh Hóa năm 1951.

“Chú Tùng Mậu ơi!

Lòng ta rất đau xót, linh hồn chú biết chăng?

Về tình nghĩa riêng: Tôi với chú là đồng chí, lại là thân thiết hơn anh em ruột. Khi hoạt động ở đất khách quê người, khi bị giam ở lao tù đế quốc, khi đấu tranh ở nước nhà, hơn 25 năm, đã bao phen chúng ta đồng cam cộng khổ, như tay với chân.

Về công việc chung: ...tôi đã thay mặt Chính phủ và Đoàn thể, giao phó cho chú những trách nhiệm nặng nề. Khi lãnh đạo Liên khu IV, khi giữ chức Tổng thanh tra và kiêm Hội trưởng Hội Việt - Hoa hữu nghị, chú không quản khó nhọc, luôn luôn vui vẻ làm tròn nhiệm vụ...

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 521.



Mất chú, đồng bào mất một người lãnh đạo tận tụy, Chính phủ mất một người cán bộ lão luyện, Đoàn thể mất một người đồng chí trung thành, và tôi mất một người anh em chí thiết. Mấy nguồn thương tiếc, cộng vào trong một lòng tôi!.

Chú Tùng Mậu ơi!...

Tôi gạt nước mắt, thay mặt Chính phủ, nghiêng mình trước linh hồn chú, và truy tặng chú Huân chương Hồ Chí Minh, để nêu công lao chú đối với đồng bào, đối với Tổ quốc.

Tôi lại hứa với chú: Toàn thể đồng sự và đồng chí sẽ cố gắng noi gương đạo đức cách mạng của chú, noi gương chú đã tận trung với nước, tận hiếu với dân.

Tôi xin gửi lời thân ái an ủi gia quyến chú Tùng Mậu và thưa với Bà Cố: Xin Bà Cố chớ quá độ đau thương. Dù mất chú Mậu, tất cả chúng tôi đều là như con cháu của Bà Cố”¹.

Năm 1956, tại Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, Bác đã có hai bài nói chuyện vô cùng sâu sắc về nhân dân gắn với mỗi con người và chế độ. Theo Bác: “Những điều các bạn nghiên cứu được ở đây có thể ví như một hạt nhân nhỏ bé. Sau này, các bạn sẽ tiếp tục săn sóc, vun xối, làm cho hạt nhân ấy mọc thành cây và dần dần nở hoa, kết quả.”

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 148-149.



Theo ý riêng của tôi, thì hạt nhân ấy có thể tóm tắt trong 11 chữ: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân”.

Nói tóm tắt, minh minh đức tức là *chính tâm*. Thân dân tức là *phục vụ Nhân dân*, đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết”¹.

Cái hạt nhân nhỏ bé của Bác là sự tổng kết từ chính bản thân cuộc đời của mình, là sự chắt lọc những tinh hoa từ bộ sách *Tứ thư*.

Theo Bác “thực hiện 2 chữ *chính tâm* không phải dễ dàng. Phải kinh qua cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới trong bản thân mình: Một cuộc đấu tranh gay go, gian khổ và liên tục. Nhưng ta kiên quyết thì... *chính tâm* nhất định thành công.

Tự do tư tưởng: ...Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý... Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra quyền tự do phục tùng chân lý. Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho Nhân dân”².

Đối với lớp chính trị khóa II, Bác lại mở đầu câu chuyện bằng câu đầu tiên trong *Tam tự kinh* là “Nhân chi sơ, tính bản thiện”.

“Nhân nghĩa là Nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 377, 378.



Thiện nghĩa là tốt đẹp, vẻ vang. Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của Nhân dân.

Trong xã hội có thiện và cũng có ác... trong bản thân và tư tưởng của mỗi người cũng có thiện và có ác.... nếu hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Thế là thiện. Nếu chỉ lo cho lợi ích riêng của mình, không lo đến lợi ích chung của nước nhà, của dân tộc. Thế là ác... Thiện và ác là hai cái mâu thuẫn, luôn luôn đấu tranh gay gắt với nhau. Cuộc đấu tranh ấy phải trường kỳ và gian khổ, nhưng cuối cùng thì ác nhất định bại, thiện nhất định thắng”¹.

Về chuyên chính dân chủ nhân dân: “*Dân chủ* là của quý báu nhất của Nhân dân, *chuyên chính* là cái khóa, cái cửa để đề phòng kẻ phá hoại... Thế thì dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ.

Kết luận:

...Lười thì không tiến bộ, siêng thì chắc thành công.

Các bạn cố gắng mãi, như vậy là anh hùng!”².

Ngày 14/6/1957, Bác về thăm quê hương lần đầu tiên kể từ ngày ra đi tìm đường cứu nước (tháng 6/1911). Đến năm 1961, Bác về thăm quê lần thứ hai. Bác nhớ từng lối đi, bàn thờ mẹ chỉ làm bằng tre, chải chiếu mộc. Giếng Cốc trong và ngọt, nấu chè xanh và làm tương ngon nổi tiếng cả vùng. Gặp ông Điền, người bạn thời

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 453-454, 457.



nhiên thiếu cùng nhau đi câu cá thả diều, Bác nhớ ngay và nắm tay ông run run vì cảm động. Bác hỏi thăm gia đình cố Phương là gia đình nghèo nhất làng Sen từ thuở Bác xa quê hương. Bác hỏi thăm gia đình thầy Cử Vương là thầy dạy Bác hồi niên thiếu. Bác nói chuyện thân mật với nhân dân xã nhà và đại biểu các xã lân cận, Người đọc câu thơ:

*“Quê hương nghĩa trọng tình cao,
Năm mươi năm áy biết bao nhiêu tình”¹*

Đồng chí Vũ Kỳ kể lại, cuối năm 1954, trong gói công văn từ miền Nam gửi ra, có một bức thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Văn phòng mở ra xem thì có chiếc ảnh chụp bộ đội ta đứng hai bên mộ cụ Phó Bảng ở Cao Lãnh. Văn phòng chuyển lên Bác nhưng sau không thấy Bác chuyển lại. Mai tới giữa tháng 9/1969 mới tìm thấy tấm ảnh đó xếp trong chiếc hộp gỗ khảm đựng thiếp in hoa, để trên ngăn sách cao nhất ở trong buồng làm việc trên nhà sàn của Bác.

“Có lần Bác tâm sự: Bà mẹ Bác mất ở Huế, miền Trung. Ông bố Bác mất ở Cao Lãnh, miền Nam. Quê hương Bác, từ lâu, thật sự là cả đất nước Việt Nam rồi. Bác mong muốn được về thăm tất cả và mong tất cả đều giàu đẹp!”².

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 6, tr. 372.

2. Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 368.



Cả cuộc đời của Bác đã toàn tâm, toàn ý vì dân, vì nước, vì nhân loại khổ đau. Cho nên nhà báo V. Bácsét, người Ôxtrâylia đã khẳng định: “Nói tới một người mà cả cuộc đời đã để lại ân tình sâu nặng cho Nhân dân thì không có một ai ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh”¹.

Nhà văn Nguyễn Đình Thi suy nghĩ về văn hóa nhân dân của Bác: “Nói đến Hồ Chủ tịch, mỗi lần chúng ta lại nhận ra những nét mới... Trải bao nhiêu năm bị che đậy, lừa dối trong cái “bọc” của tư bản, của thực dân, chúng ta đã bị lừa vì những bề ngoài của văn hóa... Cuộc kháng chiến ngày nay đã dạy ta: một anh binh nhì i tờ của chúng ta là người văn hóa hơn những tên quan năm, quan sáu lê dương Pháp xuất thân ở các trường đại học, mồm nói những Tônxtoi (Tolstoi), tai nghe những Môda (Mozart). Và người đàn bà “nhà quê” đi họp phụ nữ xã là người văn hóa hơn những thứ quan lại, tiến sĩ làm tay sai của giặc để tàn sát đồng bào. Hồ Chủ tịch đã đem sự thực ấy đến rọi vào văn hóa nước ta... Vì vậy nên Nhân dân gấp thấy Hồ Chủ tịch là nhận ngay ra người dẫn đường cho mình”². Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “Bác Hồ là “muôn vàn tình thân yêu” đối với đồng chí, đồng bào. Trong tình thương yêu đó, có chỗ cho mọi người, không quên, không

1, 2. Bác Hồ sống mãi với chúng ta (Hồi ký), Sđd, t. 2, tr. 1124, 235-237.



sót một ai, và sắp xếp cho mỗi người vị trí chiến đấu cũng như lo lắng chu đáo cho mỗi người về việc làm, đời sống và học tập, vừa nghiêm khắc đòi hỏi, vừa thương yêu dùi dắt”¹.

Phong cách ứng xử của Bác là phong cách văn hóa tình sâu nghĩa nặng. Bác mong mọi người sống với nhau sao cho có tình, có nghĩa. Từ tình nghĩa gia đình, quê hương đến tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà.

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 111.



IV. PHONG CÁCH NÓI ĐI ĐÔI VỚI LÀM, ĐI VÀO LÒNG NGƯỜI, NÓI VÀ VIẾT NGẮN GỌN, DỄ HIỂU, DỄ NHỚ, DỄ LÀM

Dồng chí Phạm Văn Đồng, một trong những người học trò xuất sắc nhất, người bạn chiến đấu gần gũi nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

“Bình sinh, Hồ Chủ tịch không thích hình thức, chống nói suông và rất coi trọng việc làm thiết thực. Từ năm 1927, viết về tư cách người cách mạng, ở trang đầu cuốn Đường kách mệnh, Bác đã dặn chúng ta: “Nói thì phải làm”. Thương yêu Hồ Chủ tịch, tưởng nhớ Hồ Chủ tịch, trung thành với Hồ Chủ tịch là làm việc thiết thực cho nước, cho dân, suốt đời như vậy và trong từng ngày, từng giờ đều như vậy”¹.

Từ năm 1925, khi viết thư trả lời ông H (Thượng Huyền), Bác đã có những góp ý chân thành, thẳng thắn về hai tập bài viết của ông H, trong đó có đoạn: “Tôi thiết nghĩ rằng “văn hay chẳng nỡ là dài”, mình nói những lời nên nói, không thừa, không thiếu, ai xem cũng hiểu cũng động lòng, cũng nghĩ ấy là văn hay và có cốt cách”².

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Sđd, tr.124.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.170.



Sau này, trong bài giảng tại lớp chỉnh Đảng ngày 17/8/1953, Người đã nói rất cụ thể về cách viết, đặc biệt là viết ngắn.

“Hiện nay trình độ của đại đa số đồng bào ta bây giờ không cho phép đọc dài, điều kiện giấy mực của ta không cho phép viết dài và in dài, thì giờ của ta, người lính đánh giặc, người dân đi làm, không cho phép xem lâu. Vì vậy cho nên viết ngắn chừng nào tốt chừng ấy”¹. Bác phê bình có những bài báo “lằng nhằng dài mẩy cột, như là rau muống kéo dây. Đọc đến khúc giữa thì không biết khúc đầu nói cái gì; đọc đến khúc đuôi thì không biết khúc giữa nói cái gì. Thế là vô ích”².

Theo Bác, khi viết trước hết phải đặt câu hỏi: “Viết cho ai? - Viết cho đại đa số: công - nông - binh. Viết để làm gì? - Để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng. Thế thì viết cái gì? Trong vấn đề này cũng phải có lập trường vững vàng: ta, bạn, thù thì viết mới đúng”³.

Người đã nêu nhiều điều cụ thể và căn dặn kỹ càng.

“Lấy tài liệu đâu mà viết? Muốn có tài liệu thì phải tìm, tức là:

1. *Nghe*: lắng tai nghe các cán bộ, nghe các chiến sĩ, nghe đồng bào để lấy tài liệu mà viết.

2. *Hỏi*: Hỏi những người đi xa về, hỏi Nhân dân, hỏi bộ đội những việc, những tình hình ở các nơi.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 205, 205.



3. *Thấy*: mình phải đi đến, xem xét mà thấy.
4. *Xem*: Xem báo chí, xem sách vở. Xem báo chí trong nước, xem báo chí nước ngoài.
5. *Ghi*: những cái gì đã nghe, đã thấy, đã hỏi được, đã đọc được thì chép lấy để dùng mà viết...

Cách viết thế nào? Trước hết là cần phải tránh cái lối viết “rau muống” nghĩa là lèng nhèng “tràng giang đại hải”... Mình viết ra cốt là để giáo dục, cổ động; nếu người xem mà không *nhớ* được, không *hiểu* được, là viết không đúng, nhầm không đúng mục đích. “Mà muốn cho người xem *hiểu* được, *nhớ* được, *làm* được, thì phải viết cho đúng trình độ của người xem, viết rõ ràng, gọn gàng, chớ dùng chữ nhiều...

Phải học cách nói, tiếng nói của quần chúng...

Viết phải *thiết thực*, “nói có sách, mách có chứng”, tức là nói cái việc ấy ở đâu, thế nào, ngày nào, nó sinh ra thế nào, phát triển thế nào, kết quả thế nào?...

Viết rồi thì phải đọc đi, đọc lại. Thấy cái gì thừa, câu nào, chữ nào thừa, thì bỏ bớt đi. Đọc đi đọc lại 4, 5 lần đã đủ chưa? Chưa đủ... Phải nhờ một số đồng chí công, nông, binh, đọc lại. Chỗ nào ngúc ngắc, chữ nào khó hiểu, họ nói ra cho thì phải chữa lại...

Viết chuyện có nhiều ngóc nghẽn thì phải nắn lấy cái chính, không nên kể con cà con kê. Nhằm lấy điểm chính mà viết.

Phải giữ bí mật: Trong lúc viết, thì phải chú ý *giữ bí mật*. Các báo chí của ta rất kén giữ bí mật...



Viết khẩu hiệu: Có những khẩu hiệu viết rất to, nhưng Hồ Chủ tịch cũng không hiểu vì viết tắt cả một đống. Không ai đọc được, có lẽ chỉ có anh viết khẩu hiệu ấy đọc được thôi. Hồ Chủ tịch không hiểu thì chắc dân cũng ít người hiểu...

Nói phải cho gọn gàng, có đầu có đuôi, có nội dung... Nói ít, nhưng nói cho thấu thía, nói cho chắc chắn thì quần chúng thích hơn. Muốn nói gì phải chuẩn bị trước”¹.

Phần cuối bài giảng, Bác kể kinh nghiệm của Bác viết thế nào khi ở Pháp. Muốn tuyên truyền cho nước ta, nhưng không viết được chữ Pháp, Bác đã quyết tâm “Nhất định phải học viết cho kỳ được”². Nhờ một đồng chí phụ trách tờ báo đã chịu khó dạy bảo, giúp đỡ, lúc đầu Bác chỉ viết 3, 4 dòng, sau kéo dài đến một cột báo, rồi rút ngắn lại... Câu chuyện thật cụ thể và cảm động! Lần đầu tiên bài mình được đăng báo, Bác nói là “sướng nhất trong đời người”³. Lần thứ hai Bác thấy sung sướng vì được đăng báo một truyện ngắn. Lần thứ ba Bác sung sướng khi viết *Tuyên ngôn độc lập*.

Bác kết luận: “Nói tóm lại viết cũng như mọi việc khác, phải có chí, chớ giấu dốt, nhờ tự phê bình và phê bình mà tiến bộ.

Quyết tâm thì việc gì khó mấy cũng làm được”⁴.

Để nói và viết cho thiết thực như lời Bác dạy, còn phải có một trí tuệ, tâm hồn để suy nghĩ vận dụng, nhạy

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 206-209, 210, 210, 212.



cảm, sáng tạo, nấm chắc và toàn diện vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống hằng ngày. Trong bài viết “Hồ Chủ tịch - vị anh hùng không nghĩ tới mình - tấm gương của nhân dân Việt Nam”, nhà báo U. Bócsét đã viết:

“Ấn tượng nổi bật nhất mà bất cứ ai lần đầu tiên gặp Hồ Chủ tịch cũng đều cảm thấy là trí tuệ tập trung ở đôi mắt đen ngời sáng của Người, là lòng nhân đạo và sức hấp dẫn làm cho người tới thăm thấy gần gũi ngay với Người. Ấn tượng thứ hai là khả năng đi thẳng vào cốt lõi của vấn đề bằng những lời lẽ ngắn gọn và rất đúng. Điều này chứng tỏ Người nắm bắt rất chắc một cách toàn diện nội dung bàn luận.

Người không những biết sử dụng rất nhiều thứ tiếng Âu, Á mà đồng thời còn rất hiểu tình hình trong nước của những người khách đến thăm.

Lịch sử sẽ dành cho Người vinh dự của một vị lãnh tụ vĩ đại mà thế kỷ XX đã sinh ra. Nhân dân Việt Nam sẽ mãi mãi ca ngợi Người”¹.

Nói và viết gắn liền với báo chí. Do đó tại Đại hội lần thứ hai Hội Nhà báo Việt Nam ngày 16/4/1959, Bác đã có bài nói hết sức sâu sắc. Mở đầu Người nói: “Là một người có nhiều duyên nợ với báo chí, Bác nêu vài ý kiến giúp các cô, các chú tham khảo:

...Ưu điểm của các cô, các chú không ít. Nhưng khuyết điểm thì cũng còn nhiều... cách viết thường ba hoa, dây

1. Bác Hồ sống mãi với chúng ta (hồi ký), Sđd, t. 2, tr. 1127.



cà dây muống, và hình như viết là để đếm dòng lấy tiền, có những bài nhạt nhẽo... viết về *chính trị* thì khô khan và có hai cái tệ: một là rập khuôn, hai là dùng quá nhiều chữ nước ngoài”¹.

Bác còn chỉ ra: “Có người chỉ muốn làm cái gì để “lưu danh thiên cổ”. Muốn viết bài cho oai, muốn đăng bài mình lên các báo lớn... Họ không thấy rằng: Làm việc gì có ích cho nhân dân, cho cách mạng đều là vể vang... Tóm lại, trong lao động không có nghề gì là hèn, chỉ có lười biếng mới là hèn; làm tròn nhiệm vụ thì công tác nào cũng vể vang”².

Về nhiệm vụ và trách nhiệm của báo chí, Bác khẳng định rõ ràng là: “Báo chí của ta thì cần phải phục vụ Nhân dân lao động, phục vụ chủ nghĩa xã hội, phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, cho hòa bình thế giới. Báo chí ta không phải để cho một số ít người xem... cho nên phải có *tính chất quần chúng* và *tinh thần chiến đấu*... V.I. Lê nin có nói: Báo chí là người tuyên truyền, người cổ động, người tổ chức chung, người lãnh đạo chung. Vì vậy, nhiệm vụ của người làm báo là quan trọng và vể vang”³. Bác còn căn dặn: “Những người làm báo ít nhất cũng cần biết một thứ tiếng nước ngoài... Phải làm thế nào cho báo có nhiều người xem... Trong công tác, người viết, người in, người sửa bài, người phát hành, v.v., đều phải ăn khớp với nhau”⁴.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 164, 165-166, 166-167, 167-168.



Về kinh nghiệm làm báo, Bác chia sẻ: “Bác học viết báo Pháp trước, rồi học viết báo Trung Quốc, rồi sau mới học viết báo Việt Nam”¹. Tiếp đó Bác kể cụ thể về việc học viết báo và viết truyện ngắn. “Lần đầu tiên được trả tiền viết báo. Với 50 phrăng đó mình có thể sống 25 ngày không phải đi làm, tha hồ tham gia mít tinh, tha hồ viết báo, tha hồ đi xem sách...

Có thời gian mình làm cả chủ bút, chủ nhiệm, giữ quĩ, phát hành và bán báo của tờ báo *Paria*... Cách bán báo: Bán cho anh em công nhân Việt Nam... có những chỗ bán báo lấy hoa hồng... Còn báo gửi đi các thuộc địa thì mấy chuyến đều bị tịch thu và người đưa báo thì bị bắt bỏ tù. Về sau, nhờ anh em thủy thủ Pháp bí mật chuyển hộ... Cách thứ tư. Trong những cuộc mít tinh, mình đưa báo ra phát rồi nói: “Báo này nói cho các đồng chí biết bọn thực dân áp bức chúng tôi như thế nào. Báo này để biểu thôi, nhưng đồng chí nào có lòng giúp cho báo thì chúng tôi cảm ơn”. Kết quả là: Nếu đem bán thì 100 tờ báo được 5 phrăng, nhưng “biểu không” thì có khi được tới 10, 15 phrăng. Vì anh em công nhân có một, hai xu hoặc một, hai phrăng cũng cho cả”².

Khi qua Liên Xô thì yêu cầu “phải viết rõ sự thật... và phải viết ngắn gọn... chớ viết khô khan quá, phải viết có văn chương”³, vì bây giờ sinh hoạt đã cao hơn, “người ta thấy hay, thấy lạ, thấy văn chương thì mới thích đọc”⁴.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 168, 169, 170, 170.



“Khi đến Hoa Nam, mình lại tập viết báo Trung Quốc. Mỗi lần viết xong, mình sửa đi sửa lại mấy lần rồi mới gửi... Thấy bài mình đã được đăng, lại được đóng khung, điều đó khuyến khích mình tiếp tục viết. Nói tóm lại, mình phải học tập không ngừng và phải luôn luôn khiêm tốn.

Đến ngày Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ra tờ báo *Thanh niên* thì mình lại học viết tiếng ta. Lúc ấy, vấn đề khó khăn là làm thế nào để gửi báo về nước cho đến tay người đọc.

Năm 1941, bí mật về nước. Theo lời dạy của V.I. Lênin là: Tờ báo là công cụ tuyên truyền, cổ động, tổ chức và lãnh đạo. Cho nên mình cố gắng ra một tờ báo ngay và phải làm rất bí mật vì luôn luôn có mật thám của Pháp, Nhật và Bảo Đại rình mò. Điều kiện sinh hoạt thì bữa đói, bữa no. Làm báo thì phải có đá in. Máy đồng chí đã đi lấy trộm những tấm bia đá rồi mài mấy ngày mới thành bản in... Vấn đề giấy cũng gay... Các chị em mỗi người đi chợ mua năm, mười tờ, nói dối là mua cho con cháu học, rồi góp lại để in báo. In bản đá, muốn sửa chữ thì phải dùng axít... Có đồng chí nghĩ ra cách dùng chanh thay cho axít, chị em lại giúp mua chanh để ủng hộ báo. Còn việc phát hành: Để báo ở các hang đá bí mật. Các đồng chí phụ trách cơ sở Việt Minh cứ đến đó mà lấy...

Thế là mọi việc đều dựa vào quyết tâm của mình, dựa vào lực lượng và sáng kiến của quần chúng... Duyên nợ của Bác đối với báo chí là như vậy đó.



Kết luận: Kinh nghiệm của 40 năm là không sợ khó, có quyết tâm. Không biết thì phải cố gắng học, mà cố gắng học thì nhất định học được. Bây giờ các cô, các chú có điều kiện học tập dễ dàng hơn Bác trước kia. Mong các cô, các chú cố gắng và tiến bộ!”¹.

Trong điện mừng Hội Nhà báo Á - Phi ngày 24/4/1965, Bác đã khẳng định: “Đối với những người viết báo chúng ta, cái bút là vũ khí sắc bén, bài báo là tờ hịch cách mạng để động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh”².

Đối với Nhân dân ta, Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và bản *Tuyên ngôn độc lập* ngày 02/9/1945 là thắng lợi vĩ đại, là mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc.

Mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* là lời bất hủ trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc... Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”³. Bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ là tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành độc lập, tự do cho Nhân dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 170-171.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 14, tr. 540.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 1.



Mỹ lúc bấy giờ, và cũng là nguyện vọng chung của tất cả các dân tộc trên thế giới.

“Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”¹. Tuyên ngôn của Cách mạng Pháp - một cuộc cách mạng tư sản điển hình, triệt để - có ảnh hưởng lớn tới cuộc đấu tranh của Nhân dân các nước đang đấu tranh chống chế độ phong kiến lúc bấy giờ.

Mở đầu như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn quyền độc lập dân tộc của Việt Nam với quyền con người phải được tự do, bình đẳng. Đó là xu thế cách mạng, tiến bộ và tất yếu của Nhân dân thế giới.

“Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa”².

Với lập luận đanh thép, bản tuyên ngôn đã tố cáo những tội ác滔天 của thực dân Pháp: “Về chính trị - Chúng tuyệt đối không cho Nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết. Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 1, 1.



học... Chúng tẩm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu... thi hành chính sách ngu dân. Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn, để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế - Chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều... Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng. Chúng không cho các nhà tư sản ta được giàu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương... thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng... Từ đó, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó, dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay¹... hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”².

Khi Nhật hàng đồng minh, Nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

“Sự thực là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa...

1. Tức từ cuối năm 1944 sang đầu năm 1945 (BT).

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 1-2.



Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi - Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹.

Hơn một triệu người có mặt trong buổi lễ Độc lập hôm ấy vui sướng đến trào nước mắt. Mọi người biết bao xúc động khi thấy Bác Hồ ngừng đọc, nhìn đồng bào rồi hỏi: “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”. Cả rồng người cùng hô vang đáp lại: “Có!”. Câu hỏi đơn giản, ấm áp này của Bác đã xóa tan tất cả những gì xa cách giữa vị Chủ tịch nước với quần chúng nhân dân... Chính với câu hỏi tự nhiên, gần gũi ấy... làm cho mọi người dân Việt Nam từ già đến trẻ, từ Nam đến Bắc đều thấy Người thực sự trở thành “Bác Hồ”, “Cha Hồ” của dân tộc².

Tuyên ngôn độc lập là sự kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường, bất khuất của dân tộc ta, là tác phẩm bất hủ, là bản anh hùng ca mở đầu một kỷ nguyên mới của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 3.

2. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 407-408.



dân tộc - kỷ nguyên độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tuyên ngôn độc lập còn là kết quả của quá trình đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh của biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước, từ bản yêu sách gửi tới Hội nghị Vécxây, *Bản án chế độ thực dân Pháp*, đến Đường cách mệnh và Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi là sự thay đổi vô cùng to lớn trong lịch sử dân tộc làm cho nước ta trở thành một bộ phận trong đại gia đình dân chủ thế giới. Một Nhà nước Việt Nam dân chủ ra đời, Nhà nước của dân, do dân, vì dân! Tinh thần trọng dân, vì dân được đề cao hơn bao giờ hết và là điều đặc sắc, xuyên suốt lịch sử cách mạng Việt Nam cho đến ngày nay. Trong Hiến pháp năm 2013, tất cả các từ “Nhân dân” đều được viết hoa là sự tiếp nối thể hiện tinh thần đó.

Trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, chúng ta đã: vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa chống Mỹ, cứu nước vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là sáng tạo độc đáo của cách mạng Việt Nam để thực hiện thắng lợi lời thề độc lập!

Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời gắn bó với Đảng và dân tộc. Người đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta. Lênin đã nói: Tất cả các đảng cách mạng xưa nay đều đã bị tiêu vong, vì họ không biết những sai lầm của mình và không sửa được những sai lầm đó. Thực chất và



cốt lõi của công tác xây dựng đảng là vấn đề tổ chức và con người.

Đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 39 ngày thành lập Đảng, ngày 03/02/1969, báo *Nhân dân* đăng bài “Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Đây là bài viết cuối cùng của Bác về xây dựng Đảng. Trước đó, từ cuối tháng 01/1969, Bác đã chuẩn bị những ý chính cho bản thảo bài viết “Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng”. Người đã gửi đến từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đề nghị tham gia ý kiến. Chiều 30 tháng 01, Người mời đồng chí Tố Hữu, phụ trách tuyên huấn của Trung ương Đảng đến trao đổi ý kiến lần cuối về bài viết. Nhân nhượng lời đề nghị của đồng chí Tổng Biên tập, Bác đồng ý đảo lại tên bài viết là “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, nhưng trong bài viết phải để nguyên ý của Bác.

Mở đầu bài viết, Bác khẳng định vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên: “Nhân dân ta thường nói: đảng viên đi trước, làng nước theo sau”¹.

Tiếp đó Bác viết: “Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt động hằng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và sản xuất, rất nhiều cán bộ, đảng viên ta đã tỏ ra anh dũng, gương mẫu, gian khổ đi trước, hưởng thụ đi sau và đã làm nên những thành tích rất vẻ vang...

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 546.



Đó là những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng như thế.

Song bên cạnh những đồng chí tốt ấy, còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém. Họ mang nặng *chủ nghĩa cá nhân*, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo “mình vì mọi người” mà chỉ muốn “mọi người vì mình”¹.

Bài viết chỉ rõ những biểu hiện và tác hại của chủ nghĩa cá nhân là: “Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trực lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Họ không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ.

Cũng do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tinh thần tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân”².

Đoạn văn ngắn gọn nhưng đã khái quát nhiều sai lầm của cán bộ, đảng viên do cá nhân chủ nghĩa. Những sai lầm ấy Bác đã phân tích, phê phán sâu sắc nhiều lần.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 546-547, 547.



Đến lần này, bài viết chỉ ra nguồn gốc của nó chính là chủ nghĩa cá nhân.

Bác kết luận: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ”¹.

“Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng”, là chủ đề cốt lõi của bài báo. Vì chủ nghĩa cá nhân tác hại như vậy, nếu không kiên quyết quét sạch, sẽ dẫn tới sai phạm về đạo đức, thậm chí gây ra tội ác và không thể nâng cao đạo đức cách mạng được. Đạo đức cách mạng do đấu tranh và rèn luyện hàng ngày mà có được; “không có đạo đức cách mạng thì tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”². Do vậy, kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng là hai vấn đề phải làm đồng thời và triệt để.

Sinh thời, Bác thường dạy các cán bộ, đảng viên rằng: vào Đảng không phải để làm quan phát tài; ngoài lợi ích của dân tộc và đất nước, Đảng ta không có lợi ích nào khác. Bài viết này của Bác có giá trị khai quát rất sâu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 547.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 292.



sắc và lâu dài về xây dựng Đảng ta, nhất là một đảng cách mạng đang cầm quyền như hiện nay. Đó thật sự là một cuộc chiến đấu và rèn luyện hằng ngày của mỗi cán bộ, đảng viên.

Ngày 20/12/1964, trong buổi chiêu đãi mừng quân đội ta 20 tuổi, Bác khen ngợi toàn thể lực lượng vũ trang đã lập được nhiều thành tích và có nhiều tiến bộ. Người nói rõ: “Quân đội ta là quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng. Mới ra đời, với gậy台账, súng kíp đã cùng toàn dân đánh Pháp, đuổi Nhật, đưa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến thành công. Lên mười tuổi thì cùng toàn dân giành được thắng lợi lớn Điện Biên Phủ, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Pháp được Mỹ giúp sức...

Cán bộ và chiến sĩ thương yêu nhau như ruột thịt, chia ngọt sẻ bùi, Quân và dân như cá với nước, đoàn kết một lòng, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau...

Quân đội ta có sức mạnh vô địch, vì nó là quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục.

Cán bộ và chiến sĩ phải luôn luôn khiêm tốn, luôn luôn cố gắng hơn nữa. Phải phát huy bản chất và truyền thống cách mạng”¹.

Trong bài nói, Bác còn khẳng định: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 14, tr. 434-435.



Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”¹.

“Trung với Đảng, hiếu với dân” là bản chất của quân đội. Vì Đảng ta đã xây dựng, lãnh đạo và giáo dục quân đội. Quân đội ta ở Nhân dân mà ra, vì Nhân dân mà chiến đấu, như lời ca: “Vì Nhân dân quên mình, vì Nhân dân hy sinh”². Bác đã phát huy truyền thống đạo đức của dân tộc là trung, hiếu trên một cơ sở hoàn toàn mới.

“Sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội” là nhiệm vụ, là mục đích cao cả của quân đội ta.

“Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng” là truyền thống vang vang của quân đội ta.

Lời Bác dạy ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, đầy đủ cả bản chất, nhiệm vụ, truyền thống với câu chũ chính xác đến mức không thể thay thế.

Trên thế giới này có ở đâu như ở Việt Nam, nhân dân ta đã gọi người lính của mình là “Bộ đội Cụ Hồ”! Trong các buổi phát thanh Quân đội nhân dân trên Đài Tiếng nói Việt Nam đều mở đầu bằng lời dạy của Bác, để quân đội ta luôn phát huy những phẩm chất truyền thống tốt đẹp đó!

Đối với Lenin, Bác Hồ đã có nhiều bài viết rất cảm động, với lòng biết ơn sâu sắc, niềm tin lớn lao, gắn với

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 14, tr. 435.

2. Trích lời bài hát: “Vì Nhân dân quên mình” do nhạc sĩ Doãn Quang Khải sáng tác vào tháng 5/1951.



những việc làm thiết thực, trung thành và sáng tạo trong cả cuộc đời của mình.

Năm 1960, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của V.I. Lê nin, Bác viết bài “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê nin”. Bác kể lại: “Ngay sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tôi làm thuê ở Pari,... thường rải truyền đơn tố cáo tội ác bọn thực dân Pháp ở Việt Nam. Lúc bấy giờ, tôi ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên... Còn như đảng là gì, công đoàn là gì, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là gì, thì tôi chưa hiểu... Điều mà tôi muốn biết hơn cả - và cũng chính là điều mà người ta không thảo luận trong cuộc họp - là: Vậy thì cái quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa? ... Có mấy đồng chí đã trả lời: Đó là Quốc tế thứ ba... Và một đồng chí đã đưa cho tôi đọc *Luận cương của Lê nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* đăng trên báo Nhân đạo. Trong Luận cương ấy, có những chữ chính trị khó hiểu. Nhưng cứ đọc đi đọc lại nhiều lần, cuối cùng tôi cũng hiểu được phần chính. Luận cương của Lê nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên... Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lê nin, tin theo Quốc tế thứ ba... Cuối cùng ở Đại hội thành phố Tua, tôi cùng các đồng chí biểu quyết tán thành tham gia Quốc tế thứ ba. Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê nin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận



Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ... Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta... không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng”¹.

Do những hoạt động xuất sắc của mình ở Pháp, Bác đã được mời sang Liên Xô để tham dự và phát biểu về vấn đề thuộc địa tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản vào cuối năm 1923. Đầu năm 1924, V.I. Lênin qua đời. Đến viếng thi hài V.I. Lênin, trong niềm xúc động trào dâng, Bác viết bài “Lênin và các dân tộc thuộc địa” gửi báo *Sự thật* của Liên Xô. Cũng trong năm đó Bác viết bài “Lênin và các dân tộc phương Đông” gửi báo *Le Paria* ở Pari. Cả hai bài báo đều ca ngợi V.I. Lênin: “... người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa”². “Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi... Lênin là hiện thân của tình anh em bốn bề. Không những họ biết ơn Người mà còn tha thiết yêu mến Người.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 561-563.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 256.



Họ tôn kính Người tương tự như tôn kính cha mẹ... người thầy vĩ đại đã được tất cả mọi người, nam cũng như nữ, những người bình thường nhất cũng như những người tiên tiến nhất, đều hiểu và yêu mến”¹.

Kết luận hai bài báo Bác viết: “Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội.

Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”².

Kỷ niệm một năm ngày VI. Lênin qua đời, mùa xuân năm 1925, Bác viết bài: “Lênin và các dân tộc thuộc địa”. Mở đầu Bác viết: “Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa. Lênin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án mọi thành kiến về vấn đề này còn âm ỉ trong đầu óc của nhiều nhà cách mạng châu Âu và châu Mỹ... Trong tất cả các Đại hội của Quốc tế Cộng sản,... vấn đề các nước thuộc địa đã được nêu lên hàng đầu... Lênin là người đầu tiên đã chỉ rõ rằng, nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa, thì cách mạng xã hội không thể có được... Việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc hết sức phức tạp ở nước Nga Xô viết là một thứ vũ khí tuyên truyền mạnh mẽ trong các nước thuộc địa... Lênin là người sáng tạo ra cuộc đời

1, 2. Hồ Chí Minh: *Tobàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 317-318, 257.



mới, là ngọn hải đăng chỉ dẫn con đường đi tới giải phóng cho toàn thể nhân loại bị áp bức”¹.

Cũng trong năm 1925, trong bài gửi báo *Công nhân Bacu* (Liên Xô), Bác nói rõ: “Khi Lenin còn sống, nhân dân bị áp bức coi Người là người giải phóng mình. Khi Người mất đi, họ hỏi nhau: “Tìm đâu ra những người có đủ tinh thần dũng cảm và nhân từ như Lenin để chăm lo đến việc giải phóng những người nô lệ ở các nước thuộc địa?... nhân dân bị áp bức ở các nước phương Đông đã nhận ra rằng, họ đã tìm thấy một Đảng lớn mạnh lấy tên là Đảng Lenin”².

Ngày 21/01/1925, báo *Tiếng còi Mátxcơva* (Liên Xô) đã đăng bài báo “Lenin và phương Đông”. Bác đã một lần nữa khẳng định: “Lenin là người đầu tiên đã đặt cơ sở cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa... Chỉ nhờ có thái độ khôn khéo của Lenin đối với vấn đề thuộc địa, mới có thể lay động quần chúng chưa được giác ngộ, và lạc hậu nhất trong các nước thuộc địa... Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức và bị nô dịch, Lenin đã thể hiện một bước ngoặt trong lịch sử cuộc đời đau khổ và bị mất quyền của họ, là tượng trưng cho một tương lai mới, xán lạn”³.

Ngày 13/7/1955, Bác và đoàn đại biểu Chính phủ ta đã đến thăm nơi ở và làm việc của V.I. Lenin trong điện Cremlin (Kremlir). Bác là vị khách nước ngoài đầu tiên

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 147-148, 223, 234-235.



vào thăm bảo tàng này, Người đã viết những cảm tưởng ở trang đầu trong cuốn sổ vàng lưu niệm:

“Lênin, người thầy dạy vĩ đại của cách mạng vô sản. Cũng là một vị đạo đức rất cao, dạy chúng ta phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính.

Tinh thần Lênin muôn đời bất diệt!

Ngày 13 tháng 7 năm 1955

HỒ CHÍ MINH”¹

Nói như Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Bác Hồ với V.I. Lênin đã có cuộc hẹn gặp lịch sử, vì nó hứa hẹn biết bao điều tốt đẹp sau này. Cuộc hẹn gặp lịch sử ấy chính là con đường cứu dân, cứu nước và những phẩm chất đạo đức vĩ đại cao đẹp!

Đến ngày 15/7/1969, khi trả lời phỏng vấn báo *L'Humanité* (Pháp), Bác nói: “Lênin đã mất. Thế là tôi chưa được gặp Lênin và đó là một điều ân hận lớn trong đời tôi... Đồng chí biết truyền thuyết của chúng tôi về cái “cảm nang”. Khi gặp khó khăn người ta giở cảm nang ra và tìm thấy cách giải quyết. Chủ nghĩa Lênin cũng gần như cái cảm nang thần kỳ đó”².

Đối với riêng một cán bộ, Bác cũng có lời căn dặn, dạy bảo cụ thể, ngắn gọn, đầy đủ, rất thiết thực, phù hợp và sâu sắc. Sau Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, đồng chí Đinh Chương đang công tác ở quân đội được Bác gọi về gấp và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 43.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 15, tr. 588.



hỏi: “Chú có hiểu và ghi chép được gì ở Hội nghị không?”. Đồng chí thưa với Bác: “Tuy tham gia cách mạng, nhưng tôi chỉ biết chữ Hán, còn chữ quốc ngữ chỉ nghe và nói tạm, chưa viết được”. Bác bảo: “Không lo, chú thạo chữ Nho giờ ghi lại mấy câu này để nhớ và làm việc”. Rồi Bác đọc cho đồng chí Đinh Chương chép bài thơ:

*“Cách mạng tiên cách tâm
Cải tạo xã hội tiên cải tạo tự kỷ.
Kiểm túc thâm tâm.
Lệ hành tự thừa phê bình
Tiên chi dĩ tự kỷ tu thân
Kế chi dĩ giáo hóa bộ thuộc
Kế chi dĩ cảm ứng dân chúng”*

Dịch ý:

“Làm cách mạng trước hết cách tám lòng. Cải tạo xã hội trước hết cải tạo bản thân. Kiểm điểm cho sâu sắc. Tự phê bình nghiêm khắc. Trước tiên tự mình tu sửa. Kế đó mới chỉ bảo cấp dưới. Sau nữa mới vận động quần chúng nghe theo”¹.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng lần đầu tiên khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”². Và toàn bộ tư tưởng của Người đã được tập hợp thể hiện trong bộ sách *Hồ Chí Minh Toàn tập*.

1. Xem Thái Thành Văn: *Chuyện ngày thường về Bác Hồ*, Sđd, tr. 29.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t. 51, tr. 147.



“Đây là một tài sản tinh thần vô giá của toàn Đảng, toàn dân ta... là bộ sách kinh điển lớn, có giá trị lý luận và thực tiễn cao về cách mạng Việt Nam. Bộ sách đã phản ánh thiên tài trí tuệ của vị lãnh tụ - người thầy của cách mạng Việt Nam, nhà tư tưởng máxxít vĩ đại... ”

Tính khoa học đúng và tích cách mạng sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh được thực tế lịch sử kiểm chứng đã tỏ giá trị, sức sống mãnh liệt và trở thành tinh hoa của dân tộc, niềm tự hào vô hạn của mỗi con người Việt Nam”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. VIII-XXIX.



V. PHONG CÁCH QUẦN CHÚNG, DÂN CHỦ, TỰ MÌNH NÊU GƯƠNG, SỐNG THANH CAO, GIẢN DỊ, LẠC QUAN

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Quần chúng là người sáng tạo ra lịch sử. Quần chúng là những người dân bình thường trong xã hội, là lực lượng đồng đảo, rộng rãi; số đông ngoài đảng, là đối tượng lãnh đạo trực tiếp của đảng. Muốn phát huy lực lượng quần chúng phải tiến hành tuyên truyền, vận động, dân chủ.

Bác đã căn dặn rằng: Muốn được quần chúng nhân dân nghe theo mình, làm theo mình thì cán bộ, đảng viên từ việc làm, lời nói, đến cách ăn ở phải thế nào để được dân tin, dân phục, dân yêu. Người đã tự mình nêu gương làm như vậy.

Bác sống thanh cao, giản dị, lạc quan. Sống thanh cao là sống trong sạch và cao thượng. Người luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức tốt đẹp, cuộc đời trong sạch, tâm hồn trong sáng. Sống giản dị là sống đơn giản một cách tự nhiên, dễ hiểu. Con người Bác luôn toát lên một lối sống giản dị, từ cách ăn mặc giản dị mà lịch sự, đến lời nói giản dị mà dễ hiểu, sâu sắc. Bác sống lạc quan yêu đời, từ cách nhìn, thái độ tin tưởng ở tương lai tốt đẹp, đến tâm hồn thơ rất cao đẹp.



“Người đã trải qua một cuộc đời oanh liệt, đầy gian khổ hy sinh, vô cùng cao thượng và phong phú, vô cùng trong sáng và đẹp đẽ”¹.

Trong suốt 30 năm bôn ba ở nước ngoài, Bác đã sống chan hòa và thân thiết với bạn bè, đồng chí và quần chúng lao động các màu da trên thế giới. Khi trở về nước, tất cả kinh nghiệm và tình cảm của Bác được dồn lại dành cho đồng bào, đồng chí ruột thịt, thân yêu.

Được sự giúp đỡ của cán bộ và đồng bào địa phương, Bác đã chọn hang Cốc Bó (tiếng Nùng có nghĩa là đầu nguồn), một hang núi kín đáo ở Cao Bằng, sát biên giới Việt - Trung là nơi đứng chân đầu tiên. Từ ngày 08/02/1941, Bác đã sống ở đây với tên gọi Già Thu, trong bộ quần áo chàm của người Nùng. Đồ đạc chỉ có chiếc valy mây đựng tài liệu, cái máy chữ thân thiết và chiếc sàn nằm ghép lại bằng những cành cây nhỏ, phía trên trải một tấm phên tre. Từ trong vách đá, khe núi chảy ra một dòng suối rất trong, phản chiếu ngọn núi hùng vĩ, Người đặt tên là núi Các Mác và suối Lênin.

Từ cảnh đẹp hùng vĩ, nơi đầu nguồn của cách mạng, Bác đã làm bài thơ “Pác Bó hùng vĩ”:

“Non xa xa, nước xa xa.

Nào phải thênh thang mới gọi là.

Đây suối Lênin, kia núi Mác.

Hai tay xây dựng một sơn hà”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 626.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 227.



Cuộc sống ở chiến khu Việt Bắc thật gian khổ. Khí hậu trong hang ẩm ướt, mùa đông gió lạnh tê buốt, có khi phải đốt lửa sưởi suốt đêm. Bữa ăn chỉ có rau rừng, ốc suối, cháo bẹ, rau măng. Hàng ngày, Người dậy sớm chạy ra ngoài hang tập thể dục, leo núi, tắm suối, sau đó mới bắt đầu vào công việc. Bác đã dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* ra tiếng Việt làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng. Lời thơ thanh cao lại cất lên:

“Sáng ra bờ suối, tối vào hang.

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng.

Bàn đá chống chênh dịch sử Đảng.

Cuộc đời cách mạng thật là sang”¹.

Đầu tháng 5/1945, khi tình hình cách mạng đang dâng lên cao trong cả nước, Bác quyết định chuyển nơi ở và làm việc từ Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang) - nơi có phong trào quần chúng mạnh mẽ, đã thiết lập được chính quyền cách mạng, lại thuận tiện liên lạc miền xuôi, miền ngược - để kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng.

Ở trong làng một thời gian, Bác chuyển lên ở núi Nà Lừa. Đây là quả núi đất, ở giữa khu rừng Núia, dưới chân núi Hồng, vừa gần dân, vừa kín đáo, vừa có đường vượt đèo De khi có biến. Lán Nà Lừa đơn sơ, cột bằng cây rừng, vách đan phen nước. Tại nơi nghỉ và làm việc của Bác, từ cái bàn, cái ghế đều bằng tre nứa, nhưng ngăn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 228.



nắp, sạch sẽ. Xung quanh là các lán ở của các chiến sĩ bảo vệ, phục vụ, thông tin. Hàng ngày Bác vẫn tự mình xuống suối lấy nước tắm giặt. Đường dốc, lấp đá nhiều rêu. Bác tay chống gậy, vai vác ống nước, vai vắt quần áo vừa giặt, chẳng bao giờ bị ngã¹.

Một trưa tháng 5/1945, Bác đưa cho đồng chí Trần Định là bảo vệ và cấp dưỡng một hộp mật ong, bảo đem nấu chè để đen cho mọi người cùng ăn. Đồng chí Định thưa với Bác đây là quà tặng để Bác dùng vì Bác không được khỏe. Người nói ngay: “Tôi được quà thì mọi người cũng phải có phần chứ. Tôi mệt thì nhiều anh em cũng mệt”. Khi nấu chè, có ý kiến bàn chỉ đổ một nửa hộp mật, còn lại để bồi dưỡng sức khỏe cho Bác. Đồng chí Định bảo Bác đã nói là phải làm đúng, nếu bớt mật lại, Bác bắt nấu lần nữa thì mất công. Đó là bữa chè mật ong đặc biệt, hương vị tưởng như vẫn còn đến bây giờ².

Hôm bế mạc Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, đoàn đại biểu nhân dân xã Tân Trào mang quà đến chào mừng. Bác cử đồng chí Trần Huy Liệu ra cảm ơn. Nhìn em bé gầy yếu, chừng chín, mười tuổi đi theo đoàn, Bác đến cầm tay em bé và nói với các đại biểu: “Ở tuổi này đáng lẽ các em được vui chơi, được đi học, được ăn no, mặc lành. Nhưng ở đây hàng ngày các em phải chăn trâu, lấy củi, cõng nước mà ăn không đủ no, mặc không đủ ấm.

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 402-403.

2. Xem Thái Thành Vân: *Chuyện ngày thường về Bác Hồ*, Sđd, tr. 15.



Nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc giải phóng là làm sao để giải phóng dân tộc, cho nhân dân được hạnh phúc, cho con em ta được mạnh khỏe ấm no, học hành. Chúng ta hứa phần đấu để đạt mục đích ấy". Lời nói của Bác đã gây xúc động sâu sắc trong lòng các đại biểu¹.

Những việc Bác yêu cầu đồng bào thực hiện đều là những điều Bác đã làm bền bỉ trong suốt cuộc đời. Nếu là những điều mới đề ra thì Bác gương mẫu làm trước. Khi cách mạng vừa mới thành công, ở Hà Nội đồng bào đang bị thiếu đói, Bác kêu gọi Nhân dân mười ngày nhịn ăn một bữa để cứu đói, mỗi tháng ba lần đến bữa không ăn. Bác đã lấy phần gạo của mình, tự tay đổ vào hòm gạo cứu đói. Một hôm, đúng vào bữa nhịn ăn thì tướng Tiêu Văn mời Bác đến dự tiệc chiêu đãi. Khi Bác về, anh em báo cáo đã đem gom phần gạo của Bác rồi. Bác vẫn quyết định nhịn ăn một bữa vào ngày hôm sau. Có nhiều thư từ khắp nơi gửi đến Chính phủ, đến Cụ Hồ, đề nghị Bác đừng nhịn ăn. Cảm động hơn có nhiều người xin nhịn thêm để thay phần cho Bác. Nhưng Bác trả lời là: "Tôi là người nêu ra, tôi phải làm gương mẫu"².

Những ngày từ Tân Trào về Hà Nội, Bác cùng ăn cơm tập thể với anh em bảo vệ và phục vụ. Có người gợi ý mời Bác ăn riêng để bảo đảm sức khỏe nhưng Bác gạt đi. Một buổi sáng sau khi cùng ăn sáng với mọi người, Bác sang

1. Xem Thái Thành Vân: *Chuyện ngày thường về Bác Hồ*, Sđd, tr. 26.

2. Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 36.



bàn uống nước. Trên bàn có mấy nải chuối để ăn tráng miệng. Tiêu chuẩn mỗi người một quả, mọi người tự giác lấy phần của mình. Có một đồng chí cán bộ bẻ một quả chuối thấy bị nẫu ở phần cuối quả, để ra bên cạnh, giơ nải chuối chọn bẻ quả khác ngon lành hơn. Thấy thế, Bác lặng lẽ cầm quả chuối nẫu lên, lấy con dao để săn bên cạnh cắt phần nẫu bỏ vào bồ rác rồi thản nhiên bóc ăn.

- Chuối ngọt lịm. Ở chiến khu được quả chuối thế này mà ăn thì quý biết mấy.

Đồng chí cán bộ kia ra uống nước, xong đặt chén xuống bàn lánh ra chỗ khác, hai vành tai đỏ ửng lên¹.

Về chuyện gia đình riêng, ngày 16/7/1947, khi trả lời phỏng vấn của một nhà báo nước ngoài, Bác nói: “Cảm ơn ngài. Tôi vẫn mạnh khỏe, mặc dầu tin Pháp đã mấy lần đồn rằng tôi đã chết rồi.

Ngài đã hỏi, tôi xin dẹp sự khiêm tốn lại một bên mà đáp một cách thực thà: Tôi không nhà cửa, không vợ, không con, nước Việt Nam là đại gia đình của tôi. Phụ lão Việt Nam là thân thích của tôi. Phụ nữ Việt Nam là chị em của tôi. Tôi chỉ có một điều ham muốn là làm cho Tổ quốc tôi được độc lập, thống nhất, dân chủ.

Bao giờ đạt được mục đích đó tôi sẽ trở về làm một người công dân du sơn ngoạn thủy, đọc sách làm vườn”².

Đối với anh em cơ quan, trong lúc quây quần, nói chuyện tâm tình chan hòa, đậm ấm, một đồng chí Bộ

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 410-411.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 5, tr. 201.



trưởng mạnh dạn nhắc khéo về chuyện gia đình riêng. Bác cũng vui vẻ tâm sự: “Mình chẳng phải thần thánh gì. Cũng như tất cả mọi người. Nhưng với hoàn cảnh này còn điều kiện nào nghĩ đến gia đình”¹.

Thấy mọi người vẫn tỏ ý quan tâm, Bác cười rồi nói tiếp: “Gia đình nhỏ không thể được thì ta cứ lo gia đình lớn đi vậy”².

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, để bảo đảm bí mật, Bác phải thường xuyên thay đổi chỗ ở. Anh em bảo vệ, phục vụ luôn ghi nhớ bài thơ về tiêu chí lựa chọn nơi ăn, ở, làm việc của Bác:

“Trên có núi
Dưới có sông
Có đất ta trồng
Có bơi ta vui
Tiện đường sang Bộ tổng
Thuận lối tối Trung ương
Nhà thoáng, ráo, kín mát
Gần dân, không gần đường”³.

Cảnh núi rừng Việt Bắc đã chan hòa vào tâm hồn thơ của Người:

“Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay,
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày,

1, 2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 4, tr. 157.

3. Bác Hồ sống mãi với chúng ta (Hồi ký), Sđd, t. 2, tr. 82.



*Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Sắn vè thường chén thịt rừng quay,
Non xanh, nước biếc tha hồ đạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say.
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xưa, hạc cũ với Xuân này”¹.*

Năm 1947

Đến tiếng suối, đêm trăng cũng là tiếng hát, bức tranh đẹp trong lòng Bác:

*“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”².*

Năm 1947

Ngày 25/5/1948, Bác có bài trả lời phỏng vấn của báo *Frères D'Armes*:

“- Hỏi: Thưa Chủ tịch, Chủ tịch ghét gì nhất?

Trả lời: Điều ác.

- Hỏi: Thưa Chủ tịch, Chủ tịch yêu gì nhất?

Trả lời: Điều thiện.

- Hỏi: Chủ tịch cầu mong gì nhất?

Trả lời: Nền độc lập của nước tôi và của tất cả các nước trên hoàn cầu.

- Hỏi: Thưa Chủ tịch, Chủ tịch sợ gì nhất?

Trả lời: Chẳng sợ gì cả. Một người yêu nước không sợ gì hết và nhất thiết không được sợ gì”³.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 376, 377, 522.



Người Việt Nam yêu nước không sợ gì hết, mà còn có truyền thống vừa đánh giặc vừa làm thơ, với tâm hồn thơ rất thanh cao, ung dung, yêu quý thiên nhiên, đất trời của tâm thế người chiến thắng:

“Rầm Xuân lồng lộng trăng soi,
Sông Xuân nước lấp màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đây thuyỀn”¹.

Tháng 02/1948

Thơ Bác tặng cụ Bùi Bằng Đoàn cũng ngân vang
cảnh chim rừng, hoa núi:

“Xem sách, chim rừng vào cửa đậu,
Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi.
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa,
Nhớ cụ thơ xuân tặng một bài”².

Năm 1948

Theo Thủ tướng Phạm Văn Đồng: Bác rất giản dị, chân thành. Trước đây, Người đi bộ một ngày 50 cây số là chuyện thường và có thể đi như thế ngày này qua ngày khác. Bác luôn mang cái máy chũ “Hét-mét” bên cạnh suốt từ năm 1938 đến khi về Hà Nội. Trong thời gian ở thượng du Bắc Bộ, vào những ngày trước khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, Người luôn nắm một hòn đá tròn bầu dục trong tay, cốt để luyện gân tay và hoạt động cơ thể. Hễ có tin địch, phải chạy “cảnh báo”, thì bất kỳ ngày đêm, chỉ mấy phút sau, Người đã sẵn sàng trước anh em, tay xách

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 467, 663.*



máy chữ. Lúc đến Pháp, đại biểu kiều bào đến thăm, khách đông, phòng khách không đủ ghế ngồi, Bác ngồi xuống sàn và mời mọi người ngồi thế nói chuyện, giản dị mà ân cần, thân mật một cách thanh tao, cao quý. Bác thường nói: người cách mạng là người rất giàu tình cảm, và vì giàu tình cảm nên làm cách mạng. Trong thời kỳ hoạt động cách mạng bí mật, phút mặc niệm các chiến sĩ cách mạng là lúc Bác rời nước mắt. Tại Quốc hội, Bác vừa khóc vừa ôm hôn anh Nguyễn Văn Tạo sau khi anh đọc bài diễn văn thống thiết về Nam Bộ. Lòng thương yêu mến mông của Bác đã làm xúc động đến tâm can mọi người. Bác sống giản dị, từ bữa cơm, đồ dùng, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hạt cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. “Đời sống vật chất giản dị càng hòa hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất. Đó là đời sống thật sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay”¹.

Nói chuyện với đại biểu Nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 30/5/1957, Bác nói rõ là: “Nói đến tiết kiệm thì mình đừng có nghĩ đến cá nhân mình nhiều quá, mà phải nghĩ đến đồng bào nữa... Nếu mình nghĩ đến đồng bào thì nhất định tiết kiệm được”². Rồi Bác ví dụ cụ thể:

1. Bác Hồ sống mài với chúng ta (*Hồi ký*), Sđd, t. 1, tr. 137.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 570.



“Chắc lúc tôi mới vào có bà con xì xào tôi đi dép cao su. Đôi dép cao su này là bạn quen của tôi từ kháng chiến đến giờ. Mười mấy năm rồi. Thế là tôi đã tiết kiệm được. Ví dụ: Như cái áo này là từ trước kháng chiến, nhưng mà khéo giữ, bây giờ nó thành cái “lon” Chủ tịch rồi...

Anh em trí thức ta đã biết câu: “Vạn ban gai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao”, nghĩa là cái gì trong xã hội cũng thấp hết, chỉ có người đọc sách, tức là người trí thức là cao hơn hết. Như thế là không đúng. Quan niệm ấy đã cũ kỹ rồi... Chính cách mạng, chính chủ nghĩa xã hội mới biết quý trọng trí thức. Nhưng lao động trí óc và lao động chân tay phải hợp với nhau... Như thế là một người hoàn toàn. Gọi là lao động thì họ là người lao động hoàn toàn, gọi là trí thức thì họ là trí thức hoàn toàn”¹.

Tiếp đó, khi nói về dân chủ, Người khẳng định: “Bây giờ chúng ta là dân chủ. Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thủ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đày tö. Làm đày tö cho Nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”².

Năm 1958, Bác đi thăm Ấn Độ và Miến Điện³. Bác đem từ Hà Nội sang một vòng hoa và một cây đại đế đặt và trồng ở nơi kỷ niệm cụ thân sinh ra Thủ tướng Nêru mà Người đã gặp ở thủ đô nước Bỉ năm 1927 trong Hội nghị quốc tế chống chủ nghĩa thực dân. Một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi cách đây đã lâu năm mà Người còn nhớ.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 570-571, 572.

3. Tức Mianma (BT).



Trong cuộc đón tiếp Bác ở thủ đô Niu Đêli có một chuyện rất thú vị: Trên đài Chủ tịch, ở giữa hàng đầu có một cái ghế sơn son thếp vàng, bọc nhung đỏ, giống như một ngai vàng. Mặc dù ông Thị trưởng và Thủ tướng Nêru cố mời Bác ngồi “ngai” ấy, nhưng Bác nhất định từ chối. Thái độ khiêm tốn của Bác được quần chúng nhiệt liệt tán thành, họ đứng cả dậy vỗ tay hoan hô. Cuối cùng phải thay một cái ghế khác, Bác mới ngồi. Sau đó, các báo đã viết: Hồ Chủ tịch đã xóa bỏ một hình thức lề tân bằng một cử chỉ rất dân chủ.

Trong buổi biểu diễn của 3.000 em học sinh để hoan nghênh Bác và cả đoàn, cùng đi có Thủ tướng Nêru, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và nhiều nhân sĩ khác, các em diễu qua đài Chủ tịch, vừa đi vừa hát, múa dân gian, biểu diễn thể thao, hoan hô Bác ba lần, hát quốc ca Việt Nam và Ấn Độ. Trong đoàn các bé gái dâng hoa, có một em mù hai mắt được Bác ẵm lên. Em bé sờ râu sờ má Bác, rồi ôm chặt lấy Bác một cách rất âu yếm. Mọi người trông thấy đều cảm động. Sau cuộc biểu diễn, Bác thân mật dặn dò các em: “Mai sau các cháu sẽ thành những đội quân hùng mạnh để xây dựng Tổ quốc, bảo vệ hòa bình... Đối với các cháu, bác là Bác Hồ, chứ không phải là Cụ Chủ tịch...”¹. Các em vỗ tay, hoan hô “Bác Hồ! Bác Hồ!”. Một em chạy lên biểu Bác hai cái kẹo.

Sau đó Bác và cả đoàn đi thăm Tháp Qut-Minar. Tháp xây dựng từ năm 1199, cao 76 thước tây, có năm tầng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 312.



Từ nền tháp đến chóp có 379 bậc thang đá. Đứng trên đỉnh tháp trông thấy toàn bộ phong cảnh thủ đô Niu Đêli. Ngay sau cuộc viếng thăm, cả thủ đô Niu Đêli đồn rằng, Bác thật là anh hùng. Vì xưa nay các quý khách đến xem, chỉ đứng dưới sân nhìn lên, không ai trèo đến đỉnh tháp, nay Bác đã lên đến tầng cao nhất - cho nên Bác là anh hùng!

Bác và Đoàn còn đến thăm Hội Mahabodi, thành lập từ năm 1891 để truyền bá đạo Phật khắp thế giới. Hội đã tặng Bác một số sách Phật và có lời chào mừng đại ý: “Như một vị ẩn sĩ chân chính, Chủ tịch đã hy sinh suốt đời cho nhân dân và Tổ quốc Ngài; Chủ tịch đã từ bỏ những hào nhoáng lộng lẫy của địa vị Chủ tịch một nước... Chủ tịch thật là một người kiêm cả công, nông, trí thức cách mạng với một lòng đầy từ bi là đạo đức quý nhất của những tín đồ Phật giáo”¹.

Hôm Bác và Đoàn trở về, Bác ngồi trên xe mui trần cùng cô Thủ hiến và Thủ tướng Roy. Nhân dân Cancutta đứng chật hai bên đường, trên các tầng lầu, các mái hiên, các nóc nhà. Họ nhiệt liệt vỗ tay và hoan hô. Bác thường phải đứng dậy trên xe để chào lại bà con Ấn Độ. Một người bạn Ấn Độ bảo rằng: “Ít ra cũng có một triệu người”. Đến sân bay, chào quốc ca hai nước, Bác đi duyệt đội danh dự, thân mật bắt tay các quan khách và các nhân viên Ấn Độ đã đi với Bác trong mười hôm vừa qua, vẫy tay chào quần chúng, rồi bước lên máy bay giữa tiếng vỗ tay lẫn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 341.



tiếng dội vang trời của 21 phát đại bác. Một phi công Ấn Độ cứ tắc lưỡi khen ngợi: “Một cuộc hoan tống thật là vĩ đại! Vĩ đại!”¹.

Năm 1959, trong chuyến thăm Indônêxia, Bác đến thăm Hoàng thân Jogjakarta. Khi đoàn xe dừng trước cổng Phủ, Hoàng thân đã cùng quan chức thành phố ra đón. Sân Phủ đầy ắp sinh viên, học sinh tung cờ hai nước hô vang: “Bác Hồ muôn năm!” Trong không khí tưng bừng ấy, Bác đã ôm hôn ông Hoàng Jogjakarta và nói bằng tiếng Anh: “Tôi là một người cộng sản, Ngài là một vị Hoàng thân. Tôi tặng Ngài một cái hôn. Đó là tình hữu nghị, đó là chung sống hòa bình”. Ông Hoàng cảm động ôm hôn Bác thắm thiết. Người sĩ quan Indônêxia bảo vệ Bác, dịch ra tiếng địa phương. Cả đám đông lại hô vang: “Hidup Paman Hồ!”².

Nói về sự giản dị và khiêm tốn của Bác, Giáo sư Trần Văn Giàu khẳng định: “Giản dị là tính tự nhiên của Cụ Hồ”. Người giản dị thì có nhiều, nhưng rất ít người đã đạt tới thành công to lớn nhất, đạt tới đỉnh cao của sự vinh quang mà tính giản dị vẫn tự nhiên không thay đổi. Đó là bản tính của Bác trong suốt 79 tuổi đời, nhằm mục đích giáo hóa và làm gương.

“Vinh quang đến tột đỉnh, nhưng con người Cụ cũng vẫn như trước kia, nghĩa là vẫn ghét xa hoa hào nhoáng, vẫn giản dị về ăn mặc, sinh hoạt. Khi Cụ để cho các em

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 11, tr. 345.

2. Bác Hồ sống mãi với chúng ta (*Hồi ký*), Sđd, t. 2, tr. 804.



học sinh vượt râu mìn, lúc Cụ đến thăm trường hoặc khi Cụ đi đôi dép cao su, thì đều không có chút gì là mị dân hoặc giả tạo cả”.

“Cụ Hồ xem khinh mọi vinh hoa và quyền cao chức trọng”... Khi có một số người, càng lên cao càng bị tha hóa, Cụ Hồ càng lên cao, càng tỏ ra giản dị và trong sạch, tôn kính người già, yêu mến thiếu nhi, coi thường tiền bạc, giàu sang. Đó là những giá trị Việt Nam vĩnh cửu. Cụ Hồ cương quyết không tìm cái vẻ bề ngoài lộng lẫy của quyền uy. Cụ tự tin và tin chắc vào dân tộc và lịch sử. Cụ chẳng cần đến tượng đài. Cụ không muốn người ta sùng bái mình.

Chủ tịch Ajjendé của nước Chilê nhận xét:

“Cuộc đời gương mẫu và nếp sống giản dị của Hồ Chủ tịch đã khắc sâu vào tâm trí chúng tôi. Không có vẻ kiêu kỳ, không có gì ngạo mạn trong lời nói, mà chỉ thấy lòng tin mãnh liệt vào nhân dân. Không bao giờ chúng tôi thấy sự giản dị và sự vĩ đại đi liền với nhau như vậy”.

Báo Quốc gia (Ấn Độ) phác họa:

“Sau vẻ dịu hiền của Người là ý chí sắt thép; dưới bề ngoài giản dị là một tinh thần quật cường, anh hùng, không có gì uy hiếp nổi”.

Các anh em phục vụ kể lại đến ngày chót, bữa ăn sáng của Bác đơn giản. Hôm thì miếng bánh mì với ít mứt, hôm thì bát cháo hoa với đường. Bữa ăn rất thanh đạm. Bác thích ăn cá kho với lá gừng. Thi thoảng các địa phương biếu Bác tương Nam Đàm, mắm Đồng Hới.



Về Hà Nội sau chiến thắng Điện Biên Phủ, dinh thự to đep, tiện nghi, Cụ không ở, để tiếp khách. Cụ ở một căn phòng cũ, hồi thời Pháp, là chỗ ở của một thợ điện. Sau Cụ bảo cất cho Cụ một cái nhà sàn nhỏ bằng gỗ, có lẽ phần nào cũng để nhớ Việt Bắc¹.

Về đường lối quần chúng, Bác căn dặn: "... cán bộ phải thực hiện "bốn cùng", tức là: cùng ăn, cùng ở, cùng lao động, cùng bàn bạc công việc với quần chúng trong hợp tác xã. Đó là cái "cẩm nang" để vượt qua mọi khó khăn và hoàn thành mọi kế hoạch"². Về nói với quần chúng thì nên: "Nói ít mà ý nghĩa nhiều, hơn là nói nhiều mà ý nghĩa ít"³. Bác nhấn mạnh là: "Để giành lấy thắng lợi, chúng ta phải nắm vững chính sách của Đảng, đi đúng đường lối quần chúng, phải dựa vào lực lượng của quần chúng, phải lắng nghe ý kiến của quần chúng, phải thật sự mở rộng dân chủ. Nếu quần chúng nói mười điều mà chỉ có một vài điều xây dựng, như thế vẫn là quý báu và bổ ích... biết học hỏi quần chúng... để đưa công việc ngày càng tiến bộ chứ không phải ở chỗ giấu giếm khuyết điểm và e sợ quần chúng phê bình"⁴.

Khi về Hà Nội, Bác vẫn giữ nếp sinh hoạt hằng ngày như hồi ở chiến khu Việt Bắc. Bác ở đâu là nơi ấy gọn gàng, sạch sẽ. Người nhắc anh em phục vụ phải chăn nuôi,

1. Xem GS. Trần Văn Giàu: *Hồ Chí Minh - Vĩ đại một con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr. 69-72.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 703.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 13, tr. 298, 421.



trồng rau để cải thiện đời sống và bao giờ Bác cũng tự làm trước. Bác ít dùng quạt bàn. Người ưa dùng chiếc quạt bằng lá cọ. Mùa hè, thấy Bác làm việc có lấm tấm mồ hôi trên trán, anh em phục vụ xin phép được thay nhau quạt cho Bác, nhưng Bác bảo: “Bác tự làm được, các chú cứ để mặc Bác”. Việc gì có thể làm được, Bác đều tự làm lấy, Bác không muốn làm phiền mọi người. Anh em phục vụ chứng kiến một điều đặc biệt là: Dù trời đông giá rét hay ngày hè nóng nực, không bao giờ thấy Bác kêu nóng hay rét quá.

Khi sử dụng đồ dùng, Bác luôn bảo quản cẩn thận và hết sức tiết kiệm, vì Người rất trân trọng mồ hôi, công sức của nhân dân. Chiếc xe Pôbêđa của Bác đã cũ, Văn phòng Trung ương xin phép được đổi cho Bác xe khác mới và tốt hơn. Bác hỏi đồng chí lái xe “Xe của Bác đã hỏng chưa?”. Đồng chí lái xe thành thật: Thưa Bác xe chưa hỏng, nhưng chúng cháu muốn đổi xe mới để Bác đi nhanh và êm hơn”. Bác cười bảo: “Thế thì chưa đổi...”. Suốt thời gian 15 năm từ ngày về Hà Nội, Bác nhận một ô tô loại trung bình chứ không phải loại sang nhất và Bác dùng chiếc xe ấy cho đến ngày Người đi xa¹.

Có một lần, vào dịp sinh nhật Bác, từ sáng sớm, đồng chí thư ký Vũ Kỷ và đồng chí Cẩn - người nấu ăn cho Bác - cùng các con mình mang hoa để chúc thọ Bác. Các cháu đến, Bác rất vui, nhưng vì đang làm dở công việc, Bác bảo đồng chí thư ký đưa các cháu xuống nhà lấy

1. Xem *Bác Hồ sống mãi với chúng ta (Hồi ký)*, Sđd, t. 2, tr. 568-570.



nước và kẹo bánh mời các cháu, khi làm việc xong Bác sẽ xuống gặp và vui với các cháu. Đồng chí thư ký dẫn các “vị khách tí hon” xuống nhà nhưng vì đây là các con mình nên không mời các cháu vào phòng mà để các cháu chơi tha thẩn ngoài vườn.

Một lúc sau, Bác xuống nhà nhìn thấy thế, Bác tỏ ý không bằng lòng và hỏi đồng chí thư ký: “Sao chú không lấy bánh kẹo, rót nước mời các cháu?”. Đồng chí thư ký đáp: “Thưa Bác, đây là con cháu trong nhà nên xin Bác cứ để các cháu chơi ở sân không cần phải tiếp bánh kẹo gì Bác ạ”. Biết đồng chí thư ký nghĩ chưa đúng, Bác ôn tồn nói có ý phê bình: “Các cháu là con của các chú, nhưng là khách của Bác. Bác đang bận, thì chú phải tiếp giúp Bác”.

Lời Bác nhẹ nhàng nhưng thật thấm thía. Hiểu được khuyết điểm của mình là chưa làm đúng ý Bác, đồng chí thư ký liền mời các “vị khách tí hon” vào phòng, lấy bánh kẹo và pha nước tiếp các cháu như những vị khách người lớn đến gặp Bác.

Được sống và làm việc gần Bác, các đồng chí phục vụ càng thấy rõ Bác luôn chu đáo với mọi người, từ em bé đến cụ già. Đặc biệt là với các cháu thiếu nhi, Bác không những yêu thương, quý mến mà còn rất tôn trọng. Ở dưới nhà sàn, Bác cho làm thêm những bệ xi măng trên có lát ván như những chiếc ghế để khi các cháu vào gặp Bác có chỗ ngồi. Bác còn đặt bể cá vàng cạnh nhà để tiếp các “vị khách tí hon”¹.

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 460-461.



Đồng chí Vũ Kỳ còn kể lại rằng: Ngày 19/5/1948, ở núi rừng Việt Bắc. Hôm đó, tôi có mời một số đồng chí về ăn cơm với Bác, nhưng có lẽ vì bận công việc đột xuất nên không ai đến được. Nghĩ sinh nhật Bác mà để Bác phải ngồi ăn cơm một mình, tôi đánh bạo thưa với Bác: “Thưa Bác, hôm nay cho phép cháu được ăn cơm với Bác”. Bác nhẹo mắt hiền từ nhìn tôi, rồi tủm tỉm cười: “Chú tự mời thì chú cứ đến”.

Trong bữa cơm hôm đó, tôi có tâm sự với Bác một số vấn đề về đoàn kết nội bộ của anh em phục vụ. Tôi thưa với Bác: “Cháu làm việc với Bác đã lâu, nhưng chưa một lần nào cháu thấy Bác nặng lời với cháu. Thế mà chỉ mấy anh em, thỉnh thoảng chúng cháu lại cứ cát gắt nhau...”. Bác vừa ăn nghe tôi nói, rồi ôn tồn bảo: “Chú làm việc với Bác lâu, thì Bác làm việc với cháu cũng lâu như, thế mà Bác có thấy bao giờ cháu cát gắt với Bác đâu!”.

Tôi đang ngỡ ngàng về cách đặt vấn đề của Bác, thì Bác lại hiền từ nói tiếp: “Hai bác cháu ta có gì khó khăn thì bàn bạc với nhau, cùng giải quyết, việc gì mà phải nặng lời, việc gì mà phải cát gắt. Đó chính là do Bác tôn trọng cháu, cháu tôn trọng Bác. Vì vậy, cháu cứ tự nghĩ xem, trong quan hệ công tác các cháu đã thật sự tôn trọng nhau chưa? Theo Bác, sở dĩ các cháu hay cát gắt với nhau cái chính là do các cháu chưa tôn trọng nhau đúng mức”.

Suy ngẫm về những lời dạy của Bác, tôi càng thấm thía. Nếu quả đúng là cá tính thì tại sao chỉ nóng với cấp dưới chứ không bao giờ dám nóng với cấp trên?¹.

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 531-532.



Tại kỳ họp thứ sáu Quốc hội khóa II, ngày 08/5/1963, đúng vào dịp chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 73 ngày sinh của Bác kính yêu, các đại biểu đã nhất trí đề nghị Quốc hội trao tặng Bác Hồ Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của nước ta. Biết tin này, Người đã cảm ơn Quốc hội và khiêm nhường nói rằng:

“Tôi vừa nhận được một tin tức làm cho tôi rất cảm động và sung sướng. Đó là tin Quốc hội có ý định tặng cho tôi Huân chương Sao Vàng, Huân chương cao quý nhất của nước ta. Tôi xin tỏ lòng biết ơn Quốc hội.

Nhưng tôi xin Quốc hội cho phép tôi chưa nhận Huân chương ấy. Vì sao? Vì Huân chương là để tặng thưởng người có công huân; nhưng tôi tự xét chưa có công huân xứng đáng với sự tặng thưởng cao quý của Quốc hội”¹.

Tiếp đó, Bác nói đến đồng bào miền Nam đang sống khổ cực dưới chế độ dã man của đế quốc Mỹ và tay sai, đang kiên quyết đấu tranh để giành thắng lợi.

“Gần 20 năm trường, hết đấu tranh chống thực dân Pháp, lại đấu tranh chống Mỹ - Diệm, đồng bào miền Nam thật là những người con anh hùng của dân tộc anh hùng Việt Nam. Miền Nam thật là xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng của Tổ quốc” và xứng đáng được tặng Huân chương cao quý nhất.

Vì những lẽ đó, tôi xin Quốc hội đồng ý thế này:

Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 14, tr. 79.



Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng”¹.

Năm 1967, Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô quyết định tặng Bác Huân chương Lê nin - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Xôviết. Bác đã có điện gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 06/11/1967:

“Được tin các đồng chí quyết định tặng tôi Huân chương Lê nin, tôi vô cùng cảm động và vô cùng cảm ơn các đồng chí. Tôi xin trình bày ý kiến sau đây:

Lúc này, giặc Mỹ đang đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Tổ quốc Việt Nam chúng tôi... Toàn quân và toàn dân Việt Nam chúng tôi đang phải hy sinh xương máu để đánh Mỹ, cứu nước.

Trong lúc đó, riêng tôi lại được hưởng vinh dự đặc biệt to lớn và nhận Huân chương Lê nin thì lòng tôi không yên chút nào. Vì lẽ đó, tôi vô cùng cảm ơn các đồng chí, nhưng xin các đồng chí hãy tạm hoãn việc trao tặng phần thưởng cực kỳ cao quý ấy. Đến ngày Nhân dân chúng tôi đánh đuổi được bọn đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn đất nước Việt Nam, tôi sẽ đại biểu cho toàn thể đồng bào tôi, trân trọng và vui mừng lanh lẩy Huân chương mang tên Lê nin vĩ đại.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 14, tr. 80.



Kính gửi các đồng chí lời chào cộng sản”¹.

Cho đến ngày Bác đi xa, trên ngực Người vẫn không có những tấm huân chương cao quý đó.

Vào những năm cuối đời, sức khỏe của Bác giảm sút, nhưng Bác không bỏ thói quen sinh hoạt đã thực hiện nhiều năm. Hằng ngày, cứ đúng giờ quy định, Bác rời nhà sàn sang nhà ăn phía bên kia hồ khoảng 100m để ăn cơm. Ăn xong Người lại đi bộ trở về nhà sàn. Có hôm mưa to, gió lớn, đường nước đổ xuống hồ chảy xiết, Bác xắn quần, cầm ô, sang nhà ăn như thường lệ. Anh em phục vụ thương Bác vô cùng, xin phép Bác được mang cơm sang nhà sàn để Bác khỏi đi lại vất vả. Bác hỏi đồng chí phục vụ:

- Thế mang cơm sang cho Bác cần mấy chú?
- Dạ, thưa Bác, một đồng chí bê cơm, một đồng chí bê thức ăn và hai đồng chí đi kèm che mưa.
- Thế chú muốn một mình Bác vất vả hay muốn để nhiều người vất vả vì một mình Bác?

Bác nói nhẹ nhàng nhưng cương quyết. Ngày ba lần, Bác vẫn tự xuống nhà ăn như thường lệ. Bác bảo đi ăn cơm cũng là tập luyện. Bác không muốn làm phiền ai một việc gì, dù nhỏ, khi tự mình vẫn có thể làm láy².

Bác còn luôn dành tình cảm, sự quan tâm tới các đồng chí làm nhiệm vụ ở xa và các cán bộ miền Nam ra Bắc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 400-401.

2. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện, Sđd*, tr. 475, 528.



Chỉ riêng trong những ngày cuối năm 1967, Bác đã mời cõm nhiều đồng chí như:

“Chiều ngày 29/12/1967, Bác Hồ mời bác Tôn đến cùng ăn cõm. Ngắm hai cụ già thân thiết dì bên nhau, thanh thản, ung dung, nói cười vui vẻ, ta cảm thấy cuộc đời đẹp biết bao, tưởng như đất nước thanh bình”¹.

“Hợp Hội đồng Chính phủ về, Bác vui vẻ mời cõm chị Cúc, vợ đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, và hai cháu. Anh Thanh vừa mất đột ngột cách đó 5 tháng, Bác thương tiếc vô hạn và muốn dành tình cảm thân thiết yêu thương để an ủi gia đình.

“Ngày chủ nhật 31/12/1967... Bữa cõm chiều nay Bác lại cho mời khách đặc biệt: ba phụ nữ miền Nam Thành đồng Tổ quốc. Chị Hai Hùng, vợ đồng chí Phạm Hùng; chị Mười Cúc, vợ chồng chí Nguyễn Văn Linh; chị Mười (Đồng Tháp). Tâm lòng của Bác đối với cả miền Nam là như thế. Đồng chí Phạm Hùng, đồng chí Nguyễn Văn Linh đang ở chiến trường xa nhận được tin này chắc hẳn càng nhớ Bác rất nhiều”².

Sinh thời, Bác thích nghe hát. Những năm bôn ba qua các nước, Người vẫn nhớ: “Phụ nữ Ý hát rất hay. Tiếng hát trong như tiếng chuông”. Những đêm khuya chưa ngủ ở núi rừng Việt Bắc, Bác vẫn nghe: “Tiếng suối trong như tiếng hát xa”. Đến những ngày chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, khi nghe những lời hát: ‘Bé bé bồng

1, 2. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 100, 101-102.



bông, hai má hồng hồng, em đi sơ tán, bế em đi cùng... mai về phố đông..." từ một giọng hát ngây thơ của một em bé, Bác vui và mỉm cười.

Đồng chí Vũ Kỳ kể lại, khi làm việc với Bác, tôi thấy Bác vừa nghe báo cáo, vừa để dài nghe suốt. Người rất thích thú khi nghe các cháu bé ca hát. Đang làm việc, có tiếng hát của cháu bé, Bác ra hiệu dừng lại, cùng lắng nghe, rồi Bác hỏi: "Chú thử đoán xem cháu bé này bao nhiêu tuổi?". Tôi nói: "Thưa Bác, năm tuổi". Theo Bác, thì ít hơn. Khi hỏi lại các đồng chí bên Đài phát thanh, tôi thấy Bác thường đoán đúng hơn. Có gì khó đâu, vì Bác đã nghe nhiều, nghe rất chăm chú. Chắc là vừa nghe Bác vừa tưởng tượng ra cô bé hoặc chú bé xíu đó.

Tôi vẫn chưa hiểu vì sao đang làm việc Bác vẫn để dài. Có lần tôi hỏi có nên tắt đài đi không, Bác trầm ngâm nói: "Cứ để đấy chú ạ. Để nghe cho có tiếng người. Chú ở nhà, dù con khóc hoặc vợ nói dối, có khi nặng lời, nhưng đều là tình cảm gia đình...".

Chị Mađôben Riphô, nhà báo Pháp đã từng sang Việt Nam nhiều lần và cũng nhiều lần được may mắn gặp Bác. Chị kể, có lần Bác nói với tôi rằng: "Con gái ạ, nếu con muốn làm Bác vui lòng thì hôm nào đấy hãy gửi cho Bác những đĩa hát mà ngày xưa Môritxơ Sôvaliê thường hát hồi Bác ở Pari, lúc con còn chưa ra đời ấy".

Tôi đã tìm kiếm được những đĩa hát ấy và gửi món quà của mình tới Bác. Thế là vừa rồi, hai ngày sau khi Bác qua đời, tôi nhận được bức thư viết từ ba tuần trước



của phóng viên báo chúng tôi tại Hà Nội: “Bác Hồ đã nhận được số đĩa hát. Người nghe các đĩa ấy một cách thích thú. Người rất hài lòng”. Thật khó mà diễn tả được nỗi xúc động của tôi khi biết Bác Hồ đã vui lòng đến thế nào khi nhận được món quà nhỏ gửi từ nước Pháp xa xôi¹.

Những ngày trên giường bệnh, nhớ miền Nam, Bác muốn nghe một câu hò Huế; nhớ làng Sen, Bác muốn nghe một câu ví dặm quê nhà. Cô y tá Nguyễn Thị Oanh đã hát cho Bác nghe bài quan họ “Người ơi người ở đừng về...”. Bác rất xúc động, tặng cô một bông hoa... Nhạc sĩ Trần Hoàn đã kể lại câu chuyện đó bằng giai điệu và lời ca cảm động trong bài hát “Lời Bác dặn trước lúc đi xa”.

Bác Hồ của chúng ta có lòng tin vô hạn vào khả năng cách mạng to lớn, lòng dũng cảm và tài năng sáng tạo của quần chúng nhân dân. Dân ta có lòng nồng nàn yêu nước, đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Do vậy mà Người thực hành dân chủ, tự mình nêu gương, sống thanh cao, giản dị và lạc quan để thực hiện bài học vĩ đại - “Trường xuân bất lão” của Mặt trận Tổ quốc:

*“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,
Thành công, thành công, đại thành công”*

Đoàn kết trong Đảng, đoàn kết cả dân tộc, đoàn kết với Nhân dân thế giới. Từ việc làm, lời nói, đến cách ăn, ở phải thế nào để được dân tin, dân phục, dân yêu. Có như vậy mới đánh thắng giặc ngoại xâm và xây dựng một xã hội mới tốt đẹp.

1. Xem Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Sđd, tr. 468-469.



VI. PHONG CÁCH KIÊN TRÌ VÀ NHÃN NẠI, VƯỢT QUA MỌI GIAN KHỔ, HY SINH, SỐNG Ở ĐÂU CŨNG ĐƯỢC NHIỀU NGƯỜI YÊU QUÝ, GIÚP ĐỠ VÀ LÀM THEO

Phong cách này là kết quả tổng hợp của 5 phong cách nói trên và cũng là điều cuối cùng của 12 điều về người cách mạng mẫu mực cần phải có. Vì “sự nghiệp cách mạng là lâu dài, khó khăn và nguy hiểm. Nếu người cách mạng thiếu kiên trì và nhẫn nại, thì những khó khăn sẽ làm anh ta thối chí và sẽ đào ngũ giữa trận chiến”¹.

Nhà thơ Tố Hữu cũng đã viết:

*Đời cách mạng, từ khi tôi đã hiểu
Dấn thân vô là phải chịu tù dày
Là gươm kề cận cổ, súng kề tai
Là thân sống chỉ coi còn một nửa...*

Ngay từ khi mới 11 tuổi, cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã phải mồ côi mẹ trong hoàn cảnh rất đau thương. Do cuộc sống thiếu thốn, thường hay bị ốm đau, trưa 10/02/1901 (tức ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý),

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 514-515.

2. *Thơ Tố Hữu*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 2005, tr. 108.



bà Hoàng Thị Loan đột ngột qua đời khi vừa bước sang tuổi 33. Lúc đó ông Sắc được cử đi coi thi hương ở Thanh Hóa, ông đưa cậu Khiêm cùng đi, chỉ có cậu Cung ở nhà với mẹ cùng đứa em trai mới sinh. Ở khu thành nội Huế cấm người nhà khóc khi tang ma, vì gần cung vua. Bà con lảng giềng đã đưa thi hài bà Loan ra khỏi thành nội, qua sông Hương, an táng tại chân núi Ngự Bình. Cậu bé Nguyễn Sinh Cung phải bế đứa em út đi xin sữa bú chực, nên bà con thường gọi là bé Xin. Nhờ sự giúp đỡ của bà con hàng xóm trong thành nội, hai anh em mô côi đón tết Tân Sửu trong nỗi đau buồn và cô đơn vô hạn.

Nhớ hôm trở về làng Chùa, Nguyễn Sinh Cung kể lại cho bà ngoại nghe chuyện bà con, bạn bè giúp đỡ lúc mẹ mất, cha chưa về, ngày tết đã đến, cả hai bà cháu cùng khóc. Rồi bà căn dặn cháu phải ghi nhớ “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Nhiều khi mình không có dịp đến đáp công ơn người đã giúp đỡ mình mà lại giúp đỡ người khác lúc hoạn nạn thì cũng là cách nhớ ơn, đèn nghĩa rồi!

Khi ông Sắc làm quan, có người cháu Nguyễn Sinh Lý gọi ông là chú ruột muốn nhờ ông giúp đỡ, ông viết thư trả lời:

*Nhân sinh nhược đại mộng
Thế sự như phù vân
Uy thế bất túc thị
Xảo hiểm đồ tự hại
Giỏi chi! Giỏi chi!*



Nghĩa là:

*Đời người như giấc mộng lớn
Việc đời tựa đám mây trôi
Uy thế không đủ để tựa
Xảo hiềm là tự hại mình
Răn đây! Răn đây!*¹

Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành luôn ghi nhớ trong suốt cả cuộc đời những lời căn dặn của bà ngoại và người cha từ lúc tuổi thơ ấy.

Khi quyết định rời Tổ quốc đi tìm đường cứu nước, trên con tàu Đô đốc Latouche - Tréville, Nguyễn Tất Thành - lúc đó lấy tên là anh Ba - làm nghề phụ bếp. Được ông Mai giúp đỡ xin việc nên anh Ba rất thân với ông Mai. Cũng vì anh rất dễ yêu, can đảm và nhẫn nại nên việc gì làm được ông Mai đều cố làm để giúp đỡ anh, vả lại anh chưa biết làm gì cả. Có lần thấy anh Ba gọt măng tây tro trui, ông hối hả quẳng xuống biển tất cả số măng đã gọt và bày cho anh cách làm thế nào, nhờ thế không xảy ra việc gì. Anh Ba chỉ làm phụ bếp, nhưng vì có hiểu biết, anh đã giúp những người bạn mù chữ viết thư về gia đình và anh không bao giờ nói tục, nên được tất cả mọi người yêu mến.

Có lần, anh Ba suýt chết đuối. Biển nổi sóng, làn sóng to như quả núi chồm lên đổ xuống. Hầu hết mọi người say sóng. Một ngọn sóng lớn bất thình lình phủ lên

1. Xem *Bác Hồ với thiếu niên*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr. 69.



sàn tàu, cuốn xuồng biển mọi vật trên sàn. Anh Ba bị đẩy vào giữa cột buồm và dây xích, nhờ vậy mà thoát chết¹.

Ông Bốn - một người đầu bếp trên tàu - kể lại là một đồng hương của anh Ba, ông Bốn được anh giảng giải và khuyến khích học chữ quốc ngữ nên đã đọc được và viết được là nhờ anh Ba. Lúc còn trẻ, Ông Bốn đi vòng quanh thế giới, kiếm được rất nhiều tiền, nhưng không gửi một xu nhỏ về cho gia đình vì chạy theo một cô gái nhảy, có bao nhiêu nướng hết. Đi nhiều, nhưng không thấy gì, không học, hoàn toàn dốt đặc. Khi gặp anh Ba có lối thuyết phục rất giỏi. “Nhờ những lời khuyên bảo và sự giúp đỡ của anh, tôi trở nên một người khá... Anh Ba rất tốt với mọi người và không bao giờ cãi cọ với ai... Đến lúc trở về Lơ Havørø, nhớ lời khuyên của anh Ba, tôi không đến thăm cô gái nhảy nữa. Tôi còn đi một vài chuyến, dành được ít tiền thì tôi trở về nước, mở cửa hàng nhỏ và lấy vợ. Nghĩ đến tình bạn giữa chúng tôi, tôi đã đặt tên cho đứa con đầu lòng của tôi là Ba”².

Khoảng cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp. Anh là đại diện của Hội Lao động hải ngoại, phải náu mình trong một căn phòng cho thuê ở phố Saron vì lúc đó Đảng Xã hội Pháp chưa tìm được cho anh giấy tờ hợp pháp. Misen Decsiri, đảng viên Đảng Xã hội Italia đã thu xếp cho anh đến một nơi ở mới tại Quận 13, đó là nhà một người bạn Tuynid tên là Mőcta. Để bảo đảm

1, 2. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 18-20, 29-31.



an toàn, anh phải hạn chế đi lại, không được để hàng xóm phát hiện. Khi Môcta không có nhà, anh không được thắp đèn và đốt lửa. Buổi chiều, Môcta đi làm về và nấu bữa tối cho Tất Thành, để dành lại một phần cho ngày hôm sau, chăm sóc Tất Thành như một người anh em.

Trong năm 1918, Nguyễn Tất Thành đến đảo Rêuyniông (Réunion) thăm cựu hoàng đế Thành Thái đang bị an trí tại đây. Nguyễn Tất Thành đã để lại những ấn tượng tốt đẹp cho vua Thành Thái. Về sau này, năm 1947, vua Thành Thái đã nói: “Từ hồi ấy tôi đã thấy cụ Hồ Chí Minh là một nhà ái quốc nhiệt thành và sáng suốt”¹.

Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc vào Đảng Xã hội Pháp. “Khi được hỏi vì sao vào Đảng, Nguyễn Ái Quốc trả lời: “Chỉ vì đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bênh vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái”.

Vào Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc có dịp gần gũi và hoạt động với các nhà hoạt động chính trị và văn hóa nổi tiếng của Pháp như Mácxen Casanh (Marcel Cachin), Pôn Vayăng Cutuyriê (Paul Vaillant Couturier), Lêông Bولum (Léon Blum), Raymông Lophhevros (Raymond Lefèuvre), Giăng Lôngghê (Jean Longuet), Gaxtông Môngmútxô (Gaston Monmousseau),...”².

1, 2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 46, 47.



Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp làm cho bọn thực dân khó chịu, rất muốn đuổi hoặc bỏ tù ông. Nhưng chúng sợ xảy ra dư luận không tốt. “Ông Nguyễn quen biết hầu hết các nghị viên và luật sư Đảng Xã hội, họ sẵn sàng bênh vực ông Nguyễn. Vả lại ông Nguyễn không làm điều gì phạm pháp. Bảo vệ Tổ quốc, tố cáo những tội ác của thực dân, ở Pháp điều đó không phải là phạm tội, dù ở Đông Dương đó là một tội đáng tử hình”¹.

Tháng 6/1922, Nguyễn Ái Quốc đến gặp Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Anbe Xarô (Albert Sarraut) theo thư mời của ông ta. Trước thái độ và lời lẽ đe dọa của Anbe Xarô như: hiện nay y biết rõ có những kẻ ngông cuồng hoạt động ở Pháp, họ liên lạc với Nga, Quảng Đông và Việt Nam, âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống đối lại Nhà nước bảo hộ; y có quyền bắt giải Nguyễn Ái Quốc về Việt Nam, gán cho cái tội tuyên truyền cộng sản rồi đưa lên máy chém... Nguyễn Ái Quốc luôn giữ thái độ bình tĩnh, ung dung, không hề tỏ ra sợ sệt vì tin rằng mình là tượng trưng cho nhân dân Việt Nam đang bị đô hộ một cách tàn nhẫn, tin vào lực lượng chính nghĩa và tình cảm của giai cấp công nhân Pháp, nhất là công nhân Pari. Trước khi về, Nguyễn Ái Quốc nói với Anbe Xarô:

1. Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Sđd, tr. 66.



“Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập... Kính ngài ở lại, tôi xin phép về”.

Trên đường về, ngồi trong xe điện dưới hầm (Mêtôrô), Bác cười trong bụng: “Con cáo già thuộc địa đã đoán trúng ý định của mình!”¹.

Ông Nguyễn bị bọn thực dân thù ghét, rình mò, nói xấu, dọa dẫm. Ông bị hai tên mật thám ngày đêm theo dõi không rời một bước, nhưng ông luôn bình tĩnh, không nao núng, có khi còn chủ động làm cho kẻ theo dõi phải kêu lên: “Mất hút”. Viên mật thám Pháp chuyên theo dõi người Việt Nam tại Pháp là Ácnu trông thấy Nguyễn Ái Quốc với đôi mắt rực sáng đang hăng hái phát truyền đơn đã phải thốt lên lời dự cảm với đồng sự ở Bộ Thuộc địa: “Con người thanh niên mảnh khảnh và đầy sức sống này có thể sẽ là người đặt cây chũ thập cảo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương”².

Ở Pháp có hàng vạn Việt kiều sinh sống. Từ khi có bản yêu sách của Nhân dân An Nam, Việt kiều đã đồng tình ủng hộ và Nguyễn Ái Quốc với tư cách là Tổng thư ký của Hội những người An Nam yêu nước đã trở thành linh hồn của phong trào đó.

Nguyễn Ái Quốc đã nhận được thư của cụ Phan Châu Trinh đề ngày 18/02/1922 gửi từ Mâcxây. “Mở đầu bức

1. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr. 16.

2. Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2007, tr. 42.



thư nói lên nỗi đau của những người Việt Nam xa Tổ quốc: “Tôi với anh mấy năm ròng cùng sống nơi đất khách quê người, nhưng mà lòng bọn mình chẳng khi nào quên cái cảnh tượng bên nhà... hồn Tổ quốc nặng trĩu trên vai, xót vì quốc dân đồng bào đang rên xiết bởi cường quyền áp chế...”...

Nói lên tâm nguyện của những người Việt Nam yêu nước, cụ viết: “Một chủng tộc muốn như chủng tộc văn minh chỉ có tự lập tự cường”...

Bức thư khuyên Nguyễn Ái Quốc: “Có chí mưu lợi quyền cho quốc dân đồng bào, thì đừng có dùng cái lối nương náu ngoại bang để rung chuông gõ trống, mà phải trở về trong thôn dã, hô hào quốc dân đồng bào, đồng tâm hiệp lực đánh đổ cường quyền áp chế, át là thành công. Anh không nghe lời tôi nói, anh ở hoài bên này, cứ cái lối đó thì tài năng của anh khác gì công dã tràng”¹. Bởi thế cho nên phải trả về nước giác ngộ đồng bào.

Cuối thư cụ kết luận: “Anh Nguyễn, tôi tưởng tâm với anh đã rõ nguồn cơn. Bây giờ thân tôi tự chim lồng cá chậu. Vả lại cây già thì gió dễ lay, người già thì trí lẩn, cảnh tôi như hoa sấp tàn, hiềm vì quốc phá gia vong mà hơi tàn cũng phải gào cho hả dạ, may ra có tinh giác hôn mê. Còn anh như cây đương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông... Tôi cầu chúc

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 121-122.



anh thành công và hy vọng thấy mặt nhau ở quê hương xứ sở”¹.

Nguyễn Ái Quốc càng quen biết nhiều, càng được nhiều người yêu mến, giúp đỡ, bênh vực và bảo vệ. Anh đã gặp và làm quen với một số thanh niên Trung Quốc đang học ở Pari như: Tiêu Tam, Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Đặng Tiểu Bình, Triệu Thế Viêm, Thái Hòa Sâm,... Nguyễn Ái Quốc đã khuyên họ nên gia nhập Đảng Cộng sản Pháp và hứa sẽ làm người giới thiệu. Ý kiến đó đã được chấp nhận và “nhóm thanh niên Triệu Thế Viêm, Trần Diên Niên, Trần Kiều Niên, Vương Nhược Phi, Tiêu Tam đã được Nguyễn Ái Quốc giới thiệu kết nạp Đảng Cộng sản Pháp khoảng tháng 9, tháng 10/1922 và cùng sinh hoạt một chi bộ với Nguyễn Ái Quốc”².

Sau này, Thủ tướng Chu Ân Lai đã nói: “Hồ Chủ tịch là người dẫn đường, là anh cả của tôi”.

Tháng 6/1923, Đảng Cộng sản Pháp đã bí mật tổ chức cho Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản để phát biểu về vấn đề thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc đã mất một thời gian khá dài để chuẩn bị cho cuộc ra đi này: Tự học tiếng Đức, viết thư gửi lại các đồng chí hoạt động tại Pháp, giữ nền nếp sinh hoạt và nắm vững “quy luật hoạt động” của bọn mật thám theo dõi.

1, 2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 123, 142.



“Tôi 13/6, Nguyễn Ái Quốc ung dung lênh xe buýt đi tham gia một cuộc mít tinh ở ngoại ô Pari. Đô nửa giờ sau, Người lặng lẽ đi quanh về ga xe lửa. Một đồng chí tin cẩn đã chờ sẵn ở đó, trao cho Người một vé xe lửa hạng nhất (khách loại sang thường ít bị mật thám nghi ngờ) và một valy con. Sau này, nhắc lại cuộc ra đi ấy, Bác Hồ nói: “Bác cố trấn tĩnh, nhưng đến khi xe lửa qua khỏi biên giới Pháp - Đức, trong ngực mới hết pháp phồng”¹.

Trên đất Đức, Nguyễn Ái Quốc được cơ quan đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết Liên bang Nga tại Béclin cấp cho giấy đi đường mang tên Chen Vang, rồi được sở cảnh sát Béclin cấp giấy phép đi lại trên lãnh thổ Đức. Cuối tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc lên tàu từ cảng Hambuốc (Hambourg) đi Pêtôrôgrát (Petrograd).

Ngày 30/6, lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc đặt chân lên đất Nga. Trời rét, vị thuyền trưởng đưa cho anh bộ quần áo lông. Vì chưa có giấy tờ, một cán bộ Nga hỏi anh có biết ai hiện nay ở Nga không? Anh trả lời là biết đồng chí Mácxen Caxanh và đồng chí Pôn Vayăng Cutuyriê. Sau đó anh viết thư cho họ và chờ trả lời. Anh được sắp xếp nghỉ ở khách sạn và bắt đầu học tiếng Nga. Hai ngày sau, đồng chí Pôn đến tìm anh Nguyễn. Vốn là bạn thân nên vừa thấy nhau, hai người đã ôm lấy nhau thắm thiết. Đồng chí Pôn nói chính bác Caxanh bảo đến đây

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 178.



xem có đúng là Nguyễn Ái Quốc không và đưa anh đến Maxcova¹.

Sau hơn một năm sống trên đất Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện trang bị cho mình một vốn kiến thức lý luận tương đối hệ thống. Được chứng kiến tận mắt “chính sách kinh tế mới” của Lênin đi vào cuộc sống, Người càng củng cố thêm niềm tin vào con đường đã lựa chọn. Nguyễn Ái Quốc đã mạnh dạn đề xuất nhiều vấn đề sáng tạo về cách mạng thuộc địa. Sống ở trung tâm của phong trào cộng sản quốc tế, được làm việc với các nhà lãnh đạo lỗi lạc của các Đảng anh em, được tham dự các hội nghị quốc tế lớn, trình độ và vị thế của Nguyễn Ái Quốc đã được nâng lên một tầm cao mới. Người đã được chuẩn bị mọi mặt để lên đường về gần Tổ quốc.

Sau nhiều lần đàm 商, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã ra quyết định: “Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cần đi Quảng Châu. Chi phí do Ban Phương Đông chịu”². Quảng Châu là nơi có nhiều thanh niên Việt Nam yêu nước, phong trào cách mạng phát triển sôi động, đang là trung tâm của cách mạng Trung Quốc lúc đó và cũng là nơi tập trung rất đông mìn thám Pháp. Nguyễn Ái Quốc đã đến Quảng Châu ngày 11/11/1924, với bí danh là

1. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd*, tr. 75-77.

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 229.



Lý Thụy, làm phiên dịch trong văn phòng của Đoàn cố vấn Xôviết.

Tháng 6/1925, với kinh nghiệm của mình, lại nhận được sự giúp đỡ quý giá của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chính phủ của Tôn Trung Sơn và nhân dân Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên hoạt động khắp cả nước. Lần đầu tiên, tác phẩm *Đường cách mệnh* tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu được truyền bá cho thanh niên và bí mật lưu hành ở Việt Nam. Các đồng chí Trung Quốc cũng đã đến giảng bài tại các lớp huấn luyện cho các học viên từ Việt Nam sang như: Chu Ân Lai, Trương Thái Lôi, Trần Diên Niên, Bành Báي, Lý Phú Xuân,... Lần đầu tiên hàng trăm số báo *Thanh niên* được truyền bá rộng rãi, thật sự là vũ khí tư tưởng sắc bén của cách mạng Việt Nam. Đây thực sự là những chuẩn bị sáng tạo về tư tưởng, chính trị và tổ chức để dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 03/02/1930.

Ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã có những cuộc trao đổi thư từ với cụ Phan Bội Châu, lúc này đang ở Hàng Châu. Trong thư trả lời, cụ viết:

“Nhận được liên tiếp hai lá thư của cháu, Bác cảm thấy vừa buồn vừa mừng. Buồn là buồn cho thân Bác mà mừng là mừng cho đất nước ta...

Việc gây dựng lại giang sơn, ngoài cháu có ai để nhờ ủy thác gánh vác trách nhiệm thay mình. Có được niềm



an ủi lớn lao như thế, làm sao Bác không cảm thấy vui mừng được”¹.

Năm 1926, cụ Phan Châu Trinh đã mất tại quê hương xứ sở. Ở nước ngoài, trong bài viết “Phong trào cách mạng ở Đông Dương”, Nguyễn Ái Quốc đã viết:

“Cũng đúng vào dịp này, nhà chí sĩ Phan Châu Trinh, một người thuộc phái quốc gia khác, vừa qua đời. 30.000 người An Nam ở khắp xứ Nam Kỳ đã làm lễ an táng theo quốc lễ và khắp nước đã tổ chức lễ truy điệu nhà chí sĩ. Chỉ trong vài ba ngày, một cuộc lục quyên đã thu được 100.000 đồng. Tất cả học sinh, sinh viên đều để tang cụ”².

Ở trong nước, trước mộ cụ Phan Châu Trinh, cụ Huỳnh Thúc Kháng có lời điếu: “Thôi đất vàng một năm, giấc mộng nghìn thu, sự nghiệp anh hùng, ngày nay hết cuộc. Chúng tôi chỉ mong mai sau này những người kế chí tiên sinh, làm cho vang dân tộc Việt Nam ta. Thị linh hồn tiên sinh sẽ được yên ổn mà ngậm cười nơi chín suối vậy”.

Các thế hệ người Việt Nam yêu nước đã đoàn kết, ủng hộ giúp đỡ nhau, kế tiếp nhau, và đang hội tụ theo ngọn cờ cách mạng của Nguyễn Ái Quốc.

Ở Trung Quốc, sau cuộc đảo chính phản cách mạng, đã phá vỡ sự hợp tác Quốc - Cộng. Vào một đêm khuya đầu tháng 5/1927, Trương Văn Lĩnh - một thành viên

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 1, tr. 246.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 246.



của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, đã tốt nghiệp Trường Quân sự Hoàng Phố và đang làm việc trong cơ quan an ninh của Quốc dân Đảng - bí mật đến báo cho Nguyễn Ái Quốc tin khẩn cấp: “Chúng sắp bắt anh đấy! Tính thế nào, anh phải tính nhanh đi!”. Không chậm trễ, Nguyễn Ái Quốc đã rời khỏi Quảng Châu¹.

Ngày 10/10/1929, Nguyễn Ái Quốc bị Tòa án Vinh (Nghệ An) xử vắng mặt và khép vào tội tử hình. Thống sứ Trung Kỳ còn phán rằng: “Sẽ thi hành án ngay sau khi bắt được Nguyễn Ái Quốc”.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 10/1930 tại Hồng Công đã thông qua Luận cương cách mạng tư sản dân quyền, đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương và bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư. Hội nghị cũng thông qua Án nghị quyết “thủ tiêu Chánh cương, Sách lược và Điều lệ cũ của Đảng”. Vì các văn kiện ấy “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm” cùng với một số sai lầm về tổ chức, về chia địa chủ làm đại địa chủ, trung địa chủ và tiểu địa chủ...²

Nguyễn Ái Quốc không hoàn toàn bất ngờ, vì Người đã được biết các văn kiện của Hội nghị hợp nhất không được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Quốc tế Cộng sản chưa thấy được khát vọng cháy bỏng chống đế quốc ở các

1, 2. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 186, 221-223.



thuộc địa. Người cũng hiểu được thực chất đây là chỉ thị của Quốc tế Cộng sản mà Trần Phú và Nguyễn Ái Quốc đều phải chấp hành. Lúc đó quyền lực của Quốc tế Cộng sản là tuyệt đối, có thể công nhận hay giải tán một đảng cộng sản. Do vậy, thái độ của Người là lắng nghe mà không tranh cãi. Tuy có vị trí và uy tín lớn trong Hội nghị này, nhưng Người rất khiêm tốn, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của tập thể, có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm rất cao.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đã gửi báo cáo nhanh về Ban Phuong Đông Quốc tế Cộng sản, đưa Trần Phú lên Thượng Hải để trực tiếp báo cáo với Ban Phuong Đông, và tiến Trần Phú, Ban Thường vụ Trung ương về nước. Người ở lại Hồng Công, tiếp tục theo dõi và chỉ đạo cao trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ ở Việt Nam¹.

Vụ án Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công (từ ngày 06/6/1931 đến 22/01/1933) là vụ án nổi tiếng trong lịch sử tòa án Hồng Công thế kỷ XX. Với tinh thần lạc quan cách mạng và dũng khí kiên cường, cách xử lý thông minh, tỉnh táo và khôn khéo, lại được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản cùng một số luật sư chân chính người Anh, cuối cùng Nguyễn Ái Quốc đã giành thắng lợi và được trả tự do. Đây là vụ án đặc biệt, tưởng chừng chỉ có trong các truyện cổ.

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 224.



Ngày 02/6/1931, cảnh sát Anh tại Xingapo đã bắt đồng chí Lophorăng (Lefranc) - Thanh tra người Pháp được Quốc tế Cộng sản cử theo dõi, giúp đỡ Đảng Cộng sản Đông Dương. Khi bị bắt, trong người đồng chí Lophorăng có bức thư gửi cho Nguyễn Ái Quốc, từ đó địa chỉ của Người bị lộ.

Ngày 06/6/1931, Cảnh sát Anh ở Hồng Công bí mật bắt Nguyễn Ái Quốc lúc đó lấy tên là Tống Văn Sơ, ở số nhà 186 phố Tam Lung (Cửu Long, Hồng Công). Sau đó, cảnh sát Anh bí mật bao vây dãy phố ấy suốt mấy tuần, hòng đặt “bẫy chuột” để bắt những đồng chí qua lại quan hệ, nhưng kết quả không bắt được ai. Nhà ở thì bị lật hết từng bức tường, từng viên gạch, dùng chất hóa học để tìm tài liệu bí mật, nhưng cũng không tìm được gì.

Tối 06/6/1931, đồng chí Hồ Tùng Mậu đã chủ động tìm đến nhà ông Lôdobi (Francis Henry Loseby), một luật sư tiến bộ người Anh, lúc đó là Chủ tịch Công ty luật gia ở Hồng Công để nhờ giúp đỡ. Một ngày sau, lại có thêm nhiều người đến đề nghị cứu Tống Văn Sơ, trong đó có đại diện của Quốc tế Cứu tế đỏ, do Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản đề nghị.

Ông Lôdobi đến Sở Cảnh sát Hồng Công nhiều lần đòi cho gặp Tống Văn Sơ, nhưng nhà chức trách đều từ chối. Họ cảnh sát không ngờ rằng vụ bắt giữ này được tiến hành bí mật, bất ngờ đến thế mà nay đã bị lộ. Chúng bắt đầu lúng túng. Chúng biết không thể bí mật chuyển giao Nguyễn Ái Quốc cho Pháp được nữa, cho nên đến ngày 12



tháng 6 đành phải ra lệnh bắt giam. Như thế là trước đó 6 ngày, Tống Văn Sơ bị bắt giữ một cách trái phép.

Đến ngày 25 tháng 6, cảnh sát Anh phải để ông bà Lôđobi vào gặp Tống Văn Sơ. Ông Lôđobi nói: “Bác sĩ Tôn Dật Tiên được một người Anh cứu thoát. Tôi cũng sẽ ra sức cứu ông, ông hãy tin ở tôi. Ông hãy nói cho tôi nghe những điều gì có thể giúp trong việc bệnh vực ông”. Tống Văn Sơ cảm ơn ông bà Lôđobi và cùng với luật sư xác định phương hướng bào chữa để làm sao ra khỏi nhà tù mà không rơi vào tay đế quốc Pháp. Người cũng đã biết nước Anh có truyền thống cứu giúp những người cách mạng nước ngoài. Sau này ông Lôđobi kể lại: “Sau 30 phút gặp gỡ, Người đã hoàn toàn chinh phục tôi. Ở Người toát ra một sức mạnh cảm hóa rất kỳ diệu”. Còn bà Lôđobi kể: “Chỉ sau 10 phút là tôi cảm phục Người. Tôi thúc nhà tôi làm gấp hồ sơ, còn tôi và con gái tôi ngày ngày vào thăm, săn sóc sức khỏe cho Người”¹.

Theo luật pháp nước Anh, sau khi có lệnh bắt người từ 7 đến 21 ngày mà không luận được tội thì phải thả người bị bắt giam. Nhưng cảnh sát Hồng Công tiếc món tiền thưởng 75 ngàn đồng chính quyền Đông Dương hứa trao cho, nên cố chần chờ, mãi đến ngày 01/8/1931 mới mở phiên tòa đầu tiên xét xử Tống Văn Sơ.

Qua ba cuộc thẩm vấn và chín phiên tòa xét xử tại Hồng Công, Tống Văn Sơ rất thông minh, khôn khéo,

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 233.



thận trọng trong lời khai của mình, khiến tòa án không thể khép vào bất cứ tội danh nào để đưa về Đông Dương. Luật sư Gienkin được luật sư Lôđobi ủy nhiệm đã bào chữa trong suốt chín phiên tòa, vạch ra lý lẽ: Việc bắt giam Tống Văn Sơ là trái phép. Việc lấy cung đã làm trái phép ngoài khuôn khổ pháp luật quy định. Việc buộc Tống Văn Sơ phải lên tàu Pháp về Đông Dương vì theo cộng sản hay không theo cộng sản thì tòa án không có quyền, thực chất là sự dã man trá hình đưa Tống Văn Sơ vào chỗ chết. Tòa án đã thừa nhận những sai trái nhưng vẫn quyết định trực xuất Tống Văn Sơ về Đông Dương. Luật sư Lôđobi phản đối và chống án lên Hội đồng Nhà vua ở Luân Đôn. Ông nhờ bạn là luật sư Nôoen Prít (Nowel Pritt) ở Luân Đôn giúp đỡ.

Phóng viên báo chí Anh đã viết nhiều bài gây xôn xao dư luận chính giới ở Hồng Công. Nguyễn Ái Quốc bị bắt và đã ngồi tù hơn một năm tại nhà tù Hương Cảng. Trong thời gian bị bắt giam, tâm trạng của Nguyễn Ái Quốc chỉ có một điều lo là những công việc mình chưa làm xong, ai sẽ tiếp tục làm thay? Những manh mối và địa điểm chỉ có mình biết, từ nay ai sẽ xây dựng lại?... Nhưng với công cuộc và tương lai của cách mạng, Người quyết không hề bi quan, luôn luôn lạc quan¹.

Tháng 7/1932, Hội đồng Cơ mật Hoàng gia Anh đã chấp nhận đơn kháng án và vụ án sẽ phải xử lại. Nhưng nếu xử lại, chính quyền Hồng Công có thể mất uy tín

1. Xem T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Sđd, tr. 41-48.



vì không có chứng cứ. Ông Lôdobi đã đồng ý với chính quyền Hồng Công là lặng lẽ trả lại tự do cho Tống Văn Sơ mà không cần xét xử thêm nữa. Sau đó ông bà Lôdobi đã mua cho Nguyễn Ái Quốc một vé tàu thủy đi châu Âu. Tàu đến Xingapo, Nguyễn Ái Quốc lại bị cảnh sát bắt và trả lại Hồng Công. Ông Lôdobi lại tận tình cứu giúp một lần nữa, bí mật thu xếp cho Nguyễn Ái Quốc an toàn rời khỏi Hồng Công.

Gia đình luật sư đã bí mật cài trang cho Nguyễn Ái Quốc thành một thương gia Trung Quốc giàu có và cử viên thư ký tháp tùng. Hôm đó tức chiều 22/01/1933, chiếc tàu nước ngoài từ Hồng Công qua Thượng Hải, mới nhổ neo đi ra biển độ 3 cây số thì được lệnh phải đỗ lại. Chiếc ca nô riêng của thống đốc Hồng Công đưa một vị nhân sĩ Trung Quốc vào một phòng hạng nhất trên tàu. Tàu đến Hạ Môn thì vừa đúng ngày 30 Tết âm lịch. Nhận lời mời của bạn bè, vị thân sĩ Trung Quốc lưu lại ăn Tết ở Hạ Môn.

Bọn đế quốc Pháp vô cùng tức tối về việc mất tích của Nguyễn Ái Quốc. Để đánh lạc hướng bọn mật thám, ông bà Lôdobi đã cho báo chí phao tin “Nguyễn Ái Quốc bị lao và đã chết trong nhà tù”. Tin đó đã đến Mátxcova, Pari, Đông Dương. Nhiều nơi đã làm lễ truy điệu và báo chí đã ca ngợi Người...

Tình hình vụ án có dấu hiệu lẩn đi. Tháng 7/1933, Nguyễn Ái Quốc rời Hạ Môn lên Thượng Hải, tìm cách liên lạc với Đảng. Để che mắt địch, Người đóng vai một



thân sĩ quần áo sang trọng ở khách sạn đắt tiền, nhưng tối thì “khóa cửa phòng lại, ăn khoai trù bữa và tự giặt áo quần”.

Mùa thu năm 1933, được tin có một đoàn đại biểu từ châu Âu sang Viễn Đông tuyên truyền chống chiến tranh để quốc. Đoàn có một nhà văn người Pháp là Vayăng Cutuyriê. “Tin tức này làm cho Bác mừng rỡ nhẹ cả người”. Ở Thượng Hải, bà Tống Khánh Linh (vợ của Tôn Trung Sơn) đã bí mật tổ chức một cuộc mít tinh cho đoàn nói chuyện. Nguyễn Ái Quốc viết thư cho đồng chí Vayăng Cutuyriê, Người ăn mặc thật sang, thuê chiếc xe hơi thật sang, đến nhà người bạn, trao bức thư, rồi đi ngay. Cảnh sát Pháp lục soát người đi đường, vì chiếc xe rất sang, nên không bị chặn lại khám xét... một lần nữa, hú vía! Người bạn đó chính là bà Tống Khánh Linh.

Chiều hôm sau, Nguyễn Ái Quốc đã gặp Vayăng Cutuyriê ở một địa điểm kín đáo. Thật là “Muôn dặm quê người, gặp bạn thân”. Cả hai người vô cùng mừng rỡ, cảm động nghẹn ngào, siết chặt tay nhau nói chuyện. Chỉ mấy ngày sau, Nguyễn Ái Quốc đã nối lại được liên lạc với đoàn thể. Mùa xuân năm 1934, một chiếc tàu buôn Liên Xô ghé qua Thượng Hải đón một hành khách mặc áo dài Trung Quốc, đưa Nguyễn Ái Quốc cập bến cảng Vladivostoc, trở lại gia đình Quốc tế Cộng sản. Chính đồng chí Vayăng Cutuyriê là người đã giới thiệu Nguyễn Ái Quốc vào Đảng Xã hội Pháp, bênh vực Người ở Đại hội Tua năm 1920, bây giờ lại giúp đỡ Người trở lại Liên Xô!



Năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời gia đình luật sư Lôđobi sang thăm Việt Nam từ ngày 26 tháng 01 đến ngày 03/02/1960. Bác đã ra sân bay Gia Lâm đón gia đình luật sư về Nhà khách Chính phủ. Tại Nhà máy cơ khí Hà Nội, Bác đã nói với anh em công nhân, luật sư là người đã cứu sống mình. Hằng ngày, Bác thăm gia đình luật sư. Nhân dân Việt Nam đón gia đình luật sư đến thăm với tình cảm ấm áp dành cho một ân nhân của đất nước. Một cụ già ở Hải Phòng đem càنه đào của vườn nhà cho cháu ăn Tết, đã gặp gia đình luật sư ở bến phà Bính. Cụ đã cố tiến lại trước mặt luật sư, nhờ đồng chí phiên dịch giúp rằng: Trời run rủi thế nào tôi có may mắn được gặp ân nhân của đất nước. Thưa cụ, chữ “Ân” của cụ nặng lắm, muôn đời con cháu chúng tôi không trả nổi. Cụ cho phép tôi được kính biểu cụ càنه đào này và xin cụ hãy nhận tôi ba lẽ. Cụ đã nâng càنه đào cung kính tặng luật sư rồi sụp ngay xuống sàn phà vái lia lịa! Thật quá bất ngờ cho gia đình luật sư. Cụ bà luật sư quay đi lau những giọt nước mắt đang trào ra. Còn luật sư nâng ông cụ dậy, ôn tồn nói rằng: Không phải là tôi đã cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính chủ nghĩa nhân đạo của Người đã cứu Người. Tôi xin chân thành cảm ơn cụ. Cảm ơn Nhân dân Việt Nam luôn sống có nghĩa có tình. Tôi xin nhận càنه đào này và nhờ cụ giúp tôi chuyển càنه đào này cho người cháu và nói rằng: Đây là càنه đào của luật sư Lôđobi tặng cháu đón xuân!



Trong điện gửi Bác sau chuyến thăm Việt Nam, Luật sư đã viết: “Không thể nào nói hết lời để cảm ơn Ngài và nhân dân của Ngài về lòng tốt và hiếu khách mà chúng tôi không bao giờ quên... Ngài nói rằng tôi đã “cứu sống Ngài”, điều đó có thể đúng, nếu vậy thì đó chính là việc làm tốt nhất mà tôi đã từng làm, và đó mãi mãi là một việc làm sáng suốt”...

Bà Lôđobi kể lại: Lúc Người ở trong tù, mỗi chủ nhật chúng tôi mua thức ăn, trái cây, sách báo cho Người. Hồ Chủ tịch rất thích Pát. Nó hay trèo lên đùi Người, ngồi đu đưa... “Ông rất yêu trẻ và rất thích hoa... Tiếng Anh của ông thật tuyệt vời”.

Còn cô Pát cảm nghĩ: “Tôi rất sung sướng được đến thăm đất nước Bác Hồ. Đất nước của các bạn còn chiến tranh, còn nghèo mà hiếu khách quá. Chúng tôi chưa từng được ai đón tiếp nồng hậu như vậy. Chắc chắn đất nước Việt Nam sẽ phồn vinh vì có một lãnh tụ vĩ đại như Bác Hồ”¹.

Khi luật sư Lôđobi từ trần năm 1967, thọ 84 tuổi, gia đình đề nghị bạn bè đến viếng không nên mang hoa mà số tiền đó để phúng vào quỹ từ thiện. Bác Hồ dặn mua một vòng hoa lớn đến viếng luật sư và băng trên vòng hoa chỉ ghi tên Bác “Hồ Chí Minh” chứ không ghi “Chủ tịch”. Cuối cùng, đám tang luật sư Lôđobi duy nhất chỉ có một vòng hoa của Hồ Chí Minh. Kết thúc tang lễ, báo

1. Xem nhiều tác giả: *Vụ án Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông (1931-1933)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 250-278.



chí đăng: Một việc Lôđobi lấy làm vinh hạnh nhất trong cuộc đời hoạt động của mình là cứu sống được một người cách mạng Việt Nam, người đó bây giờ là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nguyễn Ái Quốc đã tham dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản từ ngày 25 tháng 7 đến 20/8/1935. Mặc dù được Đảng Cộng sản Đông Dương bầu là đại biểu chính thức, nhưng Quốc tế Cộng sản không công nhận, sau nhiều lần kiến nghị, Người mới được bầu là đại biểu tư vấn. Nguyễn Ái Quốc vô cùng phấn khởi vì đã tìm thấy trong nghị quyết của Đại hội lần này nhiều quan điểm mới phù hợp với những suy nghĩ, tìm tòi của mình về đường lối chiến lược, sách lược của cách mạng thuộc địa, đặc biệt là vấn đề chống chủ nghĩa phát xít, thành lập cho được mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống đế quốc, đồi dân chủ, cơm áo và hòa bình. Người càng nóng lòng được trở về Tổ quốc, coi đây là thời cơ hiếm có để đẩy mạnh phong trào cách mạng ở Đông Dương.

Ngày 06/06/1938, Nguyễn Ái Quốc viết thư cho một đồng chí trong Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản bày tỏ tâm trạng của mình: “Hôm nay là ngày kỷ niệm lần thứ bảy việc tôi bị bắt giữ ở Hồng Kông. Đó cũng là ngày mở đầu năm thứ tám tình trạng không hoạt động của tôi. Nhân dịp này, tôi viết thư gửi đồng chí để xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này”¹.

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*, Sđd, t. 2, tr. 70.



Trước tình hình đang biến chuyển rất nhanh, được Quốc tế Cộng sản đồng ý, ngày 29/9/1938, Nguyễn Ái Quốc rời Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, bỏ lại bản luận án đang viết dở, đi về phương Đông, tìm đường về nước để thực hiện con đường mình đã kiên trì lựa chọn.

Tháng 8/1942, Bác từ Cao Bằng sang Trung Quốc để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Người bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam. Trong hơn một năm trời bị giam cầm, giải tới giải lui khắp 13 huyện và hơn 30 nhà giam của tỉnh Quảng Tây, Người đã viết tập thơ *Nhật ký trong tù* bằng chữ Hán. Đây là những ngày tháng Bác bị đọa dày, hành hạ nặng nề: Tay bị trói giật cánh khuỷu, cổ mang vòng xích, có sáu người lính mang súng giải đi. Dầm mưa dãi nắng, trèo núi qua truông, ăn uống và điều kiện sinh hoạt thiếu thốn nên Bác thường xuyên bị ghẻ khấp người, rận và rệp tranh nhau hành hạ, người gầy như que củi, tóc chóng bạc và rụng nhiều. Có lần Bác bị phù rồi liệt cả hai chân, Người phải dùng hết sức cố gắng mới bò đến ôm cột đứng dậy, được một tí thôi, dần dần đứng thẳng được, rồi tập đi một bước, tập đi lần vách... Nhờ sự can thiệp của Đảng ta, ngày 10/9/1943, Người mới được trả lại tự do¹.

1. Xem *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Sđd, tr. 295-297.



Làm thơ trong hoàn cảnh như vậy, *Nhật ký trong tù* là một tác phẩm văn học lớn của một chiến sĩ cộng sản vĩ đại; là một viên ngọc quý trong nền văn hóa dân tộc, đặt nền móng cho văn hóa cách mạng Việt Nam hiện đại.

Lời giới thiệu *Nhật ký trong tù* bằng tiếng Pháp của Nhà xuất bản Seglerô (Pari) năm 1963: đây là một tập thơ đã làm “xáo trộn tâm hồn nhân loại”.

Nhà văn Trung Quốc Quách Mạt Nhược cảm nghĩ: Đọc *Nhật ký trong tù* chúng ta bắt gặp tâm hồn của một bậc đại trí, đại nhân, đại dũng. Tôi cảm thấy trái tim vĩ đại ấy đã tỏa ánh sáng chói ngời trong hoàn cảnh khó khăn.

Ở Việt Nam, nhà thơ Hoàng Trung Thông viết:

*Con đọc trăm bài trăm ý đẹp,
Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh.
Vân thơ của Bác, vân thơ thép,
Mà vẫn mênh mông bát ngát tình.*

(Đọc thơ Bác)

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh kể câu chuyện về thơ ca, cách mạng. Năm 1943, Tố Hữu viết:

*Nép lưng vào miếu tranh nghèo,
Nao nao lòng lại mơ theo cờ hồng.*

(Đêm giao thừa)

Cũng thời gian đó, trong nhà tù vào một đêm không ngủ được, Bác Hồ viết:

*Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trần trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;*



*Canh bốn, canh năm vừa chớp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

(Ngủ không được)

Ở hai phương trời khác nhau, hai người chiến sĩ cách mạng trong một đêm không ngủ được đều mơ về lá cờ cách mạng và ghi lại cảm xúc đó bằng thơ. Nếu gọi là ngẫu nhiên thì đây là điều ngẫu nhiên kỳ diệu, nó báo hiệu những ngày vinh quang sẽ tới.

Trong cuốn sách *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, lương tâm của thời đại*, đồng chí Phạm Văn Đồng đã viết: “Tất cả những gì tốt đẹp của dân tộc trong 4.000 năm lịch sử đều sống dậy tràn đầy sức mạnh hơn bao giờ hết trong thời đại Hồ Chí Minh”¹.

Thời đại Hồ Chí Minh đã sinh ra những thế hệ vàng của dân tộc. Đó là những anh hùng, liệt sĩ mà cả dân tộc đời đời biết ơn và tôn thờ. Đó là những đồng chí lãnh đạo nổi tiếng của cách mạng Việt Nam, những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là những anh bộ đội Cụ Hồ, những nhà trí thức, nghệ sĩ lớn. Theo Bác: “Bây giờ xã hội mới,... ai cũng có thể vươn tới đỉnh cao của đạo đức cách mạng. Những gương thánh hiền ngày xưa chỉ có mấy chục và là chuyện của nước ngoài, chuyện tưởng tượng ra. Còn thánh hiền ngày nay bao gồm hàng triệu con người có thật trong nhân dân Việt Nam ta, ở

1. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Sđd, tr. 76.



trong nhà hay ra ngõ đều có thể gặp được. Đó là những anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua. Đó là hàng triệu “người tốt việc tốt”... đang cùng nhau viết nên những trang sử vô cùng oanh liệt mà con cháu ta sẽ mãi mãi tự hào”¹. Những thánh hiền ngày nay đã làm được những công việc chưa từng có trong lịch sử. Đó là kỳ tích đường Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh huyền thoại.

Và chính họ đã góp phần rất lớn trong việc cung Nhân dân cả nước, dưới sự lãnh đạo anh minh, sáng suốt của Đảng và Bác, làm nên những mốc son thắng lợi vĩ đại của lịch sử dân tộc: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc. Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước hòa bình, thống nhất, non sông thu về một mối. Thời gian sẽ trôi qua, nhưng những thắng lợi đó mãi mãi là những chiến thắng Bạch Đằng - Đống Đa của thế kỷ XX.

Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, chưa bao giờ dân tộc ta được Nhân dân yêu chuông hòa bình và tiến bộ cả thế giới ủng hộ, giúp đỡ to lớn và cảm động như ở thời đại Hồ Chí Minh. Khi Bác ra đi tìm đường cứu nước, những năm đầu thế kỷ XX, các nước thuộc địa và nửa thuộc địa chiếm 72% diện tích và 70%

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 673.



dân số thế giới. Đến nay, hệ thống thuộc địa thế giới đã sụp đổ. Cách mạng giải phóng dân tộc thực sự đã đáp ứng đòi hỏi của lịch sử và xu thế thời đại. Và Việt Nam đang từng ngày thay da đổi thịt, tiến vững chắc trên con đường phát triển hòa bình, bền vững.

Ngày 30/8/2019, trong Diễn văn tại Lễ Quốc gia 50 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2019) và kỷ niệm 50 năm Ngày mất của Người (02/9/1969 - 02/9/2019). Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã hun đúc nên sự nghiệp Hồ Chí Minh, thời đại Hồ Chí Minh - thời đại rực rỡ nhất, vinh quang nhất trong lịch sử dân tộc ta”.



KẾT LUẬN

Sáu phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đề cập trong cuốn sách này gắn bó hữu cơ, có mối quan hệ nhân quả với nhau, phản ánh những giá trị cốt lõi về tư tưởng và đạo đức của Người. Phong cách của Bác có sức cảm hóa kỳ diệu, đã đưa tư tưởng, đạo đức, đường lối cách mạng vào cuộc sống, vào quần chúng, tạo niềm tin yêu và sức sống mãnh liệt, ân tình sâu nặng, nhớ mãi muôn đời!

Tìm hiểu phong cách Hồ Chí Minh, chúng ta càng nhận thấy niềm tự hào vì “Dân tộc ta, Nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại”¹, danh nhân văn hóa kiệt xuất và người Việt Nam đẹp nhất. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách của Người sẽ giúp chúng ta nâng tầm cao trí tuệ và tâm hồn, sẽ mãi mãi được dân tin, dân phục, dân yêu.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 627.



Chân lý bao giờ cũng cần cụ thể, cách mạng là sáng tạo. Cuộc sống đang hội nhập, hợp tác, để đất nước phát triển nhanh và bền vững. Điều đó đòi hỏi phong cách mỗi người phải có nhiều đổi mới sáng tạo, thiết thực, thường xuyên hàng ngày, để không ngừng hoàn thiện bản thân, sống thành đạt hạnh phúc, đóng góp thiết thực vào thực hiện mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh!



MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
I. Phong cách suy nghĩ và học tập: Suy nghĩ kỹ, độc lập, tự chủ, sáng tạo, luôn gắn chặt lý luận với thực tế. Học tập để tìm đường cứu nước, để làm người cách mạng mẫu mực, học đi đôi với hành	7
II. Phong cách làm việc dân chủ, khoa học, kỹ lưỡng, cụ thể, tối nơi, tối chốn	39
III. Phong cách ứng xử văn hóa, tinh tế, đầy tính nhân văn, thấm đậm tinh thần yêu dân, trọng dân, vì dân	67
IV. Phong cách nói đi đôi với làm, đi vào lòng người, nói và viết ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm	91
V. Phong cách quần chúng, dân chủ, tự mình nêu gương, sống thanh cao, giản dị, lạc quan	116
VI. Phong cách kiên trì và nhẫn耐, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, sống ở đâu cũng được nhiều người yêu quý, giúp đỡ và làm theo	141
<i>Kết luận</i>	169

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Nhiều tác giả

**CHĂM LO LỢI ÍCH, HẠNH PHÚC VÀ PHÁT HUY
QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN THEO TƯ TUỞNG,
ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**



TS. Nguyễn Hồng Chuyên (Chủ biên)

**HỌC TẬP VÀ LÀM THEO NHỮNG LỜI DẠY
CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI THANH NIÊN**



TS. Trịnh Thanh Mai

**NGOẠI GIAO VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH
VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

ISBN 978-604-57-5449-8



9 786045 754498



8935279119905

Giá: 57.000đ